

BỘ ĐỀ ÔN THI HỌC SINH GIỎI

MÔN ĐỊA LỚP 9

ĐỀ SỐ 1 – HUYỆN YÊN HÒA VĨNH PHÚC - 2018

Câu 1 (4 điểm) Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy cho biết: Phần đất liền nước ta tiếp giáp với các quốc gia và các cửa khẩu nào?

Tại sao nói: "Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam"?

Câu 2 (2,0 điểm). Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

Chứng minh rằng dân cư nước ta phân bố không đều. Nêu nguyên nhân?

Câu 3 (5 điểm)

a. Nêu những sự kiện chứng tỏ rằng nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

b. Phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn về việc phát triển ngành thủy sản ở nước ta.

Câu 4 (5 điểm) Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

a. Nêu sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở vùng Đông Nam Bộ

b. Phân tích ý nghĩa của sông Hồng đối với phát triển nông nghiệp và đời sống dân cư của vùng Đồng bằng sông Hồng. Hệ thống đê điều có những mặt tiêu cực nào?

c. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nằm trong hai vùng lãnh thổ nào? Kể tên các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Câu 5 (4 điểm) Cho bảng số liệu sau

Dân số và sản lượng lương thực của nước ta giai đoạn 1990- 2010

Năm	1990	1995	2000	2005	2010
Dân số (nghìn người)	66.016,7	71.995,5	77.630,9	82.392,1	86.932,5
Sản lượng lương thực có hạt (Nghìn tấn)	19.897,7	26.142,5	34.538,9	39.621,6	44.632,5

a. Tính sản lượng lương thực bình quân theo đầu người của nước ta qua các năm theo bảng số liệu trên

b. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng dân số, sản lượng lương thực và sản lượng lương thực bình quân đầu người của nước ta giai đoạn 1990- 2010

c. Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét

Đáp án

Câu 1 (4,0đ)

* Phần đất liền nước ta tiếp giáp với các quốc gia. Các cửa khẩu?

Dựa átlát bản đồ Trang....(thiếu -0,25 điểm) (3,0đ)

Nước	Trung Quốc	Lào	Campuchia
Hướng	Bắc	Tây	Tây Nam

Các tỉnh biên giới	Điện Biên Lai Châu Lào Cai Hà Giang Cao Bằng Lạng Sơn Quảng Ninh	Điện Biên Sơn La Thanh Hóa Nghệ An Hà Tĩnh Quảng Bình Quảng Trị Thừa Thiên Huế Quảng Nam Kom Tum	Kom Tum Gia Lai Đắk Lắk Đắk Nông Bình Phước Tây Ninh Long An Đồng Tháp An Giang Kiên Giang
Các cửa khẩu đọc biên giới	- Lào Cai (Lào Cai) - Thanh Thủy (Hà Giang) - Trà Lĩnh, Tà Lùng (Cao Bằng) - Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Móng Cái (Quảng Ninh)	- Tây Trang (Điện Biên) - Sơn La (Sơn La) - Nà Mèo (Thanh Hóa) - Nậm Cắn (Nghệ An) - Cầu Treo (Hà Tĩnh) - Cha Lo (Quảng Bình) - Lao Bảo (Q Trị) - Nậm Giang (Quảng Nam) - Bờ y (Kom Tum)	- Lệ Thanh (Gia Lai) - Hoa Lư (B Phước) - Xa mát , Mộc Bài (Tây Ninh) - Đồng Tháp (Đồng Tháp) - An Giang (An Giang) - Hà Tiên (Kiên Giang)

(Hs kể tên các tỉnh theo ND át lát địa lý(Mỗi nước kể ít nhất 5 cửa khẩu)HS có cách trình bày khác nếu đúng vẫn cho điểm

Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất trong cấu trúc địa hình Việt Nam.

* Đồi núi:

Chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ trong đó chủ yếu là đồi núi thấp. (0,5đ)

- Địa hình dưới 1000m: chiếm 85%.
- Núi cao trên 2000m: chỉ chiếm 1%

Đồi núi tạo thành cánh cung lớn hướng ra biển Đông kéo dài 1400 km từ miền Tây Bắc đến miền Đông Nam Bộ (0,25đ)

* Đồng bằng:

Chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích lãnh thổ phần đất liền và bị đồi núi ngăn cách thành nhiều khu vực, điển hình là dải đồng bằng duyên hải miền Trung (0,25đ)

Câu 2: Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam bản đồ dân cư trang...

Chứng minh rằng dân cư nước ta phân bố không đều:

* Phân bố không đều giữa đồng bằng với trung du, miền núi:

Dân cư đông đúc ở đồng bằng và ven biển với mật độ dân số rất cao: (0,25đ)

- Đồng bằng Sông Hồng có nơi mật độ dân số cao từ 1001 đến 2000 người/ km²
- Dải đất phù sa ngọt ĐB Sông Cửu Long và một số vùng ven biển có mật độ dân số từ 501 đến 1000 người/km²

Ở vùng trung du và miền núi dân cư thưa thớt hơn nhiều mật độ dân số thấp: (0,25đ)

Tây Bắc và Tây nguyên mật độ dân số < 50 người/km² và từ 50 đến 100 người/km²

* Phân bố không đều giữa đồng bằng Sông Hồng và ĐB Sông Cửu Long:

- ĐB Sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước phần lớn có mật độ dân số từ 501 đến 2000 người/km² (0,25đ)
- ĐB Sông Cửu Long mật độ từ 101 đến 200 người /km² và từ 501 đến 1000 người/km². (0,25đ)

* Phân bố không đều ngay trong một vùng kinh tế:

- Đồng bằng Sông Hồng vùng trung tâm ven biển phía đông mật độ > 2000 người/km² rìa phía bắc, đông bắc, Tây nam mật độ chỉ từ 201 đến 500 người/km² (0,25đ)
- Đồng bằng Sông Cửu Long ven sông Tiền mật độ 501 đến 1000 người/km² Đồng Tháp Mười và Hà Tiên chỉ có 50 đến 100 người/km² (0,25đ)

* Phân bố không đều ngay trong một tỉnh: Tỉnh Thanh Hóa Thị xã Sầm Sơn mật độ > 2000 người /km², phía tây giáp Lào mật độ 50 người/km² (0,25đ)

Nguyên nhân: (0,25đ)

- Điều kiện tự nhiên
- Lịch sử định cư, khai thác lãnh thổ
- Trình độ phát triển kinh tế và khả năng khai thác tài nguyên thiên nhiên của mỗi vùng

Câu 3 (5 điểm)

a. Nêu những sự kiện chứng tỏ rằng nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

- Đầu năm 1995 Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ. Tháng 7- 1995 Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN (0,5đ)
- Nước ta cũng đang trong lộ trình thực hiện cam kết của AFTA (Khu vực mậu dịch tự do ASEAN), tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á- Thái Bình Dương (APEC), đẩy mạnh quan hệ đa phương và song phương (0,5đ)
- Tháng 1- 2007 Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của tổ chức thương mại thế giới WTO (0,5đ)

b, Những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản nước ta.

* Thuận lợi

Điều kiện tự nhiên

- Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km (0,25đ)
- Có 4 ngư trường lớn: Hải Phòng-Quảng Ninh, quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa, Ninh Thuận- Bình Thuận- Bà Rịa-Vũng Tàu, Cà Mau- Kiên Giang. (0,25đ)
- Nguồn lợi hải sản rất phong phú. Tổng trữ lượng hải sản khoảng 3,9 – 4,0 triệu tấn, cho phép khai thác hàng năm 1,9 triệu tấn. (0,25đ)
- Biển nước ta có hơn 2000 loài cá, 100 loài tôm, rong biển hơn 600 loài,... (0,25đ)

- Dọc bờ biển có nhiều vũng, vịnh, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn có khả năng nuôi trồng hải sản. (0,25đ)
- Nước ta có nhiều sông, suối, kênh rạch... có thể nuôi thả cá, tôm nước ngọt. (0,25đ)

Điều kiện kinh tế xã hội

- Dân cư có nhiều kinh nghiệm có truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản (0,25đ)
- Cơ sở vật chất được chú trọng (0,25đ)
- Thị trường trong và ngoài nước có nhu cầu lớn (0,25đ)
- Chính sách của Đảng và nhà nước đang có tác động tích cực tới ngành thủy sản (0,25đ)

* Khó khăn

- Hằng năm có 9- 10 cơn bão đổ bộ vào (0,25đ)
- Phương tiện đánh bắt cò chậm đổi mới (0,25đ)
- Hệ thống các cảng cá chưa đáp ứng được yêu cầu (0,25đ)
- Một số vùng biển môi trường bị suy thoái nguồn lợi hải sản bị suy giảm (0,25đ)

Câu 4 (5 điểm)

a. Nêu sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở vùng Đông Nam Bộ

* Sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm

- Cao su: Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai (0,25đ)
- Cà phê: Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu (0,25đ)
- Điều: Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương (0,25đ)
- Hồ tiêu: Bình Phước, Đồng Nai (0,25đ)

b. Ý nghĩa của sông Hồng đối với sự phát triển nông nghiệp và đời sống dân cư:

- Bồi đắp phù sa tạo nên châu thổ rộng lớn màu mỡ là địa bàn của sản xuất nông nghiệp. (0,5đ)
- Có diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản (0,25đ)
- Cung cấp nguồn nước cho sinh hoạt (0,25đ)
- Đồng bằng đông dân, nông nghiệp trù phú, công nghiệp đô thị sôi động... (0,5đ)
- Chế độ nước thất thường gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt dân cư (0,5đ)
- Tồn kém việc xây dựng và bảo vệ thông đê. (0,25đ)

* Hệ thống đê điều có những mặt tiêu cực:

- Các cánh đồng bị vây bọc bởi các con đê trở thành những ô trũng thấp, khó thoát nước về mùa lũ. (0,5đ)
- Bộ phận đất phù sa trong đê không được bồi đắp thường xuyên, khai thác lâu đời bị thoái hóa (0,5đ)

c. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nằm trong hai vùng: Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng (0,5đ)

* Các tỉnh thành phố là: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh. (0,25đ)

Câu 5 (4 điểm)

a. Tính sản lượng lương thực bình quân theo đầu người của nước ta qua các năm theo bảng số liệu trên (0,5đ)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010
SLTT có hạt bình quân theo đầu người (kg/người)	301,4	363,1	444,9	480,9	513,4

b. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng dân số, sản lượng lương thực và sản lượng lương thực bình quân đầu người của nước ta giai đoạn 1990- 2010

Xử lý bảng số liệu: (Lấy năm 1990 là 100)

Tốc độ tăng trưởng dân số, sản lượng lương thực và sản lượng lương thực bình quân đầu người của nước ta giai đoạn 1990- 2010 (%) (1,0đ)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010
Dân số	100	109,1	117,6	124,8	131,7
Sản lượng lương thực có hạt	100	131,4	173,6	199,1	224,3
SLTT có hạt bình quân theo đầu người (kg/người)	100	120,5	147,6	159,6	170,3

Vẽ biểu đồ (1,25đ)

Yêu cầu:

- Vẽ biểu đồ đường
- Đảm bảo chính xác, khoa học, thẩm mỹ.
- Có đầy đủ tên biểu đồ, chú giải, ghi số liệu đúng cho mỗi đường.
- Trục tung: ghi đơn vị % phía trên bên trái trục tung.
- Trục hoành: chia năm chính xác, có mũi tên và chữ "năm" ở cuối trục.

Trừ điểm:

- Vẽ biểu đồ khác: không tính điểm.
- Các tiêu chí trên, mỗi tiêu chí không đạt hoặc sai trừ 0,25 điểm/tiêu chí.

c. Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét

Dân số, sản lượng lương thực và sản lượng lương thực bình quân đầu người của nước ta giai đoạn 1990- 2010 của nước ta đều tăng, nhưng tốc độ tăng trưởng không đều.

- Dân số tăng gấp 1,23 lần (tăng 31,7 %) (0,25đ)
- Sản lượng lương thực tăng 2,24 lần (tăng 124,3 %) (0,25đ)
- Sản lượng lương thực bình quân đầu người tăng khá nhanh 1,70 lần (tăng 70,3 %) (0,25đ)

Tốc độ tăng trưởng sản lượng lương thực còn chậm vì nếu tăng 1% dân số sản lượng lương thực phải tăng 4%. Để đảm bảo an ninh lương thực phải đẩy mạnh sản xuất lương thực mặt khác phải hạ thấp tỷ lệ gia tăng dân số. (0,25đ)

ĐỀ SỐ 2

Câu 1: (3 điểm)

1. Tỉ lệ bản đồ cho biết điều gì? Nêu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ 1:2.000.000

2. Trên một bản đồ Việt Nam tỉ lệ 1:700.000, khoảng cách đo được từ Hà Nội đến Hải Phòng đo được là 15cm. Hỏi trên thực địa khoảng cách giữa hai thành phố này là bao nhiêu kilomet?

3. Khoảng cách từ Hải Dương đến Trường Sa là 1500km. Trên một bản đồ Việt Nam đo được khoảng cách giữa hai địa điểm này là 7,5cm. Hỏi bản đồ này có tỉ lệ bao nhiêu?

Câu 2: (3 điểm) Nêu những thuận lợi và khó khăn của đặc điểm tự nhiên nhiều đồi núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam?

Câu 3: (5 điểm) Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển cây công nghiệp lâu năm ở nước ta?

Câu 4: (5 điểm) Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học:

1. Hãy phân tích thế mạnh và hạn chế trong việc xây dựng công nghiệp của miền núi và Trung du Bắc Bộ?

2. Hãy phân tích đặc điểm phân bố các điểm công nghiệp và các trung tâm công nghiệp ở miền núi và Trung du Bắc Bộ?

Câu 5: (4 điểm) Cho bảng số liệu sau đây:

SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA

Năm	Tổng số dân (nghìn người)	Số dân thành thị (nghìn người)	Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên (%)
1995	71996	14938	1,65
1996	73157	15420	1,61
1999	76597	18082	1,51
2000	77635	18772	1,36
2002	79727	20022	1,32
2005	83106	22337	1,31
2006	84156	22824	1,26

Em hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển dân số của nước ta trong giai đoạn 1995-2006 và nêu nhận xét.

Đáp án

Câu 1:

1. Tỉ lệ bản đồ cho biết điều gì? (1,0đ)

- Tỉ lệ bản đồ cho biết khoảng cách trên bản đồ đã được thu nhỏ bao nhiêu lần so với kích thước thực của chúng trên thực địa

- Tỉ lệ bản đồ 1:2.000.000 có ý nghĩa là kích thước trên bản đồ đã được thu nhỏ 2.000.000 lần so với kích thước thực của chúng trên thực địa

2. Khoảng cách thực địa từ Hà Nội đến Hải Phòng? (1,0đ)

$$15 \times 700.000 = 1.050.000 \text{ (cm)} = 105 \text{ (km)}$$

3. Tỉ lệ bản đồ? (1,0đ)

$$\text{Đổi: } 1.500 \text{ (km)} = 150.000.000 \text{ (cm)}$$

Bản đồ đã thu nhỏ số lần là:

$$150.000.000 : 7,5 = 20.000.000 \text{ (lần)}$$

Vậy bản đồ có tỉ lệ là 1:20.000.000

Câu 2:

1. Thuận lợi: (1,5đ)

- Các mỏ nội sinh tập trung ở vùng đồi núi là cơ sở để công nghiệp hóa.
- Tài nguyên rừng giàu có về loài động, thực vật với nhiều loại quý hiếm tiêu biểu cho sinh vật rừng nhiệt đới.
- Bề mặt cao nguyên bằng phẳng thuận lợi cho việc thành lập các vùng chuyên canh cây công nghiệp, chăn nuôi.
- Các dòng sông ở miền núi có tiềm năng thủy điện lớn (sông Đà, sông Đồng Nai, sông Xêxan,...).
- Với khí hậu mát mẻ, phong cảnh đẹp nhiều vùng trở thành nơi nghỉ mát nổi tiếng như Đà Lạt, Sa Pa, Tam Đảo, Mẫu Sơn...

2. Khó khăn: (1,5đ)

- Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực, sườn dốc gây trở ngại cho giao thông, cho việc khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các miền.
- Do mưa lớn, độ dốc lớn nên miền núi là nơi xảy ra nhiều thiên tai: lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt lở đất, tại các đứt gãy sâu còn phát sinh động đất.
- Nơi khô nóng thường xảy ra nạn cháy rừng.
- Miền núi đá vôi thiếu đất trồng trọt và khan hiếm nước về mùa khô.
- Cuộc sống của người dân vùng cao gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển kinh tế cũng như tiếp nhận sự hỗ trợ và hội nhập với các vùng khác.

Câu 3:

1. Thuận lợi:

Điều kiện tự nhiên: (2,0đ)

- Đất: diện tích lớn, có nhiều loại thích hợp cho việc phát triển của cây công nghiệp lâu năm, khả năng mở rộng diện tích còn nhiều

Đất feralit trên đá badan và đá macma: phân bố tập trung ở Tây Nguyên, rải rác ở Đông Nam Bộ, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, rất thuận lợi cho việc phát triển của cây công nghiệp lâu năm

Đất feralit phát triển trên các loại đá khác: phân bố rộng khắp trên toàn bộ các vùng đồi núi ở nước ta, có thể phát triển các cây công nghiệp lâu năm

Đất xám trên phù sa cổ: tập trung ở Đông Nam Bộ và rải rác ở Tây Nguyên, Trung du Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, thích hợp cho việc trồng nhiều loại cây công nghiệp lâu năm

- Nguồn nước: dồi dào, từ các sông, hồ cung cấp nước tưới cho cây
- Khí hậu: nhiệt đới gió mùa, phân hóa từ Bắc đến Nam và phân hóa theo độ cao nên có thể trồng được nhiều loại cây công nghiệp lâu năm

Điều kiện kinh tế - xã hội: (1,0đ)

- Dân cư đông, lao động dồi dào và có nhiều kinh nghiệm trong việc trồng cây công nghiệp
- Nguồn lương thực ngày càng được đảm bảo, tạo điều kiện để ổn định và mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm
- Công nghiệp chế biến ngày càng phát triển mạnh
- Thị trường ngày càng mở rộng
- Chính sách đầu tư phát triển cây công nghiệp của Nhà nước

2. Khó khăn

Điều kiện tự nhiên: (1,0đ)

- Thiếu nước tưới mùa khô
- Vấn đề khai thác tài nguyên đất chưa thật hợp lý ở nhiều vùng, nguy cơ xói mòn, thoái hóa đất ở vùng đồi núi còn cao
- Thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường, có nhiều thiên tai

Điều kiện kinh tế - xã hội: (1,0đ)

- Sự phân bố lao động không đồng đều, thiếu lao động ở nhiều vùng có điều kiện phát triển cây công nghiệp lâu năm
- Công nghiệp chế biến còn lạc hậu
- Thị trường còn nhiều biến động

Câu 4:

1. Thế mạnh và hạn chế trong việc xây dựng công nghiệp ở miền núi và Trung du Bắc Bộ

Thế mạnh: (1,5đ)

- Vị trí: giáp Trung Quốc, Lào, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và biển Đông nên thuận lợi cho việc giao lưu xuất, nhập nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tiếp thu khoa học kỹ thuật, nguồn lao động lành nghề bằng các loại hình giao thông vận tải: đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông và đường hàng không.
- Khoáng sản: giàu tài nguyên khoáng sản nhất cả nước, phong phú về chủng loại (than, sắt, thiếc...), đặc biệt là than có trữ lượng lớn, phân bố tập trung
- Thủy điện: dồi dào (sông Đà, sông Chảy, sông Gâm)
- Đất đai: khí hậu, thuận lợi cho các cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn phát triển, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm
- Vùng biển giàu tiềm năng thủy sản, là cơ sở để phát triển ngành chế biến thủy, hải sản

Hạn chế: (1,0đ)

- Tài nguyên bị cạn kiệt do khai thác quá mức
- Hạn chế về cơ sở hạ tầng, làm cho việc giao lưu trong và ngoài vùng còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới
- Là vùng sinh sống của nhiều dân tộc ít người, trình độ dân trí thấp
- Thiếu lao động có trình độ chuyên môn

2. Đặc điểm phân bố các điểm công nghiệp và các trung tâm công nghiệp ở miền núi và Trung du Bắc Bộ

Nhận xét: (1,5đ)

- Các điểm công nghiệp, các trung tâm công nghiệp nhỏ phân bố ở các thị xã miền núi, gắn với việc chế biến nông sản (chè Hà Giang, thực phẩm ở Mộc Châu, Sơn La, Lai Châu), khai thác khoáng sản ở Lào Cai, Tĩnh Túc,...
- Các trung tâm công nghiệp thường có qui mô trung bình, riêng Quảng Ninh là trung tâm công nghiệp lớn. Cơ cấu ngành tương đối đa dạng, với ưu thế là ngành công nghiệp nặng và một số ngành công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản. Các trung tâm công nghiệp thường phân bố ở các thành phố.
- Nhìn chung công nghiệp còn kém phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của vùng do thiếu sự đồng bộ của nguồn lao động có tay nghề với cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông vận tải.

Một số trung tâm công nghiệp điển hình: (1,0đ)

- Quảng Ninh: khai thác than, cơ khí, nhiệt điện
- Bắc Giang: hóa chất phân bón, thực phẩm, chế biến gỗ, cơ khí
- Thái Nguyên: luyện kim đen, luyện kim màu, cơ khí, khai thác chế biến gỗ, chế biến chè, nhiệt điện nhỏ
- Việt Trì: hóa chất, cơ khí, vật liệu xây dựng, thực phẩm, gỗ, giấy
- Hòa Bình: thủy điện, vật liệu xây dựng

Câu 5:

1. Vẽ biểu đồ: (3,0đ)

Yêu cầu:

- Biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ kết hợp
- Chính xác về khoảng cách năm
- Có chú giải và tên biểu đồ
- Đẹp, chính xác về số liệu trên biểu đồ

Biểu đồ:

2. Nhận xét: (1,0đ)

- Tổng số dân và số dân thành thị đều tăng (dẫn chứng)
- Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên giảm (1,65% năm 1995 xuống 1,26% năm 2006) do làm tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình)

ĐỀ SỐ 3

Câu 1: (3 điểm) Trình bày sự chuyển động tự quay quanh trục của trái đất. Nêu khái quát các hệ quả của sự vận động tự quay quanh trục của Trái đất.

Câu 2: (3 điểm) Dựa vào atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học cho biết nước ta chịu tác động của những loại gió nào. Trình bày khái quát cơ chế hoạt động và ảnh hưởng của các loại gió đó đến lãnh thổ nước ta.

Câu 3: (4 điểm) Nêu các đặc điểm chủ yếu của lao động nước ta. Vì sao lao động nước ta hoạt động chủ yếu trong ngành nông nghiệp và đang có xu hướng chuyển dịch sang hoạt động trong ngành công nghiệp dịch vụ?

Câu 4: (5 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 – 2012

Nă m	Điện (tỉ kmh)	Than (triệu tấn)	Phân hóa học (nghìn tấn)
200 0	26,7	11,6	1210,0
200 4	46,2	27,3	1714,0
200 6	57,9	38,8	2182,6
200 9	80,6	44,1	2360,0
201 2	115,0	42,4	2861,4

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện chỉ số tăng trưởng của một số sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2000 – 2012.

b) Dựa vào biểu đồ đã vẽ hãy nhận xét và giải thích tình hình sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp giai đoạn trên.

Câu 5: (5 điểm) Dựa vào atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học em hãy.

a) Trình bày đặc điểm dân cư – xã hội của vùng Đồng bằng Sông Hồng.

b) Nêu những lợi ích của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở vùng này.

Đáp án

Câu 1: (3 điểm)

Sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái đất.

- Hướng quay: từ Tây – Đông 0,5 đ
- Thời gian: 24 giờ (1 ngày đêm) 0,5 đ
- Vận tốc: lớn nhất ở xích đạo (464 m/giây) giảm về 2 cực 0,5 đ

Các hệ quả.

- Sự luân phiên ngày đêm 0,5 đ
- Chuyển động biểu kiến của các thiên thể 0,25 đ
- Gió trên Trái đất và đường chuyển ngày q.té 0,5 đ
- Sự chuyển động lệch hướng của các vật thể 0,25 đ

Câu 2: (3 điểm)

Nước ta nằm trong phạm vi chịu tác động của gió mùa Châu Á và của gió tin phong bán cầu Bắc.

* Hoạt động và ảnh hưởng của gió mùa.

Gió mùa mùa đông (gió mùa Đông Bắc)

- Nêu được nguồn gốc, hướng gió, ảnh hưởng... 0,25 đ
- Thời tiết đầu mùa đông... 0,25 đ
- Thời tiết cuối mùa đông... 0,25 đ
- Miền Nam: không chịu ảnh hưởng. 0,25 đ

Gió mùa mùa hạ (gió mùa Tây Nam)

- Nêu được nguồn gốc xuất phát... 0,5 đ
- Tính chất... 0,25 đ
- Hệ quả 0,25 đ

* Hoạt động và ảnh hưởng của gió Tín phong.

- Nêu được hướng thổi, thời gian (thời quanh năm) 0,5 đ
- Ảnh hưởng: gây nên mùa khô sâu sắc cho Tây nguyên và Đông Nam Bộ... 0,5 đ

Câu 3: (4 điểm)

* Đặc điểm:

- Nguồn lao động dồi dào (dẫn chính). Mỗi năm được bổ sung khoảng 1 triệu LĐ 1 đ
- LĐ có kinh nghiệm... 0,5 đ
- Cần cù, chịu khó... 0,5 đ
- LĐ còn hạn chế... 0,25 đ
- Phân bố... 0,25 đ

* Giải thích:

- Do nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa... 1 đ
- Vì nước đông dân, lao động hạn chế về trình độ... 0,5 đ

Câu 4: (5 điểm)

* Xử lý số liệu: (đơn vị %) (1đ)

Năm	Điện	Than	Phân hóa học
2000	100,0	100,0	100,0
2004	173,0	235,3	141,7
2006	216,9	334,5	180,4
2009	301,9	380,2	195,0
2012	430,7	365,5	236,5

* Vẽ biểu đồ:

- Vẽ biểu đồ đường (Biểu khác không cho điểm)
- Vẽ đúng, đẹp có chú thích, tên biểu đồ 2 đ

* Nhận xét – giải thích:

- Nhìn chung các sản phẩm đều tăng, mức tăng khác nhau. 1đ
- Mức tăng của tính sản phẩm.

* Giải thích:

Giải thích từng sản phẩm tăng do nguyên nhân gì. 1đ

Câu 5: (5 điểm)

1) Đặc điểm dân cư – xã hội của vùng ĐBSH

- Dân cư đông đúc, mật độ dân số cao (dẫn chính) 0,5 đ
- Tỷ lệ gia tăng tự nhiên thấp (dẫn chứng) 0,5 đ
- Trình độ phát triển dân cư – xã hội cao 0,5 đ
- Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện 0,5 đ

- Hệ thống đê điều là nét văn hóa độc đáo 0,25 đ
- Có nhiều đô thị hình thành từ lâu đời (dẫn chứng) 0,25 đ
- Khó khăn: sức ép dân số... 0,5 đ

b)

- Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế 0,5 đ
- Đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ 0,5 đ
- Giải quyết tốt việc làm... 0,5
- GDP; GDP bình quân đầu người tăng nhanh 0,25 đ
- Đảm bảo vấn đề phát triển bền vững 0,25 đ

ĐỀ SỐ 4

Câu 1 (2,0 điểm): Nếu trục Trái Đất thẳng góc với mặt phẳng quỹ đạo thì có sự thay đổi các mùa như hiện nay không? Khi đó thì khí hậu ở các vành đai nhiệt sẽ thay đổi như thế nào?

Câu 2 (6,0 điểm): Dựa vào những kiến thức đã học, hãy:

- Chứng minh rằng dân cư nước ta phân bố không đều?
- Giải thích nguyên nhân sự phân bố dân cư không đều?
- Sự phân bố dân cư không đều có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta? Nêu biện pháp?

Câu 3 (6,0 điểm): Điều kiện Tự nhiên ở Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế xã hội?

Câu 4 (3,0 điểm): Cho bảng số liệu sau:

Bình quân lương thực theo đầu người của cả nước, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Đơn vị: kg/người)

Năm	1995	1996	2000	2005
Cả nước	363,1	329,6	444,9	475,8
Đồng bằng sông Hồng	330,9	362,4	403,1	362,2
Đồng bằng sông Cửu Long	831,6	876,8	1025,1	1124,9

1. Vẽ biểu đồ so sánh bình quân lương thực theo đầu người của cả nước, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm nói trên.

2. Nhận xét và giải thích.

Câu 5 (3,0 điểm) Em hãy cho biết những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với ngành giao thông vận tải nước ta?

Đáp án

Câu 1 (2 điểm):

Nếu trục Trái Đất thẳng góc với mặt phẳng quỹ đạo thì góc chiếu từ Mặt Trời đến từng vùng trên Trái Đất (trong một năm) không thay đổi, do đó sẽ không có các mùa khác nhau nữa mà lượng nhiệt sẽ giảm đều về xích đạo và 2 cực.

- Vùng nhiệt đới: Khí hậu không thay đổi gì nhiều so với hiện nay (nóng quanh năm).

- Vùng ôn đới: Quanh năm có khí hậu như mùa xuân, ngày và đêm lúc nào cũng bằng nhau.
- Vùng cực: Quanh năm có ánh sáng và khí hậu bớt khắc nghiệt hơn hiện nay.

Câu 2 (6 điểm): Dựa vào những kiến thức đã học, hãy:

- a. Chứng minh dân cư nước ta phân bố không đều: (1đ)
- Không đều giữa các vùng đồng bằng, ven biển với vùng núi và cao nguyên (dẫn chứng).
 - Phân bố không đều giữa các đồng bằng (dẫn chứng).
 - Không đều trong nội bộ các vùng dân cư (dẫn chứng).
- b. Nguyên nhân sự phân bố dân cư không đều: (1đ)
- Do điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
 - Do điều kiện kinh tế - xã hội.
 - Do lịch sử khai thác lãnh thổ.
- c. Ảnh hưởng của sự phân bố dân cư không đều đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta Sự phân bố dân cư không đều sẽ gây khó khăn trong việc sử dụng hợp lý nguồn lao động và khai thác tài nguyên của mỗi vùng. (1đ)
(HS lấy VD cụ thể).

* Biện pháp:

- Phân bố lại dân cư trong phạm vi cả nước, trong từng vùng.
- Thực hiện tốt chính sách dân số - KHHGD.
- Phát triển kinh tế - xã hội tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động.
- Phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi.
- Hạn chế nạn di dân tự do.
- Hợp tác quốc tế về xuất khẩu lao động

Câu 3 (6 điểm):

* Điều kiện Tự nhiên ở Bắc Trung Bộ có những thuận lợi: (4đ)

- Về vị trí địa lý là dải đất hẹp ngang, là cầu nối Bắc Bộ với các vùng phía nam, là cửa ngõ hướng ra biển đông của các nước tiểu vùng sông Meekông ở phía tây để phát triển kinh tế - xã hội.
- Về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên: Tài nguyên rừng khá lớn nhất là ở phía bắc dãy Hoàng Sơn, có một số khoáng sản trữ lượng khá thuận lợi cho các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, chế biến lâm sản phát triển, bờ biển dài và có nhiều bãi biển đẹp, vườn quốc gia, hang động. Phát triển du lịch; nhiều bãi tôm, cá, phát triển ngành thủy sản.

* Những khó khăn ở Bắc Trung Bộ: (2đ)

Thời tiết, khí hậu có nhiều thiên tai như lũ lụt hạn hán, gió bão, đất xấu, bạc màu...ảnh hưởng lớn thế đến sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng, đến giao thông vận tải.

Câu 4 (3 điểm): Vẽ biểu đồ (1đ)

Biểu đồ phải đảm bảo các yêu cầu:

- Đúng dạng biểu đồ, chính xác, có tên biểu đồ, đơn vị, chú giải, số liệu ghi trên biểu đồ.
- Nếu thiếu 1 trong các yêu cầu trên, thì trừ đi 0,25 điểm

Nhận xét và giải thích

a. Nhận xét (1đ)

Bình quân lương thực theo đầu người có sự khác nhau giữa các vùng

- ĐB sông Cửu Long so với cả nước và ĐB sông Hồng có mức bình quân lương thực theo đầu người cao nhất (d/c)
- ĐB sông Hồng thấp hơn mức bình quân của cả nước (d/c)

Bình quân lương thực theo đầu người của ĐB sông Cửu Long và cả nước liên tục tăng (d/c), ĐB sông Hồng còn biến động (d/c)

Tốc độ tăng có sự khác nhau

- ĐB sông Cửu Long có mức tăng nhanh hơn (1,35 lần) so với mức tăng trung bình của cả nước (1,31 lần)
- ĐB sông Hồng chỉ tăng 1,09 lần, thấp hơn mức tăng trung bình cả nước.

b. Giải thích (1đ)

- Sản lượng bình quân lương thực tăng là do sản lượng lương thực tăng nhanh (chủ yếu là do tăng năng suất, mở rộng diện tích)
- ĐB sông Cửu Long có bình quân lương thực theo đầu người cao nhất và tăng nhanh nhất là do vùng có nhiều điều kiện để mở rộng diện tích và nâng cao năng suất, đây là vùng trọng điểm lương thực lớn nhất nước ta, mật độ dân số còn thấp
- ĐB sông Hồng có bình quân lương thực thấp hơn mức bình quân cả nước và tăng chậm là do vùng ít có khả năng mở rộng diện tích canh tác, nguy cơ bị thu hẹp do quá trình CNH và ĐTH, đây là vùng có dân số quá đông

Câu 5 (3,0 điểm)

* Thuận lợi (1,0đ)

- Nước ta nằm trong vùng Đông Nam Á và giáp biển có thuận lợi về giao thông đường biển trong nước và các nước trên thế giới.
- Phần đất liền địa thế nước ta kéo dài theo hướng Bắc - Nam, có dải đồng bằng gần như liên tục ven biển và bờ biển dài 3260km nên giao thông giữa các miền Bắc, Trung, Nam khá dễ dàng.

* Khó khăn (1,0đ)

- Hình thể nước ta hẹp ở miền Trung và có nhiều đồi núi, cao nguyên chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam làm cho việc giao thông theo hướng Đông - Tây có phần trở ngại.
- Sông ngòi nước ta dày đặc, khí hậu nhiều mưa bão, lũ lụt nên việc xây dựng và bảo vệ đường xá, cầu cống đòi hỏi tốn kém nhiều công sức và tiền của.
- Cơ sở vật chất kĩ thuật còn thấp, vốn đầu tư ít, phương tiện máy móc phải nhập từ nước ngoài tốn nhiều ngoại tệ

ĐỀ SỐ 5

Câu 1: (3 điểm)

Một máy bay cất cánh tại sân bay Tân Sơn Nhất lúc 6 giờ ngày 20/11/2015 đến Luân Đôn sau 12 giờ bay, máy bay hạ cánh. Tính giờ máy bay hạ cánh tại Luân Đôn thì tương

ứng là mấy giờ ngày nào tại các địa điểm sau: Tokyo kinh độ 135°Đ; Niu Đê-li kinh độ 750°Đ, Xít-ni kinh độ 150°Đ, Oa-sinh-ton kinh độ 75°T, Lốt An-giơ-let kinh độ 120°T.

Câu 2: (3 điểm) Dựa vào át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

a, Nêu ý nghĩa kinh tế của sông ngòi Việt Nam.

b, Chứng minh rằng: các nhân tố địa hình, khí hậu đã tạo nên đặc điểm sông ngòi nước ta.

Câu 3: (4 điểm) Nguồn lao động nước ta có những thế mạnh gì? Tại sao việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội gay gắt ở nước ta hiện nay? Nêu biện pháp giải quyết?

Câu 4: (5 điểm) Dựa vào số liệu sau:

	1990	1995	1998	2000	2002	2005	2007
Nông - Lâm - Ngư nghiệp	38,7	27,2	25,8	24,5	23,0	21,0	20,3
Công nghiệp - Xây dựng	22,7	28,8	32,5	36,7	38,5	41,0	41,5
Dịch vụ	38,6	44,0	41,7	38,8	38,5	38,0	38,2

Hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu thu nhập của nước ta thời kỳ 1990 – 2002. Nêu nhận xét và giải thích.

Câu 5 (5 điểm) Cho bảng số liệu:

Diện tích cây công nghiệp lâu năm của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên năm 2006 (Đơn vị: nghìn ha)

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Tây Nguyên
Diện tích cây công nghiệp lâu năm	19	634,4
Trong đó		
Cà phê	3,3	445,4
Chè	8,0	27,0
Cao su		109,4
Cây khác	7,7	52,5

a, Hãy so sánh sự giống và khác nhau về quy mô, cơ cấu diện tích cây công nghiệp của hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm trên.

b, Giải thích sự giống và khác nhau trong sản xuất cây công nghiệp của hai vùng.

(Thí sinh được sử dụng Atlas địa lí)

Đáp án

Câu 1:

- Sân bay Tân Sơn Nhất (VN): múi giờ thứ 7 (0,25đ)
- Luân Đôn múi giờ gốc: 0 (0,25đ)
- Sau 12 giờ máy bay hạ cánh khi đó ở Việt Nam là $6 + 12 = 18$ giờ, ngày 20/11/2015, khi đó Luân Đôn là: $18 - 7 = 11$ giờ ngày 20/11/2015 (0,5đ)

2đ	Luân Đôn	Tokyo	Niu-đê-li	Xít-ni	Oa-sinh-ton	Lốt An-giơ-let
----	-----------------	--------------	------------------	---------------	--------------------	-----------------------

Múi giờ	0	9	5	10	19	16
Giờ	11	20	16	21	6	3
Ngày	20/11/201 5	20/11/201 5	20/11/201 5	20/11/201 5	20/11/201 5	20/11/201 5

Câu 2:

a. Ý nghĩa kinh tế của sông ngòi Việt Nam:

- Phục vụ nguồn nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp
- Cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp, thủy năng cho ngành thủy điện. (0,5đ)
- Phục vụ giao thông đường thủy nội địa. (0,5đ)
- Cung cấp nước cho sinh hoạt

b) * Các nhân tố địa hình, khí hậu đã tạo nên đặc điểm sông ngòi nước ta: (1,0đ)

Địa hình:

- Sông ngòi nước ta chảy theo 2 hướng chính TB – ĐN và vòng cung (sông Hồng, sông Đà, Sông Mã, sông Gâm.....)
- Sông ngòi chảy ở vùng đồng bằng lòng sông rộng, dòng sông uốn khúc quanh co.
- Duyên hải miền Trung địa hình hẹp ngang, sông ngòi ngắn và dốc.

* Khí hậu: (1,0đ)

- Khí hậu nhiệt đới ẩm tạo cho nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp.
- Sông ngòi có 2 mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.
- Mưa nhiều, mưa tập trung theo mùa, địa hình dốc, xói mòn rửa trôi mạnh làm cho sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn.

Câu 3:

* Nguồn lao động nước ta có những thế mạnh gì:

- Năm 2005, dân số hoạt động kinh tế của nước ta là 42,53 triệu người (51,2% tổng số dân). (0,25đ)
- Mỗi năm tăng thêm 1 triệu lao động. (0,25đ)
- Lao động cần cù, sáng tạo có tinh thần ham học hỏi, kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ. (0,25đ)
- Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao nhờ những thành tựu phát triển trong văn hóa, giáo dục và y tế. (0,25đ)

* Việc làm làm vấn đề kinh tế - xã hội gay gắt ở nước ta hiện nay:

- Việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội gay gắt ở nước ta hiện nay: nguồn lao động nước ta dồi dào mỗi năm tăng 1 triệu lao động trong khi nền kinh tế chưa phát triển (0,75đ)
- Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm vẫn còn gay gắt thể hiện năm 2003: (0,25đ)

Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị là 6%

Tỉ lệ thời gian làm việc ở nông thôn là 77,7%

* Hướng giải quyết:

Hướng chung: (1,0đ)

- Phân bố lại dân cư và nguồn lao động. Chuyển từ đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung đến Tây Bắc và Tây Nguyên.

- Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.
- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, hoạt động dạy nghề.
- Lập các trung tâm giới thiệu việc làm, đẩy mạnh hướng nghiệp ở trường phổ thông.

Xuất khẩu lao động

Nông thôn: (0,25đ)

- Đẩy mạnh công tác kế hoạch hoá gia đình.
- Đa dạng hoá các loại hình hoạt động kinh tế ở nông thôn.

Thành thị: (0,25đ)

- Mở rộng các trung tâm công nghiệp, xây dựng các khu công nghiệp mới.
- Phát triển các hoạt động dịch vụ. Chú ý các hoạt động công nghiệp vừa và nhỏ để thu hút lao động.

Câu 4:

Vẽ biểu đồ: (2,5đ)

Dạng biểu đồ miền

Yêu cầu:

- Đẹp, chính xác.
- Có tên biểu đồ, có chú giải và ghi các số liệu cần thiết.

* Nhận xét:

- Tỷ trọng khu vực nông – lâm- ngư nghiệp giảm (dẫn chứng) (0,5đ)
- Tỷ trọng khu vực công nghiệp- xây dựng tăng nhanh (dẫn chứng) (0,5đ)
- Khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhưng còn chưa ổn định (dẫn chứng) (0,5đ)

* Giải thích: Sự tăng, giảm tỷ trọng trong các khu vực kinh tế là phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất của đất nước ta và xu thế phát triển chung của thế giới. (1,0đ)

Câu 5:

a/ So sánh:

* Giống nhau:

- Điều trồng cây công nghiệp lâu năm là chủ yếu. (0,5đ)
- Có cơ cấu cây công nghiệp đa dạng gồm cây công nghiệp nhiệt đới và cận nhiệt. (0,5đ)

* Khác nhau:

- Quy mô: Tây Nguyên là vùng chuyên canh quy mô lớn hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ (dẫn chứng) (0,5đ)
- Cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên đa dạng hơn (dẫn chứng), cà phê là cây công nghiệp quan trọng nhất: Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu là cây công nghiệp cận nhiệt đới, chè là cây công nghiệp quan trọng nhất. (0,5đ)

b/ Giải thích:

Giống nhau:

- Cả hai vùng đều thuộc miền núi, cao nguyên, đất đai rộng lớn nhưng địa hình khó giữ nước nên không thích hợp để trồng lúa. Đất đai chủ yếu là đất Feralit hoặc đất Badan chỉ thích hợp cho trồng cây công nghiệp. (0,5đ)

- Dân cư thưa nhưng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trồng cây công nghiệp. (0,5đ)
- Do ảnh hưởng của độ cao địa hình nên Tây Nguyên cũng trồng được chè giống như ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. (0,5đ)

Khác nhau:

- Về quy mô: Do Tây Nguyên có điều kiện tự nhiên thuận lợi (địa hình bằng phẳng, đất badan màu mỡ,...) cho tổ chức sản xuất với quy mô lớn. Còn Trung du và miền núi Bắc Bộ địa hình chia cắt mạnh, đất dốc khó khăn cho quy hoạch vùng chuyên canh. (0,5đ)
- Về cơ cấu:

Tây Nguyên có đất đỏ Badan thích hợp cho cây cà phê, khí hậu cận nhiệt xích đạo phân hoá theo độ cao địa hình, nên trồng cả cây nhiệt đới và cận nhiệt; (0,5đ)

Trung du và miền núi Bắc Bộ khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh thích hợp cho cây cận nhiệt đới, đặc biệt là chè (0,5đ)

ĐỀ SỐ 6

Câu 1: (3 điểm) Nếu Trái Đất vẫn chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời nhưng không chuyển động quanh trục thì sẽ có hiện tượng gì xảy ra trên Trái Đất?

Câu 2: (3 điểm) Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam chứng minh rằng khí hậu nước ta rất đa dạng và thất thường.

Câu 3: (4 điểm) Dựa vào bảng số liệu sau:

Cơ cấu dân số Việt Nam theo nhóm tuổi (đơn vị:%)

Nhóm tuổi	1979	1989	1999	2002
0-14	42,5	39,9	33,2	30,2
15-59	50,4	52,9	58,7	61,0
>= 60	7,1	7,2	8,1	8,7

a) Hãy nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta theo nhóm tuổi thời kì trên.

b) Tình hình thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi đang đặt ra vấn đề gì cần quan tâm?

Câu 4: (5 điểm)

Cho bảng số liệu: Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế (giai đoạn 1990 - 2007)

	1990	1993	1995	1999	2002	2005	2007
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100
Nông - lâm - ngư	38,7	29,9	27,2	25,4	23	21	20,3
Công nghiệp - XD	22,7	28,9	28,8	34,5	38,5	41	41,5
Dịch vụ	38,6	41,2	44,0	40,1	38,5	38	38,2

a) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu GDP thời kì 1990 - 2007

b) Qua biểu đồ đó rút ra nhận xét? Sự thay đổi tỉ trọng của 3 nhóm ngành trên phản ánh điều gì?

Câu 5: (5 điểm) Nhờ điều kiện thuận lợi gì mà cây chè ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chiếm tỷ trọng lớn về diện tích và sản lượng so với cả nước?

Đáp án đề thi học sinh giỏi cấp huyện môn Địa lý lớp 9

Câu 1:

- Nếu Trái Đất vẫn chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời nhưng không chuyển động quanh trục thì lúc đó trên trái đất vẫn có ngày đêm. (0,5đ)
- Nhưng một năm chỉ có một ngày đêm. Ngày sẽ dài 6 tháng và đêm cũng dài 6 tháng đối với tất cả mọi nơi trên Trái Đất.
- Ban ngày (dài 6 tháng), mặt đất sẽ tích một lượng nhiệt rất lớn và nóng lên dữ dội. (0,5đ)
- Trong khi đó ban đêm (dài 6 tháng) mặt đất lại tỏa ra một lượng nhiệt rất lớn, làm cho nhiệt độ hạ xuống hết sự thấp. (0,5đ)
- Trong điều kiện nhiệt độ chênh lệch như vậy, sự sống trên bề mặt Trái Đất như hiện nay không thể tồn tại được. (0,5đ)
- Ngoài ra, sự chênh lệch về nhiệt độ cũng gây ra một sự chênh lệch rất lớn về khí áp giữa hai nửa cầu ngày và đêm, dẫn tới việc hình thành những luồng gió mạnh không sao tưởng tượng nổi trên bề mặt Trái Đất. (0,5đ)

Câu 2: * Khí hậu nước ta rất đa dạng.

Khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm nhưng không thuần nhất trên cả nước mà phân hóa theo không gian, thời gian và theo mùa: (0,25đ)

Phân hóa theo không gian.

- Miền khí hậu phía Bắc. Từ vĩ tuyến 16 trở ra, có mùa đông lạnh, khô hanh, mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều. (0,5đ)
- Miền khí hậu Đông Trường Sơn: Có mùa mưa lệch hẳn về thu đông. (0,5đ)
- Miền khí hậu phía Nam: Bao gồm phần Tây Nguyên và Nam Bộ. Có 2 mùa: mùa mưa và mùa khô tương phản sâu sắc. (0,5đ)
- Miền khí hậu biển Đông: Bao gồm biển Đông Việt Nam có khí hậu nhiệt đới hải dương. (0,25đ)

Ngoài ra khí hậu còn phân hóa theo mùa và theo độ cao.

* Khí hậu nước ta còn mang tính thất thường:

- Thể hiện có năm rét sớm, có năm rét muộn, có năm nhiều bão, có năm ít bão, có năm mưa lớn, có năm khô hạn.... (0,75đ)
- Ngoài ra hiện tượng nhiễu loạn thời tiết như El Nino và La Nina cũng làm tăng tính thất thường của khí hậu nước ta. (0,25đ)

Câu 3: a) Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta theo nhóm tuổi thời kỳ 1979 - 2002

Nhận xét:

- Nhóm tuổi 0-14 có xu hướng giảm từ 42,5% năm 1979 xuống 30,3% năm 2002 (0,5đ)

- Nhóm tuổi từ 15-59 tăng trên 10% từ 50,4% năm 1979 lên 61% năm 2002. Nhóm tuổi này chiếm tỉ lệ cao (0,5đ)
- Nhóm tuổi trên 60 chiếm tỉ lệ thấp và cũng có xu hướng tăng từ 7,1% năm 1979 đến 8,7% năm 2002 (0,5đ)

Giải thích:

- Nhóm tuổi 0-14 giảm do thực hiện tốt chính sách dân số... (0,5đ)
- Nhóm tuổi 15-59 tăng do sự trưởng thành của nhóm tuổi từ 0-14 tuổi (0,5đ)
- Nhóm tuổi trên 60 tuổi tăng do tình hình kinh tế, y tế phát triển (0,5đ)

b) Tình hình thay đổi cơ cấu đặt ra những vấn đề sau:

- Vấn đề cấp bách về văn hóa, y tế, giáo dục, giải quyết việc làm cho người lao động... (0,5đ)
- Vẫn có sự quan tâm đến người cao tuổi... (0,5đ)

Câu 4: a, Vẽ biểu đồ miền, tỉ lệ chính xác có chú giải (2,0đ)

b, Tỉ trọng nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp liên tục giảm từ 38,7% (1990) xuống còn 20,3% (2007) α chứng tỏ Việt Nam đang từng bước từ 1 nước nông nghiệp → nước công nghiệp

- Tỉ trọng nhóm ngành CN - XD tăng nhanh nhất: từ 22,7% (1990) → 41,5% (2007) α chứng tỏ quá trình công nghiệp hóa đã và đang đạt được những thành tựu nhất định. (1,0đ)
- Tỉ trọng nhóm ngành dịch vụ tăng, nhưng chưa ổn định vì phụ thuộc vào tình hình chính trị các nước trong khu vực và trên thế giới (1,0đ)

Câu 5: Trung du và miền núi Bắc Bộ có rất nhiều thuận lợi để trồng chè:

- Diện tích trồng chè chiếm 68,8% diện tích chè cả nước, chiếm 62,1% sản lượng chè cả nước. (0,5đ)
- Có nhiều thương hiệu chè nổi tiếng như chè Mộc Châu, chè Tuyết, chè Tân Cương (Thái Nguyên), chè San (Hà Giang)... (0,5đ)
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm có mùa đông lạnh thích hợp cho cây chè (Khí hậu cận nhiệt). (0,5đ)
- Đất feralit diện tích rộng. (0,5đ)
- Sinh vật: có nhiều chè như chè san, chè đắng, chè tuyết.... (0,5đ)
- Dân cư: có nhiều kinh nghiệm trồng và thu hoạch chế biến chè. (0,5đ)
- Cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ chế biến chè ngày càng hiện đại. (0,5đ)
- Nhà nước quan tâm khuyến khích trồng chè đặc biệt là khuyến khích đồng bào dân tộc ít người nhằm tạo nguồn thu nhập. (0,5đ)
- Thị trường tiêu thụ rộng lớn:

Trong nước: là thức uống truyền thống (0,5đ)

Thế giới: chè là thức uống ưa chuộng của nhiều nước như Nhật Bản, các nước Tây Nam Á, các nước liên minh châu Âu (EU) (0,5đ)

ĐỀ SỐ 7

Câu 1 (4,0 điểm): Dựa vào Atlát Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trên lãnh thổ nước ta.

Câu 2 (2,0 điểm): Chứng minh Việt Nam là nước đông dân, cơ cấu dân số trẻ, mật độ dân số cao. Vì sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh?

Câu 3 (5,0 điểm): Phân tích các nhân tố tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta.

Câu 4 (5,0 điểm): Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

1. Hãy phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của vùng Đồng bằng Sông Hồng?

2. Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng Nông Lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 5 (4,0 điểm) Cho bảng số liệu sau: **Diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 2010**(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	1990	1995	2000	2007	2010
Cây công nghiệp hàng năm	542,0	716,7	778,1	864,0	797,6
Cây công nghiệp lâu năm	657,3	902,3	1.451,3	1.821,0	2.010,5
Tổng số	1.199,3	1.619,0	2.229,4	2.685,0	2.808,1

Em hãy:

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 1990 2010.

2. Nhận xét về tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 1990 2010 và giải thích vì sao diện tích cây công nghiệp lâu năm liên tục tăng?

Đáp án

Câu 1 (4,0 điểm): Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trên lãnh thổ nước ta.

Lượng mưa trung bình năm khá lớn, TB 1500mm - 2000mm do ảnh hưởng của biển, gió Tây nam ẩm ướt và bức chắn địa hình. (0,5đ)

Lượng mưa phân hóa theo mùa với 1 mùa mưa và mùa khô rõ rệt trong năm do chịu sự chi phối của hoàn lưu gió mùa. (0,5đ)

- Mùa khô từ tháng 11 - 4, mưa ít, lượng mưa thấp do tác động của gió mùa Đông Bắc lạnh khô và Tín phong khô nóng. (0,25đ)
- Mùa mưa từ tháng 5 - 10, mưa nhiều, lượng mưa lớn do gió tây nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)
- Thời gian mùa mưa và mùa khô khác nhau giữa các khu vực, các địa phương. (0,25đ)

Miền Nam, miền Bắc và Tây Nguyên: mưa vào hạ - thu (tháng 5 - 10) do gió mùa Tây Nam ẩm ướt. (0,25đ)

Duyên hải miền trung mùa hạ khô do nằm ở sườn khuất gió. Mưa vào thu-đông do chịu tác động của frông, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)

Lượng mưa phân hóa khác nhau giữa các vùng lãnh thổ, các địa phương (0,25đ)

- Những khu vực nhiều mưa, lượng mưa rất lớn (>2800 mm/năm): Huế - Đà Nẵng, Móng Cái, Hoàng Liên Sơn... do nằm ở sườn đón gió, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,5đ)
- Những khu vực ít mưa, lượng mưa rất thấp (<400 mm/năm): Lạng Sơn, cực nam Trung Bộ... đều nằm ở vùng khuất gió, địa hình thấp hoặc song song với các hướng gió... (0,5đ)
- Khu vực mưa trung bình, (1600-2000 mm/n) phân bố rộng khắp do nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, tác động của biển, độ ẩm cao. (0,5đ)

Câu 2: Chứng minh Việt Nam là nước đông dân, cơ cấu dân số trẻ, mật độ dân số cao.

* Việt Nam là nước đông dân: (0,5đ)

- Năm 2002, số dân nước ta là 79,7 triệu người (sách giáo khoa địa lí 9) (HS có thể lấy số liệu At lát Địa lí Việt Nam hoặc số liệu ngày 1/11/2013 là 90 triệu người)
- Với số dân này nước ta đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á, thứ 13 trên thế giới trong khi diện tích nước ta đứng thứ 58 trên thế giới.

* Cơ cấu dân số trẻ: (0,5đ)

Số người dưới và trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao, trên độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ thấp

Năm 1999:

- Nhóm 0 – 14 tuổi (dưới tuổi lao động): 33,5%
- Nhóm 15 – 59 tuổi (trong tuổi lao động): 58,4%
- Nhóm 60 tuổi trở lên (trên tuổi lao động): 8,1%

* Mật độ dân số cao:

Năm 2003: 246 người/km² (mật độ dân số thế giới 47 người/km²) (0,25đ)

Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh vì: (0,75đ)

- Nước ta có dân số đông, quy mô dân số lớn
- Nước ta có cơ cấu dân số trẻ, số phụ nữ bước vào độ tuổi sinh đẻ cao
- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng vẫn thuộc loại cao trên thế giới

Câu 3: Phân tích các nhân tố tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta.

1. Các nhân tố tự nhiên: (2,5 điểm)

- Nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng tạo cơ sở về nguyên, nhiên liệu và năng lượng để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành. Các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm. (0,5đ)
- Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú: Nhiên liệu (than, dầu, khí); kim loại (sắt, mangan, crôm, đồng, thiếc, chì kẽm,...); phi kim (apatit, pirit, photphorit,...); vật liệu xây dựng (sét, đá vôi,...) tạo cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, luyện kim, hoá chất, vật liệu xây dựng... (0,5đ)
- Nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều sông có giá trị lớn về thủy năng tạo điều kiện phát triển công nghiệp năng lượng (thủy điện). (0,5đ)
- Tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, nguồn lợi sinh vật biển nước ta rất đa dạng. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. (0,5đ)

- Sự phân bố tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ tạo ra các thể mạnh khác nhau của các vùng. (0,5đ)

2. Các nhân tố kinh tế xã hội: (2,5 điểm)

Dân cư và lao động: (0,5đ)

- Nước ta có số dân đông, sức mua đang tăng lên, tạo nên thị trường trong nước rộng lớn.
- Nguồn lao động dồi dào và có khả năng tiếp thu khoa học – kĩ thuật, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp cần nhiều lao động và cả một số ngành công nghệ cao. Đây là một điều kiện hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp.

Cơ sở vật chất – kĩ thuật trong công nghiệp và hạ tầng cơ sở: (0,75đ)

- Cơ sở vật chất chưa đồng bộ và chỉ phân bố tập trung ở một số vùng. Trình độ công nghệ của nhiều ngành công nghiệp nước ta còn thấp, hiệu quả sử dụng thiết bị chưa cao, mức tiêu hao năng lượng và nguyên vật liệu còn lớn.
- Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, nước,... đang từng bước được cải thiện, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm.

Chính sách phát triển công nghiệp: (0,5đ)

- Chính sách công nghiệp hoá và chính sách đầu tư phát triển công nghiệp.
- Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích đầu tư nước ngoài và trong nước, đổi mới cơ chế quản lí kinh tế và đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại.

Thị trường: (0,75đ)

- Hàng công nghiệp nước ta có thị trường trong nước rộng lớn, nhưng đang bị cạnh tranh quyết liệt bởi hàng ngoại nhập.
- Hàng công nghiệp nước ta có lợi thế nhất định trong xuất khẩu sang các nước công nghiệp phát triển, nhưng còn hạn chế về mẫu mã, chất lượng,... Sức ép của thị trường đã và đang làm cho cơ cấu công nghiệp nước ta trở nên đa dạng, linh hoạt hơn.

Câu 4:

Dựa vào Atlat địa lí Việt Nam trang (...) (Nếu thiếu trừ 0,25 điểm)

1. Những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng Đồng Bằng Sông Hồng (4,0đ)

* Thuận lợi: (3,0)

Điều kiện tự nhiên:

- Có vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế xã hội với các vùng trong cả nước. (0,25đ)
- Địa hình tương đối bằng phẳng. (0,25đ)
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, có một mùa đông lạnh là điều kiện thuận lợi để đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính. (0,25đ)
- Hệ thống sông ngòi dày đặc (lớn nhất là sông Hồng, sông Thái Bình) có lượng nước dồi dào quanh năm, thuận lợi cho tưới tiêu. (0,25đ)
- Đất phù sa sông Hồng rất màu mỡ thích hợp cho thâm canh lúa nước. (0,25đ)
- Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là cơ sở để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp năng lượng. (0,25đ)
- Tài nguyên biển phong phú thuận lợi cho khai thác, nuôi trồng thủy sản (0,25đ)

Điều kiện dân cư xã hội: (1,25đ)

- Là vùng dân cư đông đúc nhất nước ta, nguồn lao động dồi dào, mật bằng dân trí cao. (0,25đ)
- Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước. (0,25đ)
- Cơ sở vật chất – kỹ thuật ngày càng hoàn thiện (0,25đ)
- Tập trung nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống..... (0,25đ)
- Một số đô thị được hình thành từ lâu đời (Thành phố Hà Nội, Hải Phòng). (0,25đ)

* Khó khăn: (1,0)

- Mùa đông khí hậu lạnh, ẩm, nấm mốc sâu bệnh dễ phát triển ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp. (0,25đ)
- Mật độ dân số cao, kinh tế chuyển dịch chậm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. (0,25đ)
- Diện tích đất phèn, đất lầy thụt lớn cần được cải tạo. (0,25đ)
- Mùa lũ nước sông Hồng dâng cao gây ngập lụt, khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. (0,25đ)

2. Ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (1,0đ)

- Tăng độ che phủ rừng. Hạn chế lũ quét, xói mòn đất. (0,25đ)
- Cải thiện điều kiện sinh thủy cho các dòng sông, điều tiết nước cho các hồ thủy điện và thủy lợi. (0,25đ)
- Là cơ sở nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất giấy. (0,25đ)
- Góp phần sử dụng lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp, tăng thu nhập, cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc. (0,25đ)

Câu 5:

1. Vẽ biểu đồ (2,0đ)

Vẽ biểu đồ cột chồng giá trị tuyệt đối.

Yêu cầu: đúng dạng biểu đồ, chính xác, có tên biểu đồ, đơn vị, chú giải, số liệu ghi trên biểu đồ.

Lưu ý:

- Vẽ biểu đồ khác: không cho điểm.
- Nếu thiếu 1 trong các yêu cầu trên thì trừ 0,25 điểm/yêu cầu. 2,0

2. Nhận xét về tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp và giải thích vì sao diện tích cây công nghiệp lâu năm ở nước ta liên tục tăng

a) Nhận xét (1,5 đ)

Trong giai đoạn 1990 - 2010, tổng diện tích cây công nghiệp, cây công nghiệp lâu năm và cây công nghiệp hàng năm đều tăng. (0,25đ)

Trong đó:

Tổng diện tích cây công nghiệp tăng nhanh từ 1.199,3 nghìn ha lên 2.808, 1 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 1.608,8 nghìn ha, tăng gấp 2,34 lần. (0,25đ)

- Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng rất nhanh từ 657,3 nghìn ha lên 2.010,5 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 1.353,2 nghìn ha, tăng gấp 3,1 lần. (0,25đ)
- Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng chậm từ 542,0 nghìn ha lên 797,6 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 255,6 nghìn ha, tăng gấp 1,5 lần. (0,25đ)

Cơ cấu diện tích cây công nghiệp có sự thay đổi:

- Cây công nghiệp lâu năm chiếm ưu thế và đang có xu hướng tăng dần tỉ trọng từ 54,8 % lên 71,6%. (0,25đ)
- Cây công nghiệp hàng năm giảm dần tỉ trọng từ 45,2% xuống 28,4%. (0,25đ)

b) Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng là do (0,5 đ)

- Nước ta có điều kiện tự nhiên (đất, khí hậu...) thuận lợi cho sản xuất cây công nghiệp.
- Thị trường mở rộng, nhất là thị trường xuất khẩu. (0,25đ)
- Chính sách phát triển cây công nghiệp của nhà nước.
- Các điều kiện khác: công nghiệp chế biến, lao động, cơ sở vật chất... (0,25đ)

ĐỀ SỐ 8

Câu 1: (4 điểm)

1) Phân tích tác động của dãy Trường Sơn Bắc đến địa hình, khí hậu, sông ngòi của vùng Bắc Trung Bộ?

2) Trình bày những khó khăn do các thành phần trên gây ra cho Bắc Trung Bộ?

Câu 2: (2 điểm) Dựa vào bảng số liệu số dân thành thị và tỷ lệ dân thành thị nước ta thời kỳ 1985 - 2003:

	1985	1990	1995	2000	2003
Số dân thành thị (nghìn người)	11360,0	12880,3	14938,1	18771,9	20869,5
Tỷ lệ dân thành thị (%)	18,97	19,51	20,75	24,18	25,80

Cho biết sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị đã phản ánh quá trình đô thị hoá ở nước ta và những vấn đề cần quan tâm như thế nào?

Câu 3: (5 điểm) Dựa vào bảng số liệu:

Sản lượng công nghiệp năng lượng nước ta

	1975	1980	1986	1990	1995	2000	2002	2004
Than (triệu tấn)	5,2	5,2	6,4	4,6	8,4	11,6	15,9	27,3
Dầu thô (nghìn tấn)	-	-	40	2700	7620	16291	16600	20051
Điện (triệu Kwh)	2428	3680	5683	5790	14665	26682	35562	46202

Hãy nhận xét và giải thích sự phát triển ngành công nghiệp năng lượng nước ta?

Câu 4: (5 điểm) Hãy đánh giá tiềm năng phát triển kinh tế biển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

Câu 5: (4 điểm) Cho bảng số liệu:

GDP theo giá thực tế phân theo ngành kinh tế của nước ta (đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
199	16252	9513	16190

0			
199 6	75514	80876	11564 6
200 0	108356	162220	17107 0
200 2	123383	206197	20618 2

- 1) Hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu GDP theo số liệu trên?
 2) Từ biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta?
 Thí sinh được tham khảo Atlas Địa lí Việt Nam (NXB Giáo Dục)

Đáp án

Câu 1:

1) Tác động của dãy Trường Sơn Bắc đến địa hình, khí hậu, sông ngòi Bắc Trung Bộ.
 Dãy Trường Sơn Bắc chạy liên tục dọc phía Tây vùng Bắc Trung Bộ từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. (0,5đ)
 Nó tác động mạnh đến các yếu tố tự nhiên của vùng.

a, Địa hình

- Góp phần hình thành các dạng địa hình của vùng: đồng bằng, ven biển. (0,25đ)
- Quy định hướng địa hình: Tây Bắc- Đông Nam. (0,25đ)
- Chạy sát biển kết hợp các dãy núi đâm ngang: Đồng bằng nhỏ, hẹp ngang, bị chia cắt mạnh mún. (0,25đ)

b, Khí hậu

Kết hợp với hoàn lưu khí quyển, bức xạ Mặt Trời tạo nên sự khác biệt trên nền khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm: (0,25đ)

- Vào mùa hè, dãy Trường Sơn Bắc tạo thành bức chắn địa hình ngăn ẩm do gió mùa Tây Nam đem tới tạo hiệu ứng phơn, thời tiết khô nóng. (0,25đ)
- Vào mùa đông, kết hợp các dãy núi đâm ngang đón gió mùa Đông Bắc, hội tụ, bão gây mưa lớn vào mùa đông.
- Phân hóa khí hậu theo đai cao. (0,25đ)

c, Sông ngòi

Dãy Trường Sơn Bắc là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới đặc điểm sông ngòi của vùng, đặc biệt là chiều dài, diện tích lưu vực, hướng chảy và tốc độ dòng chảy. (0,25đ)

- Núi chạy sát biển: sông ngắn, dốc, chuyển tiếp nhanh từ miền núi – đồng bằng – ra biển, hàm lượng phù sa ít. (0,25đ)
- Hướng núi Tây Bắc – Đông Nam làm cho hướng sông hầu hết là hướng Tây – Đông. (0,25đ)
- Kết hợp với khí hậu, nhịp điệu mùa của sông trùng với mùa khí hậu, lưu lượng và tốc độ dòng chảy lớn vào mùa mưa. (0,25đ)

2) Những khó khăn

Vùng núi nhiều tiềm năng nhưng khó khai thác. (0,25đ)

Bắc Trung Bộ gánh chịu hầu hết các loại thiên tai của nước ta: (0,25đ)

- Hạn hán vào mùa khô: thiếu nước tưới tiêu, sinh hoạt

- Lượng mưa lớn nhưng tập trung vào mùa: lũ lụt.
- Thiên tai khác: lở đất, cháy rừng, động đất,...

Đồng bằng nhỏ hẹp, kém màu mỡ. (0,25đ)

Câu 2:

Sự thay đổi đã phản ánh quá trình đô thị hoá ở nước ta và những vấn đề cần quan tâm:

- Tỷ lệ dân thành thị ở nước ta còn thấp (25,8% năm 2003) điều đó chứng tỏ hoạt động nông nghiệp ở nước ta vẫn ở vị trí khá cao. (0,5đ)
- Quá trình đô thị hoá có sự di dân từ nông thôn ra thành thị. (0,5đ)
- Đồng thời với quá trình công nghiệp hoá và sự hình thành các thành phố công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất trong những năm đổi mới. (0,5đ)
- Những vấn đề bức xúc tạo nên những sức ép lớn đối với cơ sở hạ tầng và môi trường đô thị; và các vấn đề xã hội khác. (0,5đ)

Câu 3:

a) Nhận xét chung

Trong 30 năm, công nghiệp năng lượng phát triển nhanh, do:

- Nhu cầu năng lượng ngày càng cao, công nghiệp năng lượng phải đi trước một bước để phục vụ nhu cầu Công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế. (1,0đ)
- Thế mạnh tài nguyên đã được đẩy mạnh khai thác: thủy điện, than, dầu khí. (0,5đ)

b) Nhận xét cụ thể và giải thích

Than:

- 1975-1990: Ổn định, 1990: Giảm so với 1986 do thị trường cũ thu hẹp, chưa thích ứng với thị trường mới. (1,0đ)
- 1995-2004: Tăng nhanh do nhu cầu cho các nhà máy nhiệt điện tăng và thị trường xuất khẩu mở rộng. (0,5đ)

Dầu thô: 1986: khai thác tấn dầu đầu tiên. Sản lượng tăng nhanh chóng do đẩy mạnh khai thác dầu trên thềm lục địa phía Nam, số mỏ đưa vào khai thác ngày càng nhiều. (1,0đ)

Điện: Sản lượng tăng nhanh, đặc biệt từ năm 1990 trở lại đây do việc đưa vào hoạt động của các tổ máy thủy điện Hòa Bình và xây dựng hàng loạt nhà máy điện trên cả nước. (1,0đ)

Câu 4: Đánh giá tiềm năng phát triển kinh tế biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng lớn để phát triển tổng hợp kinh tế biển: Vị trí địa lý, tài nguyên biển, kinh tế xã hội. (0,25đ)

a) Vị trí-lãnh thổ

- Cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia (0,5đ)
- Vùng biển Nam Trung Bộ bao gồm thềm lục địa rộng lớn và hai quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa vừa có ý nghĩa chiến lược về an ninh quốc phòng vừa có giá trị kinh tế. (0,5đ)
- Nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, ẩm quanh năm. (0,25đ)
- Đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh thuận lợi để xây dựng cảng, nuôi trồng thủy hải sản. (0,5đ)

b) Tài nguyên biển

- Trữ lượng thủy hải sản phong phú dồi dào với hai ngư trường lớn ở cực Nam Trung Bộ và hai quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa. Nhiều loại có giá trị kinh tế cao, trữ lượng lớn. (0,5đ)
- Nhiều loài đặc sản: yến, tôm hùm, rong biển,... (0,25đ)
- Dọc bờ biển có nhiều bãi tắm đẹp nổi tiếng, các đảo ven bờ có thể khai thác phát triển du lịch. (0,5đ)
- Cung cấp lượng muối dồi dào (Sa Huỳnh, Cà Ná). (0,25đ)
- Ven biển có một số khoáng sản có thể khai thác ở quy mô công nghiệp như Titan, cát thủy tinh,...(0,5đ)

c) Tiềm năng kinh tế - xã hội

- Người dân có truyền thống nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản. (0,25đ)
- Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật được cải thiện. (0,25đ)
- Cơ sở chế biến thủy sản đa dạng: truyền thống, hiện đại (0,25đ)

Tóm lại, vùng có thể mạnh vượt trội về phát triển kinh tế biển bao gồm cả nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản, du lịch biển, công nghiệp chế biến thủy sản, khai khoáng,... (0,25đ)

Câu 5:

1) Vẽ biểu đồ: Kết quả xử lý số liệu (%) (1,0đ)

Năm	Tổng cộng	Chia ra		
		Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
1990	100	38,7	22,7	38,6
1996	100	27,8	29,7	42,5
2000	100	24,5	36,7	38,8
2002	100	23,0	38,5	38,5

Vẽ biểu đồ miền, yêu cầu:

- Vẽ đẹp khoảng cách hợp lý chia chính xác khoảng cách năm, chia và ghi đầy đủ % ở trung tung, năm ở trục hoành. (1đ)
- Có tên biểu đồ, chú giải (0,5đ)

2) Nhận xét

- Có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng Công nghiệp hóa. (0,5đ)
- Nhóm nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm tỉ trọng. (0,5đ)
- Nhóm công nghiệp và xây dựng tăng liên tục (0,5đ)
- Nhóm dịch vụ có sự biến động. (0,5đ)

ĐỀ SỐ 9

Câu 1: (4 điểm)

a) Dựa vào số ghi tỉ lệ của bản đồ 1 là $1/500.000$ và bản đồ 2 là $1/1.500.000$, em hãy cho biết cùng độ dài 6cm trên từng bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa và so sánh hai khoảng cách ấy?

b) Khoảng cách từ Rạch Giá đến đảo Phú Quốc là 130 km, trên bản đồ Việt Nam khoảng cách giữa hai địa điểm đo được 6,5 cm. Hỏi bản đồ đó có tỉ lệ bao nhiêu?

Câu 2: (4 điểm)

a) Phần biển Việt Nam nằm trong Biển Đông tiếp giáp với vùng biển của những quốc gia nào? Việc tiếp giáp như vậy có những thuận lợi và khó khăn gì?

b) Tại sao việc giữ vững chủ quyền một hòn đảo, dù nhỏ, nhưng lại có ý nghĩa rất lớn?

Câu 3: (4 điểm) Có ý kiến cho rằng: "Lũ ở đồng bằng sông Cửu Long hàng năm gây nhiều thiệt hại nhưng cũng mang đến một số nguồn lợi cho đồng bằng này". Dựa vào kiến thức và hiểu biết của bản thân, em thấy ý kiến này đúng hay sai, em hãy làm rõ ý kiến trên.

Câu 4: (5 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế năm 2000 và 2005 (%)

Thành phần kinh tế	2000	2005
Nhà nước	9,3	9,5
Ngoài Nhà nước	90,1	88,9
Có vốn đầu tư nước ngoài	0,6	1,6

a) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2000 và 2005.

b) Nhận xét về cơ cấu và sự chuyển dịch lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta giai đoạn 2000 – 2005.

Câu 5: (3 điểm) Em hãy nêu tên các đảo và quần đảo của tỉnh Kiên Giang.

Đáp án đề thi học sinh giỏi cấp huyện môn Địa lý lớp 9

Câu 1: Tỉ lệ bản đồ:

a) Cách tính khoảng cách thực địa.

- Bản đồ 1 khoảng cách là: $500.000 \times 6 \text{ cm} = 3.000.000 \text{ cm} = 30 \text{ km}$ (1,0đ)
- Bản đồ 2 khoảng cách là: $1.500.000 \times 6 \text{ cm} = 9.000.000 \text{ cm} = 90 \text{ km}$ (1,0đ)
- Khoảng cách thực địa của bản đồ 2 lớn hơn bản đồ 1, bản đồ 2 có tỉ lệ nhỏ (1,0đ)

b) Cách tính tỉ lệ.

$$130 \text{ km} = 13.000.000 \text{ cm} : 6,5 \text{ cm} = 2.000.000$$

$$6,5 = 1, 13.000.000 = 2.000.000$$

Bản đồ có tỉ lệ $1/2.000.000$ (1,0đ)

Câu 2:

a) Biển Việt Nam

Biển Việt Nam trong Biển Đông tiếp giáp với vùng biển 8 quốc gia: Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Xingapo, Brunây, Philippin. (1,0đ)

Ảnh hưởng:

- Thuận lợi: Giao thương, quan hệ phát triển KT – XH.... (0,5đ)
- Khó khăn: nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về chủ quyền, quyền lợi.... (0,5đ)

b) Vùng biển chủ quyền của nước CHXHCN Việt Nam

Là vì:

- Các đảo là tuyến tiền tiêu bảo vệ đất nước.... (0,5đ)
- Các đảo là cơ sở để nước ta tiến ra biển trong tương lai... (0,5đ)
- Các đảo là cơ sở khẳng định chủ quyền của ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo (0,5đ)
- Các đảo là địa bàn để phân bố dân cư... (0,5đ)

Câu 3: Đặc điểm sông ngòi Việt Nam

Ý kiến này đúng hoàn toàn. Vì:

Thiệt hại của lũ:

- Với nông nghiệp: Gây ngập úng các đồng lúa chưa thu hoạch... (0,5đ)
- Với thủy sản: Vỡ bè, tràn ao... (0,5đ)
- Với đời sống: đi lại, sinh hoạt khó khăn, dịch bệnh phát triển... (0,5đ)

Nguồn lợi do lũ mang lại:

- Bồi đắp phù sa màu mỡ; (0,5đ)
- Nước ngọt để tháo chua rửa mặn; (0,5đ)
- Cung cấp nguồn tôm cá theo lũ; (0,5đ)
- Làm nhà bè nuôi trồng thủy sản sống chung với lũ (0,5đ)

Câu 4: Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới.

a) Vẽ 2 biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế nước ta năm 2000 và 2005:

- Xử lý bảng: Từ tỉ lệ % chuyển sang độ(0) góc ở tâm. (1,0đ)
- Tên biểu đồ, vẽ đúng, đủ, đẹp. (1,0đ)

b) Nhận xét:

- Có sự khác nhau trong cơ cấu TPKT: Cao nhất ở KV ngoài NN, thấp nhất thấp nhất ở KV có vốn ĐTNN, (1,0đ)
- Có sự chuyển dịch: Lao động ở KV NN tăng nhẹ, KV ngoài NN giảm nhẹ, khu vực có vốn ĐTNN tăng nhanh. (1,0đ)
- Chứng tỏ nước ta có sự chuyển dịch Cơ cấu TPKT theo kinh tế thị trường, mở rộng quan hệ nước ngoài để phát triển, chủ động hòa nhập. (1,0đ)

Câu 5: Địa lí Kiên Giang.

Các đảo và quần đảo của Kiên Giang:

- Đảo Phú Quốc và quần đảo An Thới (0,5đ)
- Quần đảo Thổ Chu (0,5đ)
- Quần đảo Nam Du (0,5đ)
- Quần đảo Bà Lụa (0,5đ)
- Quần đảo Hải Tặc (0,5đ)
- Hòn Tre, Hòn Nghệ, Hòn Lại Sơn. (0,5đ)

ĐỀ SỐ 10

Câu 1 (1 điểm):

Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm? Sự thay đổi mùa có tác động như thế nào đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người?

Câu 2 (3,5 điểm):

1. Dựa vào bảng số liệu: Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và theo giới tính ở Việt Nam (đơn vị %).

Nhóm tuổi	Năm 1979		Năm 1989		Năm 1999	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
0-14	21,8	20,7	20,1	18,9	17,4	16,1
15-59	23,8	26,6	25,6	28,2	28,4	30,0
60 trở lên	2,9	4,2	3,0	4,2	3,4	4,7

- Nhận xét tỉ lệ hai nhóm dân số nam, nữ của nước ta thời kì 1979-1989.
- Tính tỉ số giới tính của dân số nước ta năm 1979, 1989, 1999.
- Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của các năm 1979, 1989, 1999.

Câu 3 (2,5 điểm):

Hãy cho biết những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với ngành giao thông vận tải nước ta? Hãy cho biết tình trạng đường bộ nước ta hiện nay như thế nào?

Câu 4 (1,5 điểm):

Trình bày những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển ngành thủy sản ở nước ta.

Câu 5 (1,5 điểm):

Cho bảng số liệu dưới đây: Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng của nước ta (đơn vị: %)

Nhóm hàng	1995	1999	2000	2005
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	25.3	31.3	37.2	36.1
Hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp	28.5	36.8	33.8	41.0
Hàng nông, lâm, thủy sản	46.2	31.9	29.0	22.9

Từ bảng số liệu trên em hãy:

- Nêu các dạng biểu đồ có thể vẽ được để thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá phân theo nhóm hàng của nước ta.
- Lựa chọn một dạng biểu đồ thích hợp nhất để vẽ và giải thích tại sao có sự lựa chọn này.

Đáp án

Câu 1. Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm? Sự thay đổi mùa có tác động như thế nào đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người?

- Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm

Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng khi chuyển động trên quỹ đạo, nên trong khi chuyển động, các bán cầu Bắc và Nam lần lượt hướng về phía Mặt Trời.

Từ đó, thời gian chiếu sáng và sự thu nhận lượng bức xạ Mặt Trời ở mỗi bán cầu đều có sự thay đổi luân phiên trong năm, gây nên những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu trong từng thời kỳ của năm, tạo nên các mùa.

- Sự thay đổi mùa có tác động đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người

Làm cho cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo từng mùa và sản xuất theo thời vụ.

Sự thay đổi của thời tiết và khí hậu ảnh hưởng đến sinh hoạt và sức khỏe con người.

Câu 2.

a. Nhận xét tỉ lệ dân số nam nữ thời kì 1979-1999: (đơn vị %)

Năm 1979		Năm 1989		Năm 1999	
Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
48,5	51,5	48,7	51,3	49,2	50,8

- Tỉ lệ dân số nam có xu hướng tăng dần. Dẫn chứng.
- Tỉ lệ dân số nữ có xu hướng giảm dần. Dẫn chứng.

b. Tính tỉ số giới tính của các năm (số nam so với 100 nữ):

Dựa vào bảng số liệu ta thấy năm 1979 (tính theo tổng số 100%) thì nam chiếm 48,5%, còn 51,5% là nữ.

Vậy 100 nữ có: $100 \times 48,5 / 51,5 = 94,2$ (nam)

Năm 1979	Năm 1989	Năm 1999
94,2%	94,9%	96,9%
(94,2 nam/100 nữ)	(94,9 nam/100 nữ)	(96,9 nam/100 nữ)

c. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi: (đơn vị %)

Nhóm tuổi	Năm 1979	Năm 1989	Năm 1999
0-14	42,5	39,0	33,5
15-59	50,4	53,8	58,4
60 trở lên	7,1	7,2	8,1

- Vẽ biểu đồ tròn: ba vòng tròn cho ba năm. Bán kính r bằng nhau hoặc $r_{79} < r_{89} < r_{99}$
- Yêu cầu: có chú giải, tên biểu đồ, chính xác.

Câu 3.

* Thuận lợi:

- Nước ta nằm trong vùng Đông Nam Á, giáp biển có điều kiện thuận lợi về giao thông đường biển trong nước và các nước trên thế giới.
- Phần đất liền nước ta kéo dài theo hướng Bắc-Nam, có dải đồng bằng gần như liên tục ven biển và bờ biển dài trên 3260km, nên việc giao thông giữa miền Bắc, miền Trung và miền Nam khá dễ dàng.

* Khó khăn:

- Hình thể nước ta hẹp ở miền Trung có nhiều đồi núi, cao nguyên chạy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam làm cho việc giao thông theo hướng Đông-Tây có phần trở ngại.
- Sông ngòi nước ta dày đặc, khí hậu nhiều mưa bão, lũ lụt nên việc xây dựng và bảo vệ đường sá, cầu cống đòi hỏi tốn kém nhiều công sức và tiền của.
- Cơ sở vật chất-kỹ thuật còn thấp, vốn đầu tư ít, phương tiện máy móc phải nhập từ nước ngoài tốn nhiều tiền của Nhà nước và nhân dân.

* Tình trạng đường bộ nước ta hiện nay:

- Hiện nay nước ta có gần 205.000km đường bộ trong đó có hơn 15.000km quốc lộ.
- Vận tải đường bộ chuyên chở nhiều hàng hóa, hành khách nhất và được đầu tư nhiều nhất trong những năm gần đây.
- Các tuyến đường quan trọng đang được mở rộng, nâng cấp như quốc lộ 1A, quốc lộ 18 quốc lộ 5, ...
- Các đường đèo cao, nguy hiểm trên quốc lộ 1 được làm thêm đường hầm xuyên núi như đường hầm Hải Vân, đường hầm Hoành Sơn và dự án đường Hồ Chí Minh đã được hoàn thành.
- Nhiều phà lớn được thay bằng cầu, nhiều cầu mới được xây dựng giúp giao thông được thông suốt mau chóng.

Câu 4.

* Thuận lợi:

- Đối với ngành khai thác thủy sản:

Khai thác thủy sản nước ngọt: Trong các sông, suối, ao, hồ.

Khai thác thủy sản nước lợ, nước mặn: Nước ta có nhiều bãi tôm, bãi cá. Đặc biệt là có 4 ngư trường trọng điểm như:

Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang

Ngư trường Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh.

Quần đảo Hoàng Sa – quần đảo Trường Sa.

- Đối với ngành nuôi trồng thủy sản:

Nước ta có các bãi triều, đầm phá, các dải rừng ngập mặn: Thuận lợi nuôi trồng thủy sản nước lợ.

Các vùng biển ven các đảo, vịnh thuận lợi cho nuôi thủy sản nước mặn.

Nước ta có nhiều sông suối, ao, hồ có thể nuôi tôm, cá nước ngọt.

* Khó khăn:

- Biển động trong mùa mưa bão.
- Môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản bị suy giảm ở nhiều vùng.
- Cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn đầu tư còn thiếu nhiều...

Câu 5.

1. Các dạng biểu đồ có thể vẽ được:

- Biểu đồ miền
- Biểu đồ hình tròn
- Biểu đồ cột chồng
- Biểu đồ cột ghép
- Biểu đồ hình vuông

2. Lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất và giải thích

- Biểu đồ miền
- Giải thích: vì chuỗi số liệu là nhiều năm và phù hợp nhất.

3. Nhận xét:

- Từ năm 1995 đến 2005 cơ cấu hàng xuất khẩu thay đổi theo hướng:
- Tăng tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản (dẫn chứng) .

ĐỀ SỐ 11**Câu I. (2,5 điểm)**

1. Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nêu sự phân hóa nhiệt độ ở nước ta và giải thích nguyên nhân tạo nên sự phân hóa đó.
2. Trình bày khái quát các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội theo yếu tố đầu vào và đầu ra ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

Câu II. (2,0 điểm)

1. Cho đoạn thông tin sau:

"Việt Nam là nước đông dân, có cơ cấu dân số trẻ. Nhờ thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm và cơ cấu dân số đang có sự thay đổi".

(Sách giáo khoa Địa lí 9 - Nhà xuất bản Giáo dục năm 2012)

Bằng kiến thức đã học, hãy chứng minh nhận định trên.

2. Ảnh hưởng của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ đến vấn đề việc làm ở nước ta?

Câu III. (2,5 điểm)

1. Tại sao thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta?
2. Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước?
3. Tây Nguyên là vùng có mức độ tập trung công nghiệp thấp so với các vùng khác trong cả nước. Hiện nay những ngành công nghiệp nào được phát triển mạnh ở đây? Tại sao?

Câu IV. (3,0 điểm) Dựa vào bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 - 2012 (đơn vị: nghìn tỉ đồng)

	2000	2005	2008	2010	2012
Tổng số	441,7	914,0	1.616,1	2.157,8	3.245,4
Nông-Lâm-Ngư nghiệp	108,4	176,4	329,9	407,7	638,4
Công nghiệp xây dựng	162,2	348,5	599,2	824,9	1.253,5
Dịch vụ	171,1	389,1	687,0	925,2	1.353,5

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động tổng sản phẩm trong nước của tổng số và các khu vực kinh tế ở nước ta giai đoạn 2000 - 2012.
2. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ hãy nhận xét và giải thích.

Đáp án**Câu I:**

1. Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nêu sự phân hóa nhiệt độ ở nước ta và giải thích nguyên nhân tạo nên sự phân hóa đó.

Phân hoá Bắc - Nam: miền Bắc có nền nhiệt thấp hơn miền Nam (dẫn chứng) do càng vào Nam càng gần xích đạo nên có nền nhiệt cao hơn. (0,25đ)

Phân hoá theo độ cao: ở một số khu vực địa hình cao có nền nhiệt thấp hơn những khu vực có địa hình thấp (dẫn chứng) do càng lên cao nhiệt độ càng giảm. (0,25đ)

Theo mùa:

- Nhiệt độ trung bình tháng I có sự chênh lệch lớn giữa miền Bắc và miền Nam (dẫn chứng) do lúc này ở miền Bắc là mùa đông còn miền Nam là mùa khô. (0,25đ)
- Nhiệt độ trung bình tháng VII cao (dẫn chứng) và ít có sự chênh lệch giữa các vùng, miền do lúc này là vào mùa hè. (0,25đ)

2. Trình bày khái quát các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội theo yếu tố đầu vào và đầu ra ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

* Các nhân tố đầu vào:

- Khoáng sản: nhiên liệu, kim loại, phi kim loại và vật liệu xây dựng. (0,25đ)
- Thủy năng của sông suối; tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, nguồn lợi sinh vật biển. (0,25đ)
- Dân cư và lao động. (0,25đ)
- Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng. (0,25đ)

* Các nhân tố đầu ra: Thị trường trong và ngoài nước. (0,25đ)

* Nhân tố chính sách tác động đến cả đầu vào và đầu ra vì vậy có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. (0,25đ)

Câu II:

1. Cho đoạn thông tin sau:

"Việt Nam là nước đông dân, có cơ cấu dân số trẻ. Nhờ thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình nên tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có xu hướng giảm và cơ cấu dân số đang có sự thay đổi".

Bằng kiến thức đã học, hãy chứng minh nhận định trên.

- Việt Nam là nước đông dân (dẫn chứng). (0,25đ)
- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm dần (dẫn chứng). (0,25đ)
- Cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa (dẫn chứng). (0,25đ)
- Cơ cấu dân số theo giới thay đổi theo hướng tăng tỉ lệ nam, giảm tỉ lệ nữ. (0,25đ)

2. Ảnh hưởng của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ đến vấn đề việc làm ở nước ta?

* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ:

- Theo ngành: giảm tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng, khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn nhiều biến động. (0,25đ)
- Theo lãnh thổ: hình thành các vùng chuyên canh, các lãnh thổ tập trung công nghiệp, dịch vụ tạo nên các vùng kinh tế phát triển năng động,... (0,25đ)

* Ảnh hưởng đến vấn đề việc làm:

- Đa dạng hoá kinh tế nông thôn, đưa nông nghiệp từ tự cấp tự túc lên sản xuất hàng hoá, phát triển công nghiệp và dịch vụ nhất là những ngành cần nhiều lao động tạo ra việc làm mới cho người lao động. (0,25đ)
- Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ song song với việc phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng góp phần tạo việc làm và nâng cao năng suất lao động. (0,25đ)

Câu III:

1. Tại sao thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta?

Chế độ mưa mùa gây ra tình trạng ngập úng vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô. (0,25đ)

Giải quyết tốt vấn đề thủy lợi sẽ:

- Chống úng, lụt trong mùa mưa bão, đảm bảo nước tưới trong mùa khô. (0,25đ)
- Cải tạo đất, mở rộng diện tích đất canh tác, tăng vụ, thay đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng,... (0,25đ)

=> Kết quả tăng năng suất và sản lượng cây trồng. (0,25đ)

2. Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước?

- Diện tích đất trồng lúa lớn nhất cả nước, khí hậu, nguồn nước, địa hình thuận lợi canh tác lúa. (0,25đ)
- Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, có nhiều kinh nghiệm trồng lúa. (0,25đ)
- Cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng tốt hơn: thủy lợi, giống, phân bón, máy móc,... (0,25đ)
- Các yếu tố khác: chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp của nhà nước, thị trường tiêu thụ rộng,... (0,25đ)

3. Tây Nguyên là vùng có mức độ tập trung công nghiệp thấp so với các vùng khác trong cả nước. Hiện nay những ngành công nghiệp nào được phát triển mạnh ở đây? Tại sao?

- Các ngành chế biến nông, lâm sản phát triển khá nhanh do vùng có nguồn nguyên liệu dồi dào. (0,25đ)
- Công nghiệp thủy điện với một số dự án quy mô lớn đã và đang được triển khai do vùng có trữ năng thủy điện lớn. (0,25đ)

Câu IV:

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động tổng sản phẩm trong nước của tổng số và các khu vực kinh tế ở nước ta giai đoạn 2000 - 2012.

Biểu đồ: cột chồng số liệu tuyệt đối. (Vẽ biểu đồ khác không cho điểm). (1,5đ)

Yêu cầu: vẽ biểu đồ cần đảm bảo tính chính xác, khoa học và thẩm mỹ; Ghi đủ: tên biểu đồ, kí hiệu, chú giải, số liệu, đơn vị, năm. (Nếu thiếu, sai mỗi lỗi trừ 0,25 điểm).

2. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ hãy nhận xét và giải thích.

* Nhận xét:

Nhìn chung tổng sản phẩm của các khu vực kinh tế có sự chênh lệch và đều tăng nhưng sự gia tăng khác nhau. (0,25đ)

Cụ thể:

- Tổng số và các khu vực kinh tế có tổng sản phẩm đều tăng qua các năm (dẫn chứng). (0,25đ)
- Giữa ba khu vực kinh tế có sự gia tăng khác nhau (dẫn chứng). (0,25đ)
- Tổng sản phẩm giữa ba khu vực kinh tế có sự chênh lệch (dẫn chứng). (0,25đ)

* Giải thích:

- Tổng sản phẩm đều tăng do nước ta đạt được nhiều thành tựu trong tăng trưởng và phát triển kinh tế. (0,25đ)
- Công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng mạnh hơn do nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. (0,25đ)

ĐỀ SỐ 12

Câu 1 (2.0 điểm)

Tại sao Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời lại sinh ra hai thời kì nóng và lạnh luân phiên nhau ở hai nửa cầu trong một năm?

Câu 2 (2.0 điểm)

Tính chất đa dạng, thất thường của khí hậu nước ta thể hiện như thế nào? Giải thích vì sao khí hậu nước ta có tính chất trên.

Câu 3 (4.0 điểm)

- Trình bày đặc điểm sử dụng lao động ở nước ta.
- Phương hướng giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay.

Câu 4 (3.0 điểm)

Dựa vào Át lát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy:

- Kể tên các nhà máy nhiệt điện và thủy điện đã xây dựng ở nước ta.
- Cho biết tài nguyên thiên nhiên của nước ta có những thuận lợi gì để phát triển ngành công nghiệp điện lực.

Câu 5 (3.0 điểm)

Nêu những thành tựu đạt được về kinh tế trong thời kỳ đổi mới ở nước ta. Trong những thành tựu đó nội dung nào là nét đặc trưng của quá trình đổi mới? Trình bày nội dung đó.

Câu 6 (6.0 điểm)

Cho bảng bảng số liệu sau:

Diện tích và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 1990-2003

Năm	Diện tích lúa cả năm (nghìn ha)	Sản lượng lúa (nghìn tấn)			
		Cả năm	Chia ra		
			Vụ đông xuân	Vụ hè thu	Vụ mùa
1990	6042,8	19225,1	7865,6	4090,5	7269,0
1995	6765,6	24963,7	10736,6	6500,8	7726,3
2000	7666,3	32529,5	15571,2	8625,0	8333,3
2003	7449,3	34518,6	16822,9	9390,0	8305,7

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình sản xuất lúa của nước ta trong thời gian trên.
- Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ hãy rút ra những nhận xét cần thiết và giải thích.

Đáp án

Câu 1 (2.0 điểm)

- Khi chuyển động trên quỹ đạo, trục của Trái Đất bao giờ cũng có độ nghiêng không đổi và hướng về một phía nên hai nửa cầu Bắc và Nam luân phiên ngả gần và

chéch xa Mặt Trời sinh ra hai thời kì nóng và lạnh luân phiên nhau ở hai nửa cầu trong một năm.

- Nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt. Lúc đó là mùa nóng của nửa cầu đó.
- Nửa cầu nào không ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa lạnh của nửa cầu đó.

Câu 2 (2.0 điểm)

* Tính chất đa dạng của khí hậu nước ta:

- Khí hậu nhiệt đới gió mùa nước ta không thuần nhất trên toàn quốc mà phân hoá mạnh mẽ theo thời gian và không gian hình thành nên các miền và các khu vực khí hậu khác nhau rõ rệt :

Miền khí hậu phía Bắc, từ dãy Bạch Mã (vĩ tuyến 160 B) trở ra

Miền khí hậu phía nam từ dãy Bạch Mã trở vào

Khu vực đông Trường Sơn bao gồm phần lãnh thổ trung bộ phía đông dãy Trường Sơn, từ Hoành Sơn đến Mũi Dinh

Khí hậu biển Đông Việt Nam

* Tính chất thất thường của khí hậu nước ta:

- Khí hậu Việt Nam rất thất thường, biến động mạnh: năm rét sớm, năm rét muộn, năm mưa nhiều, năm hạn hán, năm nhiều bão, năm ít bão...

* Giải thích:

- Do vị trí địa lý và lãnh thổ (nằm ở đông nam châu Á và kéo dài theo vĩ tuyến)
- Địa hình đa dạng (độ cao và hướng của các dãy núi lớn), gió mùa.

Câu 3 (4.0 điểm)

a. Đặc điểm sử dụng lao động ở nước ta

- Cùng với quá trình đổi mới nền kinh tế - xã hội của đất nước, số lao động có việc làm ngày càng tăng. Trong giai đoạn 1991 - 2003 số lao động hoạt động trong ngành kinh tế tăng từ 30,1 triệu người lên 41,3 triệu người.
- Cơ cấu sử dụng lao động nước ta phân theo ngành kinh tế đang thay đổi theo hướng tích cực.
- Tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm (dẫn chứng). Tuy nhiên, lao động khu vực này vẫn còn chiếm tỷ lệ cao.

Tỷ lệ lao động trong ngành dịch vụ tăng (dẫn chứng)

Tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng tăng (dẫn chứng).

Tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm (dẫn chứng)

=> Sự chuyển dịch trên phù hợp với quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên sự chuyển dịch trên còn chậm.

b. Phương hướng giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay

- Phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng và thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.
- Thực hiện đa dạng hóa các hoạt động sản xuất ở nông thôn (nghề truyền thống, thủ công nghiệp...), phát triển công nghiệp-xây dựng và dịch vụ ở thành thị.

- Tăng cường hợp tác liên kết để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng sản xuất hàng xuất khẩu.
- Mở rộng đa dạng các loại hình đào tạo hướng nghiệp dạy nghề.
- Có chính sách xuất khẩu lao động hợp lý.

Câu 4 (3.0 điểm)

a. Kể tên các nhà máy nhiệt điện và thủy điện đã xây dựng ở nước ta.

- Các nhà máy nhiệt điện: Phả Lại, Uông Bí, Ninh Bình, Thủ Đức, Phú Mỹ, Bà Rịa, Trà Nóc, Cà Mau
- Các nhà máy thủy điện được xây dựng ở nước ta: Thác Bà, Hòa Bình, Y-a-ly, Đa Nhim, Trị An, Thác Mơ, Cần Đơn...

(Lưu ý: HS kể được 4 nhà máy thủy điện và nhiệt điện trở lên cho điểm tối đa)

b. Tài nguyên thiên nhiên của nước ta có những thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp điện lực (nhiệt điện và thủy điện)

- Nguồn nhiên liệu dồi dào thuận lợi cho việc phát triển nhiệt điện

Than: Than antraxit có trữ lượng lớn, nhiệt lượng cao ở Quảng Ninh, than nâu ở Đồng bằng sông Hồng, than bùn ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Dầu khí: trữ lượng lớn, tập trung ở các bể trầm tích tại thềm lục địa và đồng bằng châu thổ.

- Tiềm năng thủy điện lớn

Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp cả nước, các sông có lượng nước dồi dào, độ dốc lớn thuận lợi cho việc phát triển thủy điện. Các vùng có tiềm năng thủy điện lớn nhất nước tập trung chủ yếu ở hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Đồng Nai.

- Các nguồn năng lượng khác: mặt trời, sức gió...

Câu 5 (3.0 điểm)

* Những thành tựu đạt được về kinh tế trong thời kỳ đổi mới

- Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc, tốc độ tăng trưởng khá cao và khá ổn định.
- Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Sự phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đang thúc đẩy hoạt động ngoại thương và thu hút đầu tư nước ngoài.
- Từng bước hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

* Nội dung được coi là nét đặc trưng của quá trình đổi mới:

- Là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

* Chuyển dịch cơ cấu kinh tế được thể hiện ở 3 mặt chủ yếu:

- Chuyển dịch cơ cấu ngành: Giảm tỷ trọng ở khu vực nông- lâm - ngư nghiệp, tăng tỷ trọng ở khu vực công nghiệp - xây dựng; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhưng còn nhiều biến động.
- Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ: hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp, các lãnh thổ tập trung công nghiệp, dịch vụ, tạo nên các vùng kinh tế năng động (d/c các vùng chuyên canh nông nghiệp, các vùng kinh tế trọng điểm).

- Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.

Câu 6 (6.0 điểm)

a. Vẽ biểu đồ:

- Biểu đồ kết hợp đường (diện tích) và cột chồng (sản lượng). Các dạng biểu đồ khác không cho điểm.
- Biểu đồ phải đảm bảo tính chính xác, trực quan (chia khoảng cách năm), có ký hiệu, có chú thích, tên biểu đồ.

* Lưu ý: nếu thiếu một trong các yêu cầu trên thì trừ điểm (0,25đ)

b. Nhận xét và giải thích:

- Diện tích và sản lượng lúa nước ta thời kỳ 1990-2003 có xu hướng tăng:
- Diện tích lúa tăng nhưng không ổn định:

Từ năm 1990 đến năm 2000 tăng (d/c) vì khai hoang phục hoá, mở rộng diện tích đất canh tác và do tăng vụ (chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long)

Từ năm 2000 đến năm 2003 giảm (d/c) vì một phần đất nông nghiệp bị chuyển sang đất chuyên dùng, thổ cư (Đb sông Hồng)

- Sản lượng: Liên tục tăng (d/c) chủ yếu do thâm canh tăng vụ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- Về mùa vụ:

Vụ đông xuân đóng vai trò chủ đạo, liên tục tăng. Do năng suất cao nhất và trở thành vụ chính.

Vụ hè thu liên tục tăng và được đưa vào trồng đại trà.

Vụ mùa: Có năng suất lúa thấp hơn so với 2 vụ trên.

ĐỀ SỐ 13

Câu 1: (2,25đ) Cho biết những nơi nào trên Trái Đất:

- Có độ dài ngày đêm luôn bằng nhau?
- Mỗi năm có 1 ngày có ngày dài 13 giờ 30 phút và 1 ngày có đêm dài 13 giờ 30 phút? Đó là những ngày nào?
- Mỗi năm có 1 ngày là ngày dài 24 giờ và 1 ngày là đêm dài 24 giờ? Đó là những ngày nào?
- Có ngày hoặc đêm dài 24 giờ kéo dài suốt 6 tháng?

Câu 2: (1,5đ) Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày các nhân tố chủ yếu làm cho khí hậu nước ta đa dạng, thất thường?

Câu 3: (3,75đ) Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) Hãy kể tên các nhà máy thủy điện thuộc miền Bắc, Tây Nguyên và nhiệt điện thuộc miền Bắc và Đông Nam Bộ của nước ta?

b) Hãy nêu thế mạnh tự nhiên đối với việc phát triển ngành điện lực nước ta?

c) Cho biết ý nghĩa của việc xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La?

Câu 4: (5,5đ) Cho biết những mặt mạnh và những mặt tồn tại của nguồn lao động nước ta? Vì sao việc làm là vấn đề gay gắt của nước ta giai đoạn hiện nay? Nêu hướng giải quyết?

Câu 5: (6,5đ) Cho bảng số liệu sau:

Diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây (nghìn ha)

	1990	2002
Tổng số	9040,0	12831,4
Cây lương thực	6474,6	8320,3
Cây công nghiệp	1199,3	2337,3
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	1366,1	2173,8

- Hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng các nhóm cây.
- Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét sự thay đổi qui mô diện tích và tỉ trọng gieo trồng của các nhóm cây.
- So sánh sự khác nhau về điều kiện phát triển cây lương thực giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

Đáp án

Câu 1:

Trên Trái Đất:

Xích đạo là nơi có độ dài ngày và đêm luôn bằng nhau. (0,25đ)

Chí tuyến Bắc ($23^{\circ}27'B$) và chí tuyến Nam ($23^{\circ}27'N$) là những nơi mỗi năm có 1 ngày có ngày dài 13 giờ 30 phút và 1 ngày có đêm dài 13 giờ 30 phút (0,25đ)

- Ở chí tuyến Bắc đó là ngày Hạ chí (22/6) và Đông chí (22/12). Hạ chí ngày dài 13 giờ 30 phút và Đông chí đêm dài 13 giờ 30 phút. (0,25đ)
- Chí tuyến Nam, đó là ngày Đông chí (22/12) và ngày Hạ chí (22/6). Đông chí ngày dài 13 giờ 30 phút và Hạ chí đêm dài 13 giờ 30 phút. (0,25đ)

Vòng cực Bắc ($66^{\circ}33'B$) và vòng cực Nam ($66^{\circ}33'N$) là những nơi trên Trái Đất mỗi năm có 1 ngày dài 24 giờ (ngày địa cực) và 1 ngày là đêm dài 24 giờ (đêm địa cực). (0,25đ)

- Vòng cực Bắc là ngày Hạ chí (22/6) và Đông chí (22/12) (0,25đ)
- Ở vòng cực Nam là ngày Đông chí (22/12) và ngày Hạ chí (22/6). (0,25đ)

Cực Bắc và Cực Nam là 2 nơi có ngày dài 24 giờ kéo dài 6 tháng sau đó là đêm dài 24 giờ kéo dài 6 tháng. Ở 2 cực hiện tượng này diễn ra trái ngược nhau hoàn toàn. (0,5đ)

Câu 2: Các nhân tố chủ yếu làm cho khí hậu nước ta đa dạng, thất thường:

- Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ: tạo ra tính chất khí hậu cơ bản của nước ta là nhiệt đới gió mùa ẩm, phân hoá sâu sắc theo chiều Bắc – Nam. (0,5đ)
- Địa hình đồi núi và hướng sườn tạo ra sự phân hoá khí hậu theo đai cao (tạo cho nước ta bên cạnh hậu nhiệt đới cơ bản còn có khí hậu cận nhiệt và ôn đới núi cao); đồng thời hình thành một số khí hậu mang tính chất địa phương. (0,5đ)
- Tính chất mùa và biến động khí hậu (năm rét sớm, năm rét muộn; năm mưa nhiều, năm khô hạn;....). (0,25đ)

- Nhiều loạn khí tượng và tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu (bão, hạn hán, ElNiño, LaNina,.....) (0,25đ)

Câu 3:

a) Các nhà máy thủy điện và nhiệt điện của nước ta:

Các nhà máy thủy điện: (0,5đ)

- Miền Bắc có: Hoà Bình, Thác Bà, Tuyên Quang, Nậm Mu.
- Tây Nguyên có: Xa Xan, Xê Xan3, Xê Xan3A, Dray Hling.

Các nhà máy nhiệt điện: (0,5đ)

- Miền Bắc có: Uông Bí, Phả Lại, Na Dương, Ninh Bình.
- Đông Nam Bộ có: Phú Mỹ, Thủ Đức, Bà Rịa.

b) Thế mạnh tự nhiên đối với việc phát triển điện lực nước ta

Công nghiệp sản xuất điện của nước ta hiện nay chủ yếu dựa vào nguồn tài nguyên than, dầu khí và nguồn thủy năng. (0,75đ)

- Than đá: Than nước ta chủ yếu là than Anthracit, tập trung ở Đông Bắc, sản lượng khai thác năm 2007 đạt 42,5 triệu tấn như bể than ở Quảng Ninh. (0,25đ)
- Dầu khí: hiện nay nước ta đang tập trung khai thác tại các mỏ ở thềm lục địa phía Nam như Lan Tây, Cái Nước, Rồng, Bạch Hổ. Sản lượng khai thác đạt 15,9 triệu tấn năm 2007. (0,25đ)
- Nguồn thủy năng: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều hệ thống sông có trữ lượng thủy năng cao như sông Đà, sông XêXan, sông Đồng Nai, sông Ba,... (0,25đ)

Các nguồn năng lượng khác (gió, thủy triều, năng lượng Mặt Trời,.... (0,25đ)

c) Ý nghĩa của việc xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La:

- Đây là công trình thủy điện lớn nhất nước ta được xây dựng trên sông Đà với công suất thiết kế 2.400MW và cũng là thủy điện lớn nhất khu vực Đông Nam Á. (0,25đ)
- Thủy điện Sơn La góp phần giải quyết công ăn việc làm cho lực lượng lao động lớn tại tỉnh Sơn La, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, dịch vụ phục vụ cán bộ công nhân công trường thủy điện. (0,25đ)
- Thủy điện Sơn La hoàn thành góp phần giải quyết bài toán thiếu điện nghiêm trọng của nước ta hiện nay; đảm bảo điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. (0,25đ)
- Giúp giảm bớt áp lực về điều tiết lũ về mùa mưa; bảo vệ thủy điện Hoà Bình; dự trữ nước vào mùa khô cho vùng Tây Bắc và đồng bằng sông Hồng. (0,25đ)

Câu 4:

* Những mặt mạnh của nguồn lao động nước ta:

- Có nguồn lao động dồi dào. Bình quân mỗi năm nước ta có thêm hơn một triệu lao động. (0,25đ)
- Người lao động Việt Nam cần cù, khéo tay, có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (0,25đ)
- Khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật nhanh. (0,25đ)
- Đội ngũ lao động kỹ thuật ngày càng tăng: hiện lao động kỹ thuật có khoảng 5 triệu người (chiếm 13% lao động). Số lao động trình độ kỹ thuật khoảng 23%. (0,25đ)

* Những mặt tồn tại:

- Thiếu tác phong công nghiệp; kỉ luật lao động chưa cao. (0,25đ)
- Đội ngũ cán bộ KHKT và công nhân có tay nghề còn ít. (0,25đ)
- Hạn chế về thể lực. (0,25đ)
- Lực lượng lao động phân bố không đều, tập trung ở đồng bằng. Đặc biệt lao động kĩ thuật tập trung ở các thành phố lớn đến thiếu việc làm ở đồng bằng; thất nghiệp ở các thành phố lớn trong khi miền núi trung du lại thiếu lao động. (0,25đ)
- Năng suất lao động thấp. Cơ cấu lao động chuyển dịch chậm, lao động nông nghiệp còn chiếm ưu thế. (0,25đ)

* Việc làm đang là vấn đề KT- XH gay gắt ở nước ta hiện nay vì:

Nguồn lao động còn dồi dào trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển đã tạo nên sức ép lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm của nước ta giai đoạn hiện nay. (0,25đ)

- Ở nông thôn: Do tính chất mùa vụ của sản xuất nông nghiệp và sự phát triển của các ngành còn hạn chế nên tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn là 23% năm 2003. (0,5đ)
- Ở thành thị: tỉ lệ thất nghiệp cao khoảng 6% trong khi lại thiếu lao động có trình độ kĩ thuật ở các ngành công nghiệp, dịch vụ, khoa học kĩ thuật. (0,5đ)

* Hướng giải quyết:

- Đẩy mạnh công tác kế hoạch hoá gia đình. (0,25đ)
- Phân bố lại dân cư và lao động (chuyển từ đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung đến Tây Bắc và Tây Nguyên). (0,25đ)
- Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. (0,25đ)
- - Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, hoạt động dạy nghề. (0,25đ)
- Lập các trung tâm giới thiệu việc làm, đẩy mạnh hướng nghiệp ở các trường phổ thông. (0,25đ)
- Đa dạng hoá các hoạt động kinh tế nông thôn. (0,25đ)
- Mở rộng các trung tâm công nghiệp, xây dựng các công nghiệp mới. (0,25đ)
- Phát triển các hoạt động dịch vụ. Chú ý các hoạt động công nghiệp vừa và nhỏ để thu hút lao động. (0,25đ)

Câu 5:

a) Vẽ biểu đồ

- Xử lí số liệu ra %.
- Tính bán kính hình tròn: $R_{1990}=2\text{cm}$; $R_{2002}=2,4\text{cm}$
- Vẽ biểu đồ

Yêu cầu: chính xác, có tên, chú giải, số liệu, hình thức đẹp.

b) Nhận xét:

Qui mô diện tích các nhóm cây từ 1990-2002 tăng từ 9040,0 nghìn ha lên 12831,4 nghìn ha, tăng thêm 3791,4 nghìn ha. Trong đó:

- Cây lương thực tăng thêm 1845,7 nghìn ha.
- Cây công nghiệp tăng thêm 1138 nghìn ha.
- Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác tăng thêm 807,7 nghìn ha.

Tỉ trọng diện tích gieo trồng các nhóm cây từ 1990-2002 có sự thay đổi:

- Tỉ trọng cây lương thực giảm 7%

- Tỷ trọng cây công nghiệp tăng 5%
- Tỷ trọng cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác tăng 2%

c) Sự khác nhau về điều kiện phát triển cây lương thực giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long:

Đặc điểm	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
Đất đai (0,5đ)	Đất phù sa màu mỡ, diện tích nhỏ, có đê bao bọc	Đất phù sa màu mỡ, nhất là dải đất ven sông Tiền và sông Hậu, diện tích lớn, không có đê bao bọc.
Khí hậu (0,5đ)	Nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.	Cận xích đạo, nóng quanh năm với 2 mùa mưa và khô.
Nguồn nước (0,5đ)	Hệ thống sông ngòi dày đặc, lớn nhất là hệ thống sông Hồng – Thái Bình.	Hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt, lớn nhất là hệ thống sông Tiền và sông Hậu
Dân cư, lao động (0,5đ)	Có nguồn lao động đông, nhất là lao động có chuyên môn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cao.	Có nguồn lao động ít hơn, chất lượng lao động và kinh nghiệm sản xuất thấp hơn.
Cơ sở vật chất kỹ thuật (0,5đ)	Nhìn chung tốt hơn, mật độ dày đặc.	Thưa hơn và chất lượng kém hơn.

ĐỀ SỐ 14

Câu 1: (3 đ) Cho biết các địa phương trên Trái Đất vào ngày nào có ngày và đêm dài bằng nhau? Giải thích?

Một trận bóng đá World được truyền hình trực tiếp tại Việt Nam vào 21 giờ ngày 11 tháng 6 năm 2014. Hỏi ở Ấn Độ muốn xem trực tiếp trận bóng đá đó thì phải xem vào lúc mấy giờ vào ngày nào? Biết ở Việt Nam nằm ở vĩ độ 105° Đ, ở Ấn Độ nằm ở vĩ độ 75°Đ.

Câu 2 (3đ): Cho biết đặc điểm chung của sông ngòi nước ta? Giải thích nguyên nhân?

Câu 3 (4đ): Tại sao nói vấn đề việc làm trở nên gay gắt ở nước ta trong giai đoạn hiện nay? Để giải quyết vấn đề việc làm cần phải có những giải pháp nào?

Câu 4 (5đ): Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam em hãy cho biết:

Vùng Bắc Trung Bộ có các trung tâm kinh tế nào? Nêu chức năng và các ngành công nghiệp chính của từng trung tâm? Tại sao nói du lịch là thế mạnh kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ?

Câu 5 (5đ). Cho bảng số liệu:

Số dân và sản lượng lúa cả nước của nước ta qua các năm.

Năm	1982	1986	1990	1995	1998	2002
-----	------	------	------	------	------	------

Số dân (triệu người)	56.2	61.2	66	72	75.5	79.7
Sản lượng lúa (triệu tấn)	14.4	16	19.2	25	19.1	34.4

- Tính sản lượng lúa bình quân trên đầu người qua từng năm (kg/người/năm)
- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ gia tăng số dân, sản lượng lúa và sản lượng lúa bình quân trên đầu người qua các năm.
- Nhận xét và giải thích sự gia tăng đó.

Đáp án

Câu 1: (3 điểm)

- Các địa phương trên Trái Đất có ngày dài bằng đêm vào ngày 21/3 (xuân phân) và ngày 23/9 (Thu phân) (1,0đ)

Vì vào ngày đó Mặt trời chiếu vuông góc với Trái Đất tại xích đạo. Mọi địa điểm trên bề mặt trái đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng như nhau nên ngày dài bằng đêm. (0,5đ)

- Xác định múi giờ của mỗi địa điểm (0,5đ)

- Ở Việt Nam: $105:15 = 7$ (múi giờ)
- Ở Ấn Độ : $75:15 = 5$ (múi giờ)

Độ chênh lệch múi giờ giữa 2 nước là: $7 - 5 = 2$ (múi giờ) (0,5đ)

Vậy ở Ấn Độ muốn xem trận bóng đá: $21 - 2 = 19$ giờ ngày 11/6/2014. (0,5đ)

Câu 2: (3 điểm)

Sông ngòi nước ta có 4 đặc điểm chính (2,0đ)

Giải thích được (1,0đ)

- Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc phân bố rộng khắp cả nước. (0,5đ)

Phần lớn các sông ngắn và dốc (0,25đ)

- Giải thích: Nước ta nằm trong khu vực có khí hậu nhiệt đới gió mùa nên lượng mưa lớn tập trung theo mùa. nên sông ngòi dày đặc.
- Địa hình chủ yếu là đồi núi, hẹp ngang nên sông thường ngắn và dốc

- Sông ngòi nước ta có 2 mùa nước, mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt (0,5đ)

Mùa lũ chiếm 70 -80 % lượng nước cả năm

Giải thích: Khí hậu phân hóa thành 2 mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô: Về mùa mưa lượng nước lớn, chiếm 70 -80 % lượng nước cả năm (0,25đ)

- Sông ngòi nước ta chảy theo 2 hướng chính: Hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung. (0,5đ)

Giải thích: Địa hình nước ta chảy theo 2 hướng là hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung. (0,25đ)

- Sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn: Tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước khoảng 200 tr tấn/ năm (0,5đ)

Giải thích: Địa hình bị chia cắt phức tạp, độ dốc lớn, mưa tập trung theo mùa, tốc độ bào mòn nhanh làm cho sông ngòi có hàm lượng phù sa lớn (0,25đ)

Câu 3: (4 điểm)

Nguồn lao động dồi dào trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển, chất lượng của nguồn lao động thấp tạo sức ép lớn đối với giải quyết việc làm ở nước ta: (0,5đ)

- Ở nông thôn: Do đặc điểm mùa vụ của sản xuất nông nghiệp và sự phát triển ngành nghề ở nông thôn còn hạn chế nên thiếu việc làm ở nông thôn, VD: Tỷ lệ thời gian làm việc được sử dụng của lao động nông thôn là 77.7% (năm 2003) (0,5đ)
- Ở thành thị: tỷ lệ thất nghiệp cao 6%, trong khi thiếu lao động có trình độ kỹ thuật ở các ngành công nghiệp, dịch vụ, KHKT.(0,5đ)
- Tỷ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp cao ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế xã hội của nước ta (0,5đ)

Hướng giải quyết:

- Thực hiện tốt chính sách dân số. Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng để vừa khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi vùng vừa tạo thêm việc làm mới. (0,5đ)
- Đa dạng hoá các hoạt động KT ở nông thôn. Khôi phục các ngành nghề truyền thống, các hoạt động dịch vụ, các hoạt động công nghiệp hóa ở nông thôn. (0,5đ)
- Phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ. Mở rộng liên doanh, đầu tư nước ngoài và xuất khẩu lao động cũng là những hướng tạo khả năng giải quyết việc làm. (0,5đ)
- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp ở nhà trường, hoạt động dạy nghề và giới thiệu việc làm, giúp cho người lao động tự tạo việc làm hoặc dễ tìm việc làm... (0,5đ)

Câu 4

a) Những trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ, chức năng và ngành công nghiệp của từng trung tâm: (2đ)

- Thành phố Thanh Hóa là trung tâm công nghiệp lớn ở phía Bắc. Ngành công nghiệp chính: Cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm (0,5đ)
- Thành phố Vinh: Là hạt nhân để hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ của vùng (ngành công nghiệp chính: cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực, thực phẩm)
- Thành phố Huế: Trung tâm du lịch lớn của vùng và cả nước (ngành công nghiệp Cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực, thực phẩm)

Chứng minh được du lịch là thế mạnh kinh tế của vùng

* Bắc Trung Bộ có tài nguyên du lịch phong phú. (3,0đ)

Tài nguyên du lịch tự nhiên:

- Nhiều phong cảnh và bãi tắm đẹp: Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình), Pù Mát (Nghệ An), bãi tắm Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm...
- Có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên: Bến En, Pù Mát, Bạch Mã,... với nhiều loại động thực vật quý hiếm.

Tài nguyên du lịch nhân văn:

- Có nhiều công trình kiến trúc, các di tích lịch sử: Cố đô Huế, ngã ba Đồng Lộc, Quê Bác...
- Có nhiều làng nghề truyền thống: Mây tre đan, gốm Quảng Bình...

- Các lễ hội dân gian: Lễ hội Cầu Ngư, Lễ hội thả diều (Huế), và các lễ hội khác như festival Huế...
- Văn hóa dân gian: Hò ví dặm, nhã nhạc cung đình Huế (công nhận là di sản văn hóa vi vật thể)

Hệ thống nhà hàng, khách sạn phục vụ du lịch được đầu tư nâng cấp hiện đại phù hợp với du khách.

Lao động trong lĩnh vực du lịch được đào tạo có chuyên môn

Cơ chế chính sách: Đảng và nhà nước có chính sách khuyến khích phát triển ngành dịch vụ trong đó có du lịch.

Câu 5:

a) Tính sản lượng sản lượng lúa bình quân đầu người qua các năm (1,0đ)

Năm	1982	1986	1990	1995	1998	2002
Sản lượng (kg/người/năm)	256	261	291	347	385,4	431,6

b) Xác định biểu đồ cần vẽ là biểu đồ đường biểu diễn

* Lập bảng số liệu về gia tăng diện tích, sản lượng, năng suất lúa cả năm (lấy năm 1985 = 100%) (1,0đ)

Năm	1982	1986	1990	1995	1998	2002
Số dân	100	109	117,4	128,1	134,3	141,8
Sản lượng lúa	100	111,1	133,3	173,6	202	238,9
Sản lượng (kg/người/năm)	100	102	113,7	135,5	150,5	168,6

Đơn vị: %

* Vẽ biểu đồ đường: (1,5đ)

- Vẽ 3 đường thể hiện sự gia tăng diện tích, sản lượng và năng suất lúa cả năm trong thời gian 1982 – 2002.
- Đảm bảo chính xác, có tên và ký hiệu rõ ràng.
- Chú ý khoảng cách giữa các năm.

(Thiếu chú giải, tên biểu đồ, đơn vị, khoảng cách giữa các năm sai trừ 0,25 đ)

b. Nhận xét (0,75đ)

- Số dân tăng.(d/c)
- Sản lượng lúa tăng mạnh.
- Sản lượng lúa bình quân đầu người tăng (d/c)

Nguyên nhân: (0,75đ)

Dân số tăng là do những người ở độ tuổi sinh đẻ ngày càng tăng.

- Sản lượng lúa cũng tăng nhanh, đặc biệt trong thời kỳ 1995 – 2005 (d/c)
- Nguyên nhân là kết quả của việc mở rộng diện tích gieo trồng và thâm canh tăng năng suất thì trong đó việc đẩy mạnh thâm canh có ý nghĩa quan trọng nhất.

- Sản lượng lúa bình quân đầu người tăng là tổng sản lượng tăng (số dân tăng chậm hơn so với tổng sản lượng).

ĐỀ SỐ 15

Câu 1 (3 điểm) Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

Trình bày những biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần sông ngòi. Nêu nguyên nhân của những biểu hiện đó?

Câu 2 (3 điểm) Lao động là nguồn lực quan trọng bậc nhất đối với phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Em hãy:

a. Phân tích thế mạnh của nguồn lao động nước ta. Thế mạnh đó tạo những thuận lợi gì đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước?

b. Trong những năm tới, nếu tỉ lệ gia tăng dân số giảm thì nguồn lao động nước ta có còn dồi dào không? Vì sao?

Câu 3 (4 điểm) Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

Vẽ sơ đồ các ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta?

Trình bày tình hình phát triển các ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta?

Câu 4 (5 điểm) Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

Hãy phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng?

Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông-lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Câu 5 (5 điểm) Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM VÀ HÀNG NĂM CỦA NƯỚC TA
(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Cây công nghiệp lâu năm	Cây công nghiệp hàng năm
1990	657,3	542,6
1995	902,3	716,7
2000	1451,3	778,1
2005	1633,6	861,5
2008	1885,8	806,1
2010	1987,4	800,2

Đáp án

Câu 1:

a. Biểu hiện: (1,5đ)

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc: 2360 con sông có chiều dài từ 10 km trở lên, dọc bờ biển trung bình cứ 20 km có 1 cửa sông.

- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa: tổng lượng nước 839 tỉ m³/năm, tổng lượng phù sa khoảng 200 triệu tấn/năm.
- Chế độ nước theo mùa: nhịp điệu dòng chảy theo sát nhịp điệu mưa.

b. Nguyên nhân: (1,5đ)

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, kết hợp với địa hình nhiều đồi núi.
- Nước ta có lượng mưa lớn, sông chảy qua nhiều miền địa hình khác nhau trước khi đổ ra biển.
- Chế độ mưa theo mùa, tính chất thất thường trong chế độ mưa của nước ta.

Câu 2:

a. Những thế mạnh của nguồn lao động nước ta: (2,0đ)

Số lượng: Nước ta có nguồn lao động đông đảo, gia tăng nguồn lao động nhanh: Năm 2005, nước ta có 42,53 triệu lao động hoạt động kinh tế chiếm 52,1% dân số. trung bình mỗi năm nước ta bổ sung thêm hơn 1 triệu lao động.

Chất lượng:

- Lao động nước ta có nhiều phẩm chất đáng quý: cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất phong phú.
- Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên: Tính đến 2005 cả nước có 25% số lao động đã qua đào tạo; tăng gấp 2 lần so với năm 1996.

Thuận lợi:

- Đảm bảo đủ lao động trong quá trình Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.
- Cho phép nước ta phát triển các ngành cần nhiều lao động nhưng không đòi hỏi quá nhiều về trình độ như công nghiệp dệt may, công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, các ngành nông – lâm – ngư nghiệp và tiểu thủ công nghiệp...
- Có khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Lợi thế trong thu hút đầu tư nước ngoài.

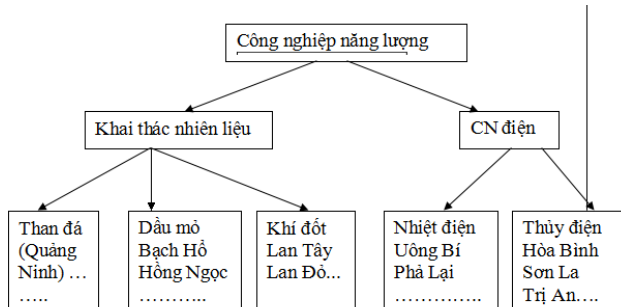
b. Trong những năm tới, nếu tỉ lệ gia tăng dân số giảm thì nguồn lao động nước ta vẫn còn dồi dào. (1,0đ)

Vì: Nước ta có dân số đông, cơ cấu dân số thuộc loại trẻ (Năm 2005 có 64,1% dân số trong độ tuổi từ 15 – 59 và 27,0% dân số trong độ tuổi từ 0 - 14) nên số người trong độ tuổi sinh đẻ vẫn chiếm tỉ lệ cao do đó số trẻ em sinh ra hàng năm vẫn nhiều (trung bình mỗi năm dân số nước ta vẫn tăng thêm hơn 1 triệu người). Đây chính là nguồn lao động dự trữ hùng hậu cho tương lai.

Câu 3:

Dựa vào Át lát địa lí Việt Nam trang 22

* Vẽ sơ đồ các ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta. (2,0đ)



Trình bày tình hình phát triển các ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta. (2,0đ)

Năm	2000	2005	2007
Dầu (triệu tấn)	16,3	18,5	15,9
Than (triệu tấn)	11,6	34,1	42,5
Điện (tỉ KW)	26,7	52,1	64,1

Nhận xét:

Sản lượng các ngành công nghiệp năng lượng đều tăng

- Dầu còn biến động (dẫn chứng)
- Than tăng (dẫn chứng)
- Điện tăng (dẫn chứng)

Tỉ trọng giá trị sản xuất các ngành công nghiệp năng lượng so với toàn ngành công nghiệp là 11,1% (2007)

Câu 4:

Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 26. (Nếu thiếu trừ 0,25 điểm)

a) Những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng đồng bằng sông Hồng: (4,0đ)

* Thuận lợi:

Điều kiện tự nhiên:

- Có vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế- xã hội với các vùng trong cả nước.
- Địa hình tương đối bằng phẳng.
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, có một mùa đông lạnh là điều kiện thuận lợi để đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính.
- Hệ thống sông ngòi dày đặc (lớn nhất là sông Hồng, sông Thái Bình) có lượng nước dồi dào quanh năm, thuận lợi cho tưới tiêu.
- Đất phù sa sông Hồng rất màu mỡ thích hợp cho thâm canh lúa nước.
- Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là cơ sở để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp năng lượng.
- Tài nguyên biển phong phú thuận lợi cho khai thác, nuôi trồng thủy sản.

Điều kiện dân cư- xã hội:

- Là vùng dân cư đông đúc nhất nước ta, nguồn lao động dồi dào, mật độ dân trí cao.
- Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.

- Một số đô thị được hình thành từ lâu đời (Thành phố Hà Nội, Hải Phòng).

* Khó khăn:

- Mùa đông khí hậu lạnh, ẩm, nấm mốc sâu bệnh dễ phát triển ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp.
- Mật độ dân số cao, kinh tế chuyển dịch chậm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.
- Diện tích đất phèn, đất lầy thụt lớn cần được cải tạo.
- Mùa lũ nước sông Hồng dâng cao gây ngập lụt, khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

b) Ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông- lâm kết hợp ở trung du và miền núi Bắc Bộ. (1,0đ)

- Tăng độ che phủ rừng. Hạn chế lũ quét, xói mòn đất.
- Cải thiện điều kiện sinh thủy cho các dòng sông, điều tiết nước cho các hồ thủy điện và thủy lợi.
- Là cơ sở nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất giấy.
- Góp phần sử dụng lao động nhân rỗi trong nông nghiệp, tăng thu nhập, cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc.

Câu 5: Vẽ biểu đồ (2,0đ)

Yêu cầu:

- Vẽ biểu đồ cột so sánh (bao gồm 6 cặp cột).
- Đảm bảo chính xác, khoa học, thẩm mỹ.
- Có đầy đủ tên biểu đồ, chú giải, ghi số liệu chính xác vào mỗi cột.
- Chia trục tung và trục hoành chính xác, ghi tên đơn vị phía trên bên trái trục tung.

Trừ điểm:

- Không đảm bảo các tiêu chí trên, mỗi tiêu chí trừ 0,25 điểm.
- Vẽ biểu đồ 2 đường: cho tối đa 01 điểm.
- Vẽ biểu đồ khác: không tính điểm.

Nhận xét: (2,0đ)

- Tổng diện tích cây công nghiệp nước ta tăng từ 1199,3 nghìn ha (1990) lên 2787,6 nghìn ha (2010), tăng gấp 2,3 lần.
- Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh (dẫn chứng số liệu, tăng gấp 3 lần).
- Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng chậm (dẫn chứng số liệu, tăng 1,5 lần), từ 2005 – 2010 diện tích giảm (dẫn chứng số liệu).
- Đến năm 2010, diện tích cây công nghiệp lâu năm đã gấp 2,5 lần diện tích cây công nghiệp hàng năm.

Giải thích: (1,0đ)

- Diện tích cây công nghiệp nước ta tăng lên nhanh, nhất là cây công nghiệp lâu năm gắn liền với sự ra đời của các vùng chuyên canh cây công nghiệp.
- Từ 2005 – 2010, diện tích cây công nghiệp hàng năm giảm do hiệu quả sản xuất cây công hàng năm thấp hơn cây công nghiệp lâu năm.

ĐỀ SỐ 16

Câu 1: (3 điểm)

a, Trên Trái đất có mấy đới khí hậu?

b, gió là gì? Trên trái đất có những loại gió nào? Hoạt động ra sao?

Câu 2: (3 điểm) Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy:

a. Trình bày đặc điểm chính của vùng biển Việt Nam.

b. Biển đã đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với đời sống và kinh tế của nhân dân ta?

Câu 3: (5 điểm)

Cho bảng số liệu: Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế (giai đoạn 1990 - 2007)

	1990	1993	1995	1999	2002	2005	2007
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100
Nông - Lâm - Ngư	38,7	29,9	27,2	25,4	23	21	20,3
Công nghiệp - XD	22,7	28,9	28,8	35,4	38,5	41	41,5
Dịch vụ	38,6	41,2	44,0	40,1	38,5	38	38,2

a, Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu GDP thời kì 1990 - 2007

b, Qua biểu đồ đó rút ra nhận xét? Sự thay đổi tỉ trọng của 3 nhóm ngành trên phản ánh điều gì?

Câu 4 (4 điểm)

a, Các trung tâm công nghiệp được xây dựng ở những vị trí như thế nào?

b, Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam, nêu các trung tâm công nghiệp lớn ở nước ta.

Câu 5 (5 điểm)

Một số chỉ tiêu phát triển dân cư - xã hội ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (Năm 1999)

Tiêu chí	Đơn vị tính	Đông Bắc	Tây Bắc	Cả nước
Mật độ dân số	người/km	136	63	233
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số	%	1,3	2,2	1,4
Tỉ lệ hộ nghèo	%	17,1	17,1	13,3
Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng	nghìn đồng	210	210	295
Tỉ lệ người biết chữ	%	89,3	73,3	90,5
Tuổi thọ trung bình	Năm	68,2	65,9	70,9
Tỉ lệ dân thành thị	%	17,3	12,9	23,6

Dựa vào bảng số liệu, kết hợp với Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy nhận xét sự chênh lệch về dân cư, xã hội của 2 tiểu vùng Đông Bắc, Tây Bắc và Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Đáp án

Câu 1:

a, Trên Trái đất có 5 đới khí hậu

- 1 đới nhiệt đới (0,5đ)
 - 2 đới ôn đới (0,5đ)
 - 2 đới hàn đới (0,5đ)
- b, Gió là sự chuyển động của không khí, từ nơi áp cao về nơi áp thấp
- Trên trái đất có gió tín phong thổi từ áp cao chí tuyến về áp thấp xích đạo (0,5đ)
 - Gió tây ôn đới thổi từ áp cao chí tuyến về áp thấp vòng cực (0,5đ)
 - Gió đông cực thổi từ áp cao cực về áp thấp vòng cực (0,5đ)

Câu 2:

- a, Vùng biển Việt - Nam là một phần của biển đông:
- Biển nóng quanh năm (vùng biển nhiệt đới) (0,5đ)
 - Chế độ hải văn theo mùa (0,5đ)
 - Thủy triều phức tạp và độc đáo (tạp triều, nhật triều) (0,5đ)
 - Tài nguyên phong phú, đa dạng (0,5đ)
 - Thiên nhiên dữ dội (0,5đ)
- b, Vùng biển nước ta rất giàu và đẹp nguồn lợi thật là phong phú, đa dạng, có giá trị to lớn về nhiều mặt: Kinh tế, quốc phòng, khoa học.... (0,5đ)
- Khó khăn: Về quốc phòng: bảo vệ chủ quyền biển - đảo (0,5đ)
- Những tai biến thiên nhiên như bão, nước dâng....

Câu 3:

- a, Vẽ biểu đồ miền, tỉ lệ chính xác có chú giải (2,0đ)
- b, Tỉ trọng nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp liên tục giảm từ 38,7% (1990) 20,3% (2007) chứng tỏ Việt Nam đang từng bước từ 1 nước nông nghiệp nước công nghiệp (1,0đ)
- Tỉ trọng nhóm ngành CN - XD tăng nhanh nhất: từ 22,7% (1990) 41,5% (2007) chứng tỏ quá trình công nghiệp hóa đã và đang đạt được những thành tựu nhất định. (1,0đ)
 - Tỉ trọng nhóm ngành dịch vụ tăng, nhưng chưa ổn định vì phụ thuộc vào tình hình chính trị các nước trong khu vực và trên thế giới. (1,0đ)

Câu 4:

- a, Các trung tâm công nghiệp được xây dựng ở những vị trí: (2,0đ)
- Gần nguồn nguyên, nhiên liệu
 - Nơi đông dân
 - Tiềm đường giao thông
 - Gần nguồn nước
- b, Khu vực đồng bằng sông hồng và vùng phụ cận: Hà Nội, Hải Phòng (2,0đ)
- Đà Nẵng
 - TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu

Câu 5:

- Các chỉ tiêu phát triển dân cư- xã hội của 2 tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc đều thấp hơn so với cả nước (2,0đ)
- Các chỉ tiêu phát triển dân cư - xã hội của tiểu vùng Đông Bắc cao hơn so với Tây Bắc: Do địa hình, khí hậu thuận lợi hơn trong sản xuất và sinh hoạt (3,0đ)

ĐỀ SỐ 17**Câu 1 (3,0 điểm)**

a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy cho biết:

- Việt Nam nằm ở đâu trên bản đồ Đông Nam Á?
- Trên đất liền, nước ta tiếp giáp với các nước nào?
- Tên các nước ven Biển Đông?

b) Nêu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất nông nghiệp nước ta.

Câu 2 (2,0 điểm)

Nhận xét sự thay đổi quy mô dân số thành thị và dân số nông thôn nước ta giai đoạn 1960-2007. Tại sao phần lớn dân cư nước ta sống ở nông thôn?

Câu 3 (5,0 điểm) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

- a) Nhận xét và giải thích về diện tích, sản lượng lúa ở nước ta.
 b) Kể tên các trung tâm công nghiệp dệt may của vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ. Tại sao các thành phố là những trung tâm dệt may lớn nhất nước ta?
 c) Cho biết cơ cấu các loại rừng, sự phân bố và ý nghĩa của từng loại rừng ở nước ta.

Câu 4 (5,0 điểm)

- a) Nêu sự khác biệt về địa hình, khí hậu và thế mạnh kinh tế giữa hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
 b) Vì sao khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc còn phát triển thủy điện là thế mạnh của tiểu vùng Tây Bắc?
 c) Nêu ý nghĩa của nhà máy thủy điện Hoà Bình.

Câu 5 (5,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1999-2010
(Đơn vị: triệu USD)

Năm	1999	2003	2007	2010
Giá trị xuất khẩu	11541,4	20149,3	48561,4	72236,7
Giá trị nhập khẩu	11742,1	25255,8	62764,7	84868,6
Tổng số	23283,5	45405,1	111326,1	157105,3

- a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 1999-2010.
 b) Từ biểu đồ đã vẽ, rút ra những nhận xét cần thiết.
 c) Từ bảng số liệu trên hãy tính cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 1999-2010. Tại sao trong những năm qua nước ta luôn trong tình trạng nhập siêu?

Đáp án**Câu 1:**

- a) Vị trí của Việt Nam trên bản đồ Đông Nam Á.
 Các nước tiếp giáp với nước ta trên đất liền.
 Tên các nước ven Biển Đông.

Việt Nam nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. (0,5đ)

Trên đất liền, Việt Nam tiếp giáp với các nước: Trung Quốc, Lào, Campuchia. (0,25đ)

Các nước ven Biển Đông: Trung Quốc, Philippin, Malaixia, Brunây, Indônêxia, Singapo, Thái Lan, Campuchia, Việt Nam. (0,5đ)

(Nếu thiếu 1 nước thì không cho điểm tối đa)

b) Ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất nông nghiệp nước ta.

Thuận lợi:

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi cho cây trồng vật nuôi phát triển quanh năm. Đó là cơ sở để phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới theo hướng sản xuất lớn, chuyên canh và đa canh. (0,5đ)
- Mùa đông lạnh cho phép phát triển cây trồng vụ đông ở Đồng bằng sông Hồng và cây trồng, vật nuôi cận nhiệt, ôn đới trên các vùng núi. (0,25đ)

Khó khăn:

- Nhiều thiên tai thường xuyên xảy ra (bão, lũ lụt, hạn hán, sương muối,...) gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp. (0,5đ)
- Khí hậu nóng ẩm tạo điều kiện cho sâu bệnh, dịch bệnh, nấm mốc phát triển gây hại cho cây trồng, vật nuôi. (0,5đ)

Câu 2:

Nhận xét sự thay đổi quy mô dân số thành thị và dân số nông thôn nước ta giai đoạn 1960 - 2007:

- Giai đoạn 1960 - 2007, dân số thành thị và dân số nông thôn nước ta đều tăng. (0,25đ)

Dân số thành thị tăng từ 4,73 triệu người (1960) lên 23,37 triệu người (2007), tăng gấp 4,9 lần. (0,25đ)

Dân số nông thôn tăng từ 25,44 triệu người (1960) lên 61,80 triệu người (2007), tăng gấp 2,4 lần. (0,25đ)

- Tốc độ tăng dân số thành thị nhanh hơn tốc độ tăng dân số nông thôn. (0,25đ)

Giải thích phần lớn dân cư nước ta sống ở nông thôn:

- Trình độ phát triển kinh tế của nước ta thấp, nền kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ yếu. (0,25đ)
- Nước ta mới ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa tương ứng là giai đoạn đầu của quá trình đô thị hóa, trình độ đô thị hóa chưa cao, phần lớn các đô thị thuộc loại vừa và nhỏ. (0,5đ)
- Chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh kéo dài. (0,25đ)

Câu 3:

a) Nhận xét và giải thích về diện tích, sản lượng lúa ở nước ta.

Nhận xét: Giai đoạn 2000 - 2007:

- Diện tích lúa giảm (giảm 459 nghìn ha) (0,25đ)
- Sản lượng lúa tăng (tăng 3421 nghìn tấn) (0,25đ)

Giải thích:

- Diện tích lúa giảm chủ yếu do kết quả của quá trình công nghiệp hoá- đô thị hoá (đất nông nghiệp chuyển sang đất chuyên dùng, thổ cư) và do chuyển một phần diện tích đất trồng lúa sang trồng các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn (cây công nghiệp ngắn ngày, rau đậu,...). (0,5đ)
- Sản lượng lúa tăng chủ yếu do tăng năng suất (áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật: giống mới năng suất cao, phân bón, thủy lợi,...). (0,5đ)

b) Tên các trung tâm công nghiệp dệt may của vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ. Giải thích các thành phố là những trung tâm dệt may lớn nhất nước ta.

Tên các trung tâm công nghiệp:

- Đồng bằng sông Hồng: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định. (0,25đ)
- Đông Nam Bộ: Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một. (0,25đ)

Giải thích các thành phố là những trung tâm dệt may lớn nhất nước ta:

- Có nguồn lao động tại chỗ dồi dào và là nơi thu hút nhiều lao động từ các nơi khác đến, đặc biệt là lao động nữ. (0,25đ)
- Có thị trường tiêu thụ tại chỗ rộng lớn. (0,25đ)
- Có cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng (giao thông vận tải, thông tin liên lạc,...) phát triển. (0,25đ)
- Các nguyên nhân khác: truyền thống phát triển công nghiệp dệt may, mạng lưới phân phối sản phẩm phát triển,... (0,25đ)

c) Cơ cấu các loại rừng, sự phân bố và ý nghĩa của từng loại rừng ở nước ta.

Cơ cấu các loại rừng:

Gồm ba loại: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. (0,25đ)

Sự phân bố và ý nghĩa của từng loại rừng: (0,25đ)

Rừng sản xuất:

- Phân bố chủ yếu ở vùng núi trung bình và núi thấp. (0,25đ)
- Ý nghĩa: Cung cấp gỗ và các lâm sản cho công nghiệp chế biến, cho dân dụng, cho xuất khẩu. Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân. (0,5đ)

Rừng phòng hộ:

- Phân bố ở các khu vực núi cao (đầu nguồn các con sông) và ven biển (rừng chắn cát, rừng ngập mặn). (0,25đ)
- Ý nghĩa: Phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và giữ cân bằng sinh thái. (0,25đ)

Rừng đặc dụng:

- Phân bố: Đó là các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển. (0,25đ)
- Ý nghĩa: Duy trì và bảo vệ các nguồn gen, các loài động thực vật quý hiếm, các hệ sinh thái. (0,25đ)

Câu 4:

a) Sự khác biệt về địa hình, khí hậu và thế mạnh kinh tế giữa hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc:

Đông Bắc:

Địa hình: núi trung bình và núi thấp, chủ yếu các dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều). (0,25đ)

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh nhất nước. (0,25đ)

Thế mạnh kinh tế:

- Khai thác và chế biến khoáng sản. (0,25đ)
- Phát triển nhiệt điện (nhiệt điện Uông Bí, Na Dương,...). (0,25đ)
- Trồng rừng, trồng cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới. (0,25đ)
- Du lịch sinh thái: Sa Pa, hồ Ba Bể,... (0,25đ)
- Kinh tế biển: nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, du lịch biển - đảo (vịnh Hạ Long,...), giao thông vận tải biển. (0,25đ)

Tây Bắc:

Địa hình: núi cao (dãy Hoàng Liên Sơn cao nhất nước), địa hình hiểm trở, các dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam. (0,25đ)

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông ít lạnh hơn Đông Bắc. (0,25đ)

Thế mạnh kinh tế:

- Phát triển thủy điện (thủy điện Hoà Bình, thủy điện Sơn La). (0,25đ)
- Trồng rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm. (0,25đ)
- Chăn nuôi gia súc lớn (cao nguyên Mộc Châu). (0,25đ)

b) Giải thích khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc, phát triển thủy điện là thế mạnh của tiểu vùng Tây Bắc:

Khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc vì:

- Có tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng. (0,25đ)
- Các loại khoáng sản như: than đá, sắt, chì - kẽm, đồng - vàng, man gan, thiếc và bôxít, apatít, pirít, đá vôi,... (0,25đ)

Phát triển thủy điện là thế mạnh của tiểu vùng Tây Bắc, vì:

- Có địa hình cao, sông ngòi có độ dốc lớn, có sức nước mạnh tạo nguồn thủy năng dồi dào. (0,25đ)
- Địa hình bị chia cắt mạnh tạo các thung lũng, dãy núi cao,... thuận lợi để xây dựng hồ chứa nước phát triển thủy điện. (0,25đ)

c) Ý nghĩa của nhà máy thủy điện Hoà Bình:

- Cung cấp điện cho đời sống và sản xuất. (0,25đ)
- Hồ thủy điện Hoà Bình: Điều tiết nước hạn chế lũ, cung cấp nước tưới trong mùa khô, đặc biệt cho vùng Đồng bằng sông Hồng; phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản. (0,5đ)
- Tạo việc làm, nâng cao đời sống người dân. (0,25đ)

Câu 5:

a) Vẽ biểu đồ:

* Xử lý số liệu:

Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 1999 - 2010 (1,0đ) (Đơn vị: %)

Năm	1999	2003	2007	2010
Giá trị xuất	49,6	44,4	43,6	46,0

khẩu				
Giá trị nhập khẩu	50,4	55,6	56,4	54,0
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0

* Vẽ biểu đồ: (1,5đ)

Yêu cầu:

- Vẽ biểu đồ miền, các dạng biểu đồ khác không cho điểm.
- Chính xác, ghi đầy đủ số liệu, có chú giải, tên biểu đồ.

(Sai mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm)

b) Nhận xét: Giai đoạn 1999 - 2010:

Tỉ trọng giá trị nhập khẩu luôn lớn hơn tỉ trọng giá trị xuất khẩu. (0,25đ)

Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu có sự thay đổi, hướng chung là: (0,5đ)

- Giảm tỉ trọng giá trị xuất khẩu (dẫn chứng);
- Tăng tỉ trọng giá trị nhập khẩu (dẫn chứng).

Sự thay đổi cơ cấu khác nhau theo thời gian: (0,5đ)

- Từ 1999 - 2007, tỉ trọng giá trị xuất khẩu giảm, tỉ trọng giá trị nhập khẩu tăng.
- Từ 2007 - 2010, tỉ trọng giá trị xuất khẩu tăng, tỉ trọng giá trị nhập khẩu giảm.

c) Tính cán cân xuất nhập khẩu.

Giải thích trong những năm qua nước ta luôn trong tình trạng nhập siêu.

Tính cán cân xuất nhập khẩu: (0,75đ)

Cán cân xuất nhập khẩu của nước ta giai đoạn 1999 – 2010 (Đơn vị: triệu USD)

Năm	1999	2003	2007	2010
Cán cân xuất nhập khẩu	- 200,7	- 5106,5	- 14203,3	- 12631,9

Giải thích trong những năm qua nước ta luôn trong tình trạng nhập siêu: (0,5đ)

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang diễn ra ở nước ta đòi hỏi phải nhập khẩu với số lượng lớn tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên, vật liệu).

ĐỀ SỐ 18

Câu 1: (3,0 điểm)

Vẽ hình vị trí của Trái Đất trên quỹ đạo quanh Mặt Trời vào các ngày 22 - 6 (hạ chí), 22-12 (đông chí) và giải thích vì sao ngày 22 - 6 tại vòng cực Bắc và ngày 22 -12 tại vòng cực Nam lại có ngày hoặc đêm dài 24 giờ.

Câu 2: (2,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau, hãy nhận xét và giải thích về sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam của nước ta.

Địa điểm	Lạng Sơn	Hà Nội	Huế	Đà Nẵng	Tp. HCM
Nhiệt độ trung bình năm (°C)	21,2	23,5	25,1	25,7	27,1

Câu 3: (6,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau:

Dân số và diện tích năm 2006 phân theo vùng.

	Dân số (nghìn người)	Diện tích (km²)
Cả nước	84155,8	331211,6
Đồng bằng sông Hồng	18207,9	14862,5
Trung du và miền núi phía Bắc	12065,4	101559,0
Bắc Trung Bộ	10668,3	51552,0
Duyên hải Nam Trung Bộ	7131,4	33166,1
Tây Nguyên	4868,8	54659,6
Đông Nam Bộ	13798,4	34807,7
Đồng bằng sông Cửu Long	17415,5	40604,7

Hãy chứng minh rằng dân số nước ta phân bố không đều theo lãnh thổ; Giải thích vì sao phân bố như thế. Sự phân bố không đều có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng như thế nào? Giải pháp khắc phục?

Câu 4: (3,0 điểm)

Kể tên các vùng trọng điểm của ngành trồng trọt ở nước ta ? Vì sao các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp lại tập trung chủ yếu ở miền Nam ?

Câu 5: (6,0 điểm) Phạm vi lãnh thổ của một nước thường bao gồm những bộ phận nào? Trình bày khái quát phạm vi lãnh thổ nước ta.

Đáp án đề thi chọn học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9**Câu 1:**

Vẽ hình đúng, đẹp như hình 24 trang 28 SGK Địa lí lớp 6 (Trừ điểm nếu vẽ không đúng hoặc không ghi đủ đường xích đạo, các chí tuyến, các vòng cực, các cực, đường phân chia sáng tối - mỗi ý thiếu hoặc sai trừ 0,25 điểm) (1,5đ)

Giải thích

- Trái Đất hình cầu, trục Trái Đất luôn nghiêng trên mặt phẳng quỹ đạo một góc không đổi $66^{\circ}33'$ trong quá trình chuyển động xung quanh Mặt Trời. (0,5đ)
- Ngày 22-6 tia sáng Mặt Trời chiếu vuông góc tại vĩ tuyến $23^{\circ}27'N$ vào lúc 12 giờ trưa. Vòng cực Bắc hoàn toàn nằm trước đường phân chia sáng tối nên có hiện tượng ngày dài 24 giờ, không có đêm. Trong khi đó, vòng cực Nam hoàn toàn nằm sau đường phân chia sáng tối nên có hiện tượng đêm dài 24 giờ, không có ngày. (0,5đ)
- Ngày 22-12 tia sáng Mặt Trời chiếu vuông góc tại vĩ tuyến $23^{\circ}27'S$ vào lúc 12 giờ trưa. Vòng cực Bắc hoàn toàn nằm sau đường phân chia sáng tối nên có hiện tượng đêm dài 24 giờ. Trong khi đó, vòng cực Nam hoàn toàn nằm trước đường phân chia sáng tối nên có hiện tượng ngày dài 24 giờ. (0,5đ)

Câu 2:

Nhận xét và giải thích sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam:

- Nhận xét: Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam (dẫn chứng) hoặc HS có thể nêu ngược lại (0,5đ)
- Giải thích nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam

Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo nhiều vĩ độ (theo chiều Bắc - Nam). (0,5đ)

Càng vào Nam, càng gần xích đạo nên có góc chiếu của tia sáng Mặt Trời lớn, nên nhận được lượng nhiệt Mặt Trời nhiều (0,5đ)

Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng vào Nam càng yếu dần và từ dãy Bạch Mã vào Nam ít chịu ảnh hưởng của gió này. (0,5đ)

Câu 3:

Từ bảng số liệu ta tính mật độ dân số của các vùng theo công thức: (0,75đ)

Mật độ dân số = Dân số : Diện tích

	Mật độ dân số (người/km ²)
Cả nước	254
Đồng bằng sông Hồng	1225
Trung du và miền núi phía Bắc	119
Bắc Trung Bộ	207
Duyên hải Nam Trung Bộ	215
Tây Nguyên	89
Đông Nam Bộ	396
Đồng bằng sông Cửu Long	429

Qua bảng số liệu ta thấy: Dân số nước ta phân bố rất không đều

- Tập trung đông đúc ở Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long; Mật độ dân số ở Đồng bằng sông Hồng đông hơn vùng Tây Nguyên gần 14 lần
- Phân bố thưa thớt ở vùng núi, thấp nhất là vùng Tây Nguyên, tiếp đến là vùng Trung du và miền núi phía Bắc;

Giải thích: Sở dĩ có sự phân bố không đều là do:

- Tập quán trồng lúa nước, cần nhiều lao động của cư dân Việt nên dân cư tập trung ở đồng bằng.
- Do vùng duyên hải, ven biển, đồng bằng giao thông thuận lợi, thiên nhiên thuận lợi, công nghiệp phát triển nên tập trung nhiều lao động. Do đó dân cư đông đúc.
- Vùng núi chủ yếu là dân tộc ít người, địa hình hiểm trở, giao thông không thuận lợi dân cư thưa thớt.

Dân cư phân bố không đều có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng:

- Diện tích đất canh tác bình quân theo đầu người ở các vùng đồng bằng ngày càng giảm gây khó khăn cho việc nâng cao sản lượng lương thực thực phẩm.
- Ở miền núi và cao nguyên thiếu nhân lực để khai thác tài nguyên.

- Ảnh hưởng đến các vùng an ninh biên giới vì phần lớn đường biên giới đất liền ở nước ta thuộc các tỉnh miền núi và cao nguyên.

Giải pháp khắc phục:

Phân bố lại dân cư lao động giữa các vùng cho hợp lí bằng cách:

- Chuyển một bộ phận dân cư lao động từ đồng bằng lên miền núi, cao nguyên nhất là những người chưa có việc làm để xây dựng vùng kinh tế mới.
- Miền núi và cao nguyên phải tăng cường khảo sát qui hoạch trên cơ sở đầu tư xây dựng các cơ sở công nghiệp, nông nghiệp theo hướng chuyên môn hoá.
- Phát triển, mở rộng mạng lưới giao thông, giáo dục, y tế, văn hoá miền núi, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển các ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm được sản xuất ở miền núi nhằm thu hút dân cư, lao động.

Giảm sự gia tăng dân số bằng kế hoạch hoá gia đình.

Câu 4:

Các vùng trọng điểm của ngành trồng trọt trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta: (1,0đ)

- Trọng điểm cây lương thực: Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long
- Trọng điểm cây công nghiệp: Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
- Trọng điểm cây ăn quả: Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Giải thích: Vì miền Nam có các điều kiện sau: (2,0đ)

- Khí hậu cận xích đạo, ổn định, nóng ẩm quanh năm thuận lợi cho cây trồng phát triển thuận lợi.
- Tài nguyên đất có diện tích đất đỏ ba dan rộng lớn ở Tây nguyên, Đông Nam Bộ thuận lợi cho trồng cây công nghiệp; đất phù sa ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích lớn kết hợp với khí hậu ổn định thuận lợi cho cây lương thực và cây ăn quả phát triển mạnh, năng suất chất lượng cao.

Câu 5:

Phạm vi lãnh thổ của một nước thường bao gồm vùng đất, vùng biển (nếu giáp biển) và vùng trời. (1,0đ)

Phạm vi lãnh thổ nước ta bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. Cụ thể:

Vùng đất của nước ta là toàn bộ phần đất liền và các hải đảo với tổng diện tích là 331 212 km². Phần đất liền được giới hạn bởi đường biên giới với các nước xung quanh (hơn 4 500 km) và đường bờ biển (dài 3 260 km). Nước ta có khoảng 3 000 hòn đảo lớn nhỏ, phần lớn là các đảo nhỏ ven bờ và có hai quần đảo ở ngoài khơi xa trên Biển Đông là quần đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hoà). (0,5đ)

Vùng biển của nước ta bao gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa. (1,0đ)

- Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở. (0,5đ)
- Lãnh hải là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. Lãnh hải Việt Nam có chiều rộng 12 hải lí (1 hải lí = 1 852 m).
- Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển. Vùng tiếp giáp lãnh hải của nước ta rộng 12 hải lí.

Trong vùng này, Nhà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường, nhập cư,... (0,5đ)

- Vùng đặc quyền kinh tế là vùng Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng vẫn để các nước khác đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do về hàng hải và hàng không như công ước quốc tế quy định. Vùng đặc quyền kinh tế của nước ta có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở. (0,5đ)

- Thềm lục địa nước ta là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu 200 m hoặc hơn nữa. Nhà nước ta có quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý các tài nguyên thiên nhiên ở thềm lục địa Việt Nam. (0,5đ)

Vùng trời nước ta là khoảng không gian không giới hạn độ cao bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta; trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo. (1,0đ)

ĐỀ SỐ 19

Câu 1 (2,0 điểm)

Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm? Sự thay đổi mùa có tác động như thế nào đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người?

Câu 2 (4 điểm):

Hãy nêu những đặc điểm nổi bật của vị trí địa lý nước ta? Ý nghĩa của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta?

Câu 3 (3 điểm)

- Vì sao nước ta phải thực hiện chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng?
- Nêu ý nghĩa của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta? Địa phương em có những giải pháp cụ thể nào để giảm tỉ lệ tăng dân số?

Câu 4 (3 điểm)

- Trình bày về vai trò, tình hình sản xuất và phân bố cây lương thực chính ở nước ta?
- Chứng minh công nghiệp nước ta có cơ cấu ngành đa dạng. Kể tên một số ngành công nghiệp chủ yếu của vùng đồng bằng Sông Hồng?

Câu 5 (4,0 điểm):

Phân tích ý nghĩa của việc phát huy các thế mạnh về kinh tế ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

Câu 6 (4 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Diện tích và sản lượng lương thực có hạt của nước ta qua một số năm

Năm	1995	2000	2003	2005	2007
Diện tích (nghìn ha)	7324	8399	8367	8383	8270
Sản lượng (nghìn tấn)	26143	34539	37707	39622	39977
Trong đó: lúa	24964	32530	34569	35833	35868

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2008, NXB Thống kê, 2009, trang 232.

- a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động về diện tích và sản lượng lương thực của nước ta theo bảng số liệu trên.
- b. Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ và giải thích tình hình sản xuất lương thực ở nước ta trong giai đoạn 1995 – 2007.

Đáp án

Câu 1 (2,0 điểm) Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm? Sự thay đổi mùa có tác động như thế nào đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người?

- Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm

Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng khi chuyển động trên quỹ đạo, nên trong khi chuyển động, các bán cầu Bắc và Nam lần lượt hướng về phía Mặt Trời. Từ đó, thời gian chiếu sáng và sự thu nhận lượng bức xạ Mặt Trời ở mỗi bán cầu đều có sự thay đổi luân phiên trong năm, gây nên những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu trong từng thời kỳ của năm, tạo nên các mùa.

- Sự thay đổi mùa có tác động đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người

Làm cho cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo từng mùa.

Sản xuất theo thời vụ.

Sự thay đổi của thời tiết và khí hậu ảnh hưởng đến sinh hoạt, sản xuất và sức khỏe con người.

Câu 2 (4 điểm):

- Đặc điểm nổi bật của vị trí địa lý

Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa

Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á

Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.

Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.

Nằm trong khu vực đang diễn ra các hoạt động kinh tế sôi động của thế giới

- Ý nghĩa

Thuận lợi:

Trong vùng nhiệt đới gió mùa được biển Đông cung cấp hơi ẩm làm cho thiên nhiên nóng ẩm khác hẳn với các nước khác cùng vĩ độ. Tính chất này thể hiện ở tất cả các thành phố tự nhiên: khí hậu, đất... Gió mùa làm cho miền Bắc có mùa đông lạnh, bên cạnh các loài cây nhiệt đới còn có các loại cây cận nhiệt ôn đới.

Ở nơi gặp gỡ các cửa luồng sinh vật làm cho thiên nhiên Việt Nam thêm phong phú, đa dạng.

Do vị trí trung tâm Đông nam Á, Việt Nam dễ dàng quan hệ kinh tế với nhiều nước trên thế giới bằng nhiều loại đường: thủy, hàng không...

Vùng biển giàu tiềm năng cho phép phát triển nhiều ngành kinh tế biển.

Nằm trong khu vực phát triển năng động, Việt Nam có điều kiện thuận lợi trong việc học tập kinh nghiệm phát triển kinh tế, thu hút vốn đầu tư, công nghệ tiên tiến, hội nhập kinh tế thế giới và khu vực.

Khó khăn:

Nằm trong vùng có nhiều thiên tai ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.
Biên giới đất liền và biển kéo dài, khó khăn cho an ninh, quốc phòng.

Câu 3 (3,0 điểm)

- Vì sao nước ta phải thực hiện chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng?

Dân phân bố không đều và chưa hợp lý giữa các vùng

Vùng đồng bằng, ven biển và các đô thị có mật độ dân số rất cao (d/c)

Mật độ dân cao nhất là đồng bằng sông Hồng (d/c)

Vùng núi, cao nguyên mật độ dân thấp. (d/c)

Mật độ dân số Tây Nguyên, Tây Bắc là thấp nhất (dẫn chứng)

Ngay tại đồng bằng hoặc miền núi mật độ dân cũng khác nhau (d/c)

Phân bố dân có sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn (d/c)

Có sự mất cân đối giữa tài nguyên và lao động

Ở đồng bằng đất chật, người đông tài nguyên bị khai thác quá mức, sức ép dân số lớn.

Ở miền núi đất rộng, người thưa tài nguyên bị lãng phí, thiếu lao động

- Nêu ý nghĩa của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta?

Giảm sức ép dân số đối với chất lượng cuộc sống (d/c)

Giảm sức ép dân số đối với phát triển kinh tế, xã hội (d/c)

Giảm sức ép dân số đối với tài nguyên, môi trường (d/c)

- Giải pháp ở địa phương

Tuyên truyền, vận động thực hiện KHHGD đến mọi người dân trong hợp dân phố, phụ nữ, thanh niên hoặc loa truyền thanh ...

Dán panô, apphích có nội dung dân số như "Dừng ở 2 con để nuôi dạy cho tốt" hay "Gái hay trai chỉ 2 là đủ"

Câu 4 (3,0 điểm)

* Trình bày về vai trò, tình hình sản xuất và phân bố cây lương thực chính ở nước ta?

- Cây lương thực chính ở nước ta là cây lúa
- Vai trò: Cung cấp lương thực, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, tạo việc làm, vv.. .
- Tình hình sản xuất và phân bố

Lúa gạo là cây lương thực chính, áp dụng nhiều các tiến bộ kĩ thuật nên cơ cấu mùa vụ thay đổi, trình độ thâm canh nâng cao ...

Diện tích dao động (d/c), sản lượng tăng (d/c), năng suất tăng (d/c)

Bình quân sản lượng lúa đầu người tăng liên tục (d/c)

Phân bố chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

* Chứng minh công nghiệp nước ta có cơ cấu ngành đa dạng. Kể tên một số ngành công nghiệp chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Hồng?

* Chứng minh công nghiệp nước ta có cơ cấu ngành đa dạng.

- Cơ cấu CN theo ngành: Đa dạng có đầy đủ các ngành CN thuộc các lĩnh vực, chia 3 nhóm chính (d/c)
- Trong cơ cấu ngành CN hiện nay một số ngành CN trọng điểm đã được hình thành (d/c)

* Kể tên một số ngành công nghiệp chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Hồng:

- CN Vật liệu xây dựng
- CN nhẹ phát triển: giấy da, may mặc....
- CN Chế biến lương thực, thực phẩm
- CN chế biến lâm sản và sản xuất giấy, vv...

Câu 5 (4,0 điểm) Phân tích ý nghĩa của việc phát huy các thế mạnh về kinh tế ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

- Ý nghĩa về kinh tế:

Tăng thêm nguồn lực phát triển của vùng và của cả nước, tạo ra động lực mới cho sự phát triển các ngành khai thác, chế biến khoáng sản.

Nâng cao vị thế của vùng tạo ra cơ cấu kinh tế ngày càng hoàn thiện hơn.

Khai thác hiệu quả các thế mạnh về: Chế biến khoáng sản, thủy điện, chăn nuôi gia súc, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu.

Tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cho phép phát triển nông nghiệp hành hóa hiệu quả cao.

- Về xã hội:

Đây là vùng tập trung các dân tộc ít người, mức sống thấp, kinh tế khó khăn. Việc phát triển kinh tế sẽ tạo ra việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho người dân để từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Từ đó từng bước xóa dần sự chênh lệch về mức sống giữa người dân miền núi với đồng bằng.

Góp phần hạn chế hạn chế nạn du canh, du cư trong vùng.

- Về chính trị:

Củng cố tình đoàn kết giữa các dân tộc.

Đây là vùng căn cứ địa cách mạng với nhiều di tích lịch sử, nên việc phát triển kinh tế còn mang ý nghĩa đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn và thể hiện sự quan tâm của Đảng và nhà nước.

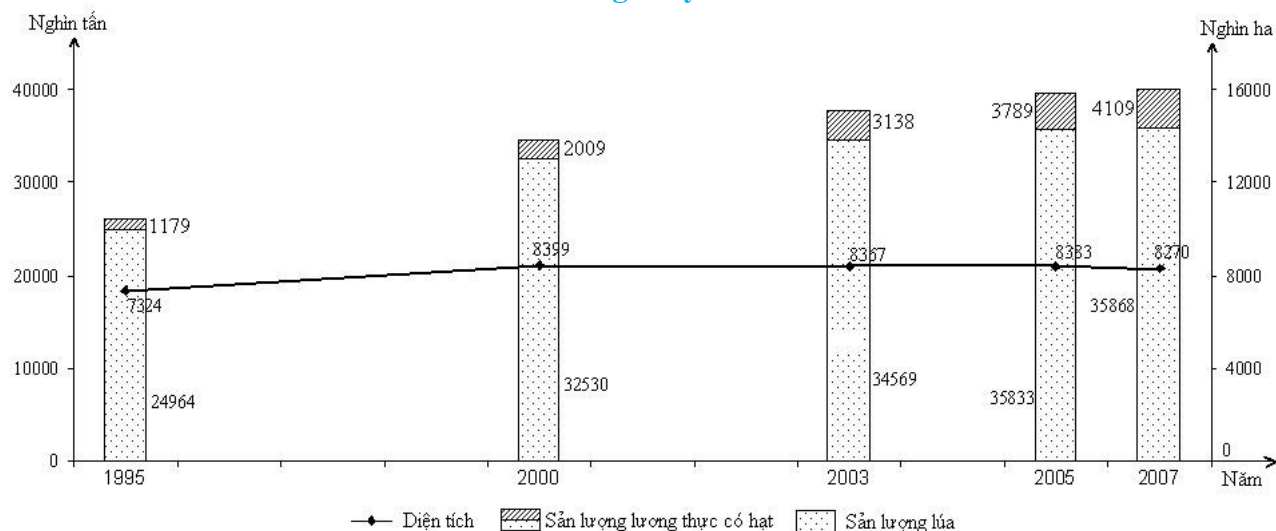
- Về quốc phòng: Góp phần bảo vệ và giữ vững an ninh biên giới.

Câu 6 (4,0 điểm)

a. Vẽ biểu đồ

- Biểu đồ kết hợp cột chồng và đường là thích hợp nhất:

Biểu đồ diện tích và sản lượng lương thực có hạt của nước ta



(Trường hợp: thiếu tên biểu đồ, chú giải, chỉ tiêu, số liệu tuyệt đối..., mỗi ý trừ 0,25 điểm. Vẽ biểu đồ dạng khác, vẽ sai không tính điểm).

b. Nhận xét từ biểu đồ đã vẽ và giải thích tình hình sản xuất lương thực ở nước ta trong giai đoạn 1995 – 2007.

- Nhận xét:

Diện tích và sản lượng lương thực đều có xu hướng tăng (diện tích tăng 496 nghìn ha, sản lượng tăng 13834 nghìn tấn).

Diện tích tăng chậm (1,1 lần), không ổn định, còn sản lượng tăng nhanh hơn (1,5 lần) và liên tục.

Sản lượng và cơ cấu lúa từ năm 1993 - 2005 tăng nhanh, từ năm 2005 - 2007 tăng chậm.

- Giải thích:

Diện tích, sản lượng có xu hướng tăng do khai hoang, thâm canh, tăng vụ chuyển đổi mục đích sử dụng.

Sản lượng tăng nhanh chủ yếu do tăng năng suất và chuyển đổi cơ cấu mùa vụ (tăng diện tích lúa đông xuân và hè thu, giảm diện tích vụ lúa mùa).

ĐỀ SỐ 20

Câu 1: (3 điểm)

a. Ngày chuyển tiếp giữa mùa nóng và mùa lạnh của Trái Đất là ngày nào? Vì sao? (1 điểm)

b. Trái Đất có mấy chuyển động? Vì sao có hiện tượng các mùa nóng, lạnh khác nhau trên trái đất? (2 điểm)

Câu 2: (3 điểm)

Chứng minh sông ngòi nước ta phản ánh cấu trúc địa hình và nhịp điệu mùa của khí hậu?

Câu 3: (4 điểm)

Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 15 (Nhà xuất bản Giáo dục năm 2010) và những kiến thức đã học hãy:

a. Trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta? Giải thích nguyên nhân làm cho đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước?

b. Vì sao phải phân bố lại dân cư trong cả nước?

Câu 4: (5 điểm)

Cho bảng số liệu sau: Diện tích, năng suất và sản lượng lúa cả năm ở nước ta

Năm	1985	1990	1995	2000	2002	2005
Diện tích (nghìn ha)	5704	6043	6765	7666	7504	7329
Sản lượng (nghìn tấn)	15874	19225	24964	32529	34400	35833
Năng suất (tạ/ha)	27,8	31,8	36,9	42,4	45,8	48,9

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng về diện tích, sản lượng, năng suất lúa cả năm ở nước ta trong thời kỳ 1985 – 2005.

b. Nhận xét và giải thích sự tăng trưởng đó?

Câu 5 (5 điểm)

Nhờ điều kiện thuận lợi gì mà cây chè ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ chiếm tỷ trọng lớn về diện tích và sản lượng so với cả nước?

Đáp án

Câu 1 (3 điểm)

a) Ngày chuyển tiếp giữa mùa nóng và mùa lạnh của Trái Đất là ngày:

- Ngày 21/3 – Xuân phân, ngày 23/9- Thu phân (0.5 điểm)
- Hai nửa cầu đều hướng về phía mặt trời và đều nhận được lượng nhiệt, ánh sáng như nhau (0.5 điểm)

b) Trái Đất có mấy chuyển động? Vì sao có hiện tượng các mùa nóng, lạnh khác nhau trên trái đất? (2 điểm)

- Trái đất có hai chuyển động: Chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động trên quỹ đạo quanh Mặt Trời (1 điểm)
- Khi chuyển động trên quỹ đạo trục Trái Đất có độ nghiêng không đổi và hướng về một phía nên hai nửa cầu Bắc và Nam luân phiên nhau ngả về phía mặt trời sinh ra các mùa (1 điểm)

Câu 2 (3 điểm)

- Mạng lưới sông ngòi phản ánh cấu trúc địa hình:

Địa hình $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi nên sông ngòi nước ta mang đặc điểm của sông ngòi miền núi: ngắn, dốc, nhiều thác ghềnh, lòng sông hẹp nước chảy xiết. Ở đồng bằng lòng sông mở rộng nước chảy êm đềm. (0,5 điểm)

Hướng nghiêng địa hình cao ở Tây Bắc thấp dần về Đông Nam nên sông ngòi nước ta chủ yếu chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam: sông Đà, sông Hồng, sông Mã, sông Tiền, sông Hậu... Ngoài ra địa hình nước ta có hướng vòng cung nên sông ngòi nước ta còn chảy theo hướng vòng cung: sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam... (0,5 điểm)

Ở miền Trung do địa hình cao ở phía Tây thấp dần về phía Tây nên sông ngòi chảy theo hướng Tây- Đông: sông Bến Hải, sông Thu Bồn... (0,25 điểm)

Địa hình nước ta bị chia cắt phức tạp, độ dốc lớn vì vậy tốc độ bào mòn nhanh làm cho sông ngòi nước ta bị chia cắt phức tạp, hàm lượng phù sa lớn. (0,25 điểm)

- Mạng lưới sông ngòi phản ánh nhịp điệu mùa của khí hậu:

Do mưa nhiều, mưa rào tập trung vào một thời gian ngắn làm xói mòn địa hình, tạo ra nhiều sông ngòi. (0,25 điểm)

Khí hậu chia làm hai mùa: mùa mưa và mùa khô, tuy mùa mưa dài ngắn khác nhau, có sự chênh lệch giữa miền này và miền khác, song mọi nơi đều có mùa lũ và mùa cạn tương phản rõ rệt. Mùa mưa nước sông lớn chiếm 7880% lượng nước cả năm, mùa khô nước cạn chiếm 222% lượng nước cả năm. (0,25 điểm)

Thời gian mùa mưa giữa các miền trong cả nước có sự khác nhau, vì vậy mùa lũ trên các sông cũng có sự khác biệt. Ở miền Bắc lũ tới sớm từ tháng 6,7,8; miền Trung mưa vào cuối thu đầu đông nên mùa lũ đến muộn tháng 10,11,12; miền Nam lũ vào tháng 9, 10. (0,5 điểm)

Ở miền Bắc chế độ mưa thất thường, mùa hè mưa nhiều, mùa đông mưa ít nên chế độ nước sông thất thường. Ở miền Nam khí hậu cận xích đạo nên chế độ nước sông khá điều hòa. (0,5 điểm)

Câu 3: (4 điểm)

a. Đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta:

- Dân cư nước ta phân bố không đều (1,đ)

Dân cư tập trung đông đúc ở các đồng bằng, ven biển và các đô thị. Dân cư thưa thớt ở các vùng núi và cao nguyên (có dẫn chứng cụ thể).

Phân bố dân cư không đều giữa thành thị và nông thôn: Dân cư tập trung chủ yếu ở nông thôn: 74%, thành thị: 26% (2003).

Không đều ngay trong một vùng (dẫn chứng)

- Nguyên nhân làm cho đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước: (1,5đ)

Ngành nông nghiệp thâm canh lúa nước cần nhiều lao động.

Có nhiều trung tâm công nghiệp.

Tập trung nhiều trung tâm khoa học, kỹ thuật, các trường đại học, các trung tâm văn hóa...

Có lịch sử khai thác lâu đời.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi, kinh tế phát triển

b. Phải phân bố lại dân cư trên cả nước vì: (1,5đ)

- Dân cư phân bố không đều dẫn đến ở đồng bằng đất chật, người đông, thừa lao động, thiếu việc làm... gây sức ép cho xã hội.
- Trong khi ở miền núi và cao nguyên giàu tài nguyên lại thiếu lao động. Do đó phân bố lại dân cư.

Câu 4: (5 điểm)

a. Vẽ biểu đồ

* Lập bảng số liệu về gia tăng diện tích, sản lượng, năng suất lúa cả năm (lấy năm 1985 = 100%) (1đ)

Đơn vị: %

Năm	1985	1990	1995	2000	2002	2005
Diện tích (nghìn ha)	5704	6043	6765	7666	7504	7329
Sản lượng (nghìn)	15874	19225	24964	32529	34400	35833

tấn)						
Năng suất (tạ/ha)	27,8	31,8	36,9	42,4	45,8	48,9

* Vẽ biểu đồ đường (1,5đ)

- Vẽ 3 đường thể hiện sự gia tăng diện tích, sản lượng và năng suất lúa cả năm trong thời gian 1985 – 2005.
- Đảm bảo chính xác, có tên và ký hiệu rõ ràng.

b. Nhận xét

- Diện tích gieo trồng lúa có sự thay đổi

Giai đoạn 1985 – 2000 có xu hướng tăng (d/c) (0,25đ)

Giai đoạn 2000 – 2005 có xu hướng giảm (d/c) (0,25đ)

- Nguyên nhân:

Diện tích gieo trồng lúa tăng là do khai hoang, phục hoá mở rộng diện tích đất canh tác và do tăng vụ mở rộng diện tích gieo trồng... (0,25đ)

Diện tích gieo trồng lúa giảm là do sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quá trình công nghiệp hoá. (0,25đ)

- Năng suất lúa tăng mạnh (0,75đ)

Nguyên nhân: là kết quả áp dụng các biện pháp thâm canh (thuỷ lợi, phân bón...) trong đó nổi bật là việc đưa vào các giống mới và thay đổi cơ cấu mùa vụ.

- Sản lượng lúa cũng tăng nhanh, đặc biệt trong thời kỳ 1990 – 2005 (0,75đ)

Nguyên nhân là kết quả của việc mở rộng diện tích gieo trồng và thâm canh tăng năng suất thì trong đó việc đẩy mạnh thâm canh có ý nghĩa quan trọng nhất.

Câu 5 (5 điểm):

Trung du và miền núi Bắc Bộ có rất nhiều thuận lợi để trồng chè:

- Diện tích trồng chè chiếm 68,8% diện tích chè cả nước, chiếm 62,1% sản lượng chè cả nước. (0,5đ)
- Có nhiều thương hiệu chè nổi tiếng như chè Mộc Châu, chè Tuyết, chè Tân Cương (Thái Nguyên), chè San (Hà Giang)... (0,5đ)
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm có mùa đông lạnh thích hợp cho cây chè (Khí hậu cận nhiệt). (0,5đ)
- Đất feralit diện tích rộng. (0,5đ)
- Sinh vật: có nhiều chè như chè san, chè đắng, chè tuyết.... (0,5đ)
- Dân cư: có nhiều kinh nghiệm trồng và thu hoạch chế biến chè. (0,5đ)
- Cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ chế biến chè ngày càng hiện đại. (0,5đ)
- Nhà nước quan tâm khuyến khích trồng chè đặc biệt là khuyến khích đồng bào dân tộc ít người nhằm tạo nguồn thu nhập. (0,5đ)
- Thị trường tiêu thụ rộng lớn: (1đ)

Trong nước: là thức uống truyền thống

Thế giới: chè là thức uống ưa chuộng của nhiều nước như Nhật Bản, các nước Tây Nam Á, các nước liên minh châu Âu (EU)

ĐỀ SỐ 21**Câu 1: (3 điểm)**

- a. Trình bày và giải thích sự phân bố nhiệt độ không khí theo vĩ độ địa lí?
b. Vì sao ở vùng cực ít mưa?

Câu 2: (3 điểm)

Dựa vào atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh rằng đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam và chủ yếu là đồi núi thấp?

Câu 3: (4 điểm)

Hãy nhận xét về chất lượng lao động ở Việt Nam?

Câu 4: (5 điểm)

- a. Phân tích các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp?
b. Tại sao công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng Đông Bắc, công nghiệp thủy điện là thế mạnh của vùng Tây Bắc?

Câu 5: (5 điểm)

Cho bảng số liệu về tình hình sản xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Hồng.

Năm	1985	1995	1997	2000
Diện tích lúa (nghìn ha)	1.185,0	1,193,0	1,197,0	1,212,4
Sản lượng lúa (nghìn tấn)	3,787,0	5,090,4	5,638,1	6594,8

- a) Vẽ biểu đồ kết hợp giữa cột và đường biểu hiện diện tích và sản lượng lúa ở Đồng Bằng Sông Hồng?
b) Dựa vào bảng số liệu, tính năng xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Hồng?
c) Nhận xét tình hình sản xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Hồng trong giai đoạn trên.
(Học sinh được sử dụng atlas địa lí Việt Nam)

Đáp án**Câu 1: (3 điểm)**

- a) Trình bày và giải thích sự phân bố nhiệt độ không khí theo vĩ độ địa lí.

- Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ trung bình năm càng giảm.

Nguyên nhân là do càng lên vĩ độ cao góc chiếu sáng của mặt trời (góc nhập xạ) càng nhỏ (1 điểm).

- Càng lên vĩ độ cao biên độ nhiệt năng càng tăng.

Nguyên nhân là càng chênh lệch góc chiếu sáng và chênh lệch thời gian chiếu sáng càng lớn. Ở vĩ độ cao mùa hạ đã có góc chiếu sáng lớn lại có thời gian chiếu sáng dài (dẫn tới 6 tháng ở cực). Mùa đông góc chiếu sáng nhỏ (dẫn tới không) thời gian chiếu sáng lại ít dần (6 tháng đêm ở cực) (1 điểm).

- b) Ở vùng cực ít mưa vì:

- Khu vực khí áp cao không có giá thổi đến.

- Dòng biển lạnh hoạt động, nhiệt độ không khí thấp, không khí bốc lên được (1 điểm).

Câu 2: (3 điểm)

Chứng minh:

- Trên phần đất liền, đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ (0,5 điểm)
- Đồi núi tạo thành một vùng cung lớn hướng ra biển đông chạy dài 1400km từ miền Tây Bắc tới miền Đông Nam Bộ (1 điểm).
- Chủ yếu là đồi núi thấp: núi cao dưới 1000 mét chiếm tới 85% trên 2000m chiếm 10% đỉnh Phan xi păng Cao nhất trên dải Hoàng Liên Sơn là 3143 (1,5 điểm).

Câu 3: (4 điểm)

Nhận xét về chất lượng lao động Việt Nam.

* Chất lượng lao động Việt Nam.

- Với thang điểm 10, Việt Nam được quốc tế chấm 3,79 điểm về nguồn nhân lực 78,8% lao động Việt Nam chưa qua đào tạo (1,5 điểm).
- Trình độ ngoại ngữ của lao động Việt Nam rất thấp (2,5 điểm) khả năng thích ứng với điều kiện tiếp cận công nghệ thông tin còn kém.
- Lao động Việt Nam còn hạn chế về sức khỏe và thể lực (1,5 điểm).

Câu 4: (5 điểm)

a) Phân tích các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta (3 điểm).

- Tài nguyên thiên nhiên nước ta đa dạng để phát triển cơ cấu nông nghiệp đa ngành (0,5 điểm).
- Các nguồn tài nguyên trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển công nghiệp trọng điểm (0,5 điểm).

* Cụ thể:

- Khoáng sản với nhiều nhóm như nhiên liệu, kim loại, phi kim loại, vật liệu xây dựng thuận lợi để phát triển nhiều ngành công nghiệp (0,5 điểm).
- Thủy năng của sông suối thuận lợi để phát triển công nghiệp thủy điện (0,25 điểm).
- Tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, sinh vật biển là cơ sở để phát triển nông lâm ngư nghiệp. Từ đó cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản (0,5 điểm).
- Sự phân bố các tài nguyên trên lãnh thổ tạo các thế mạnh khác nhau của các vùng (0,5 điểm).

b) Tại sao công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng Đông Bắc, công nghiệp thủy điện là thế mạnh của vùng Tây Bắc (2 điểm).

- Đông Bắc có thế mạnh khai thác khoáng sản vì đây là vùng tập chung nhiều loại khoáng sản nhất nước ta, trong đó có những loại trữ lượng lớn như than, a pa tit, thiếc.
- Tây Bắc có thế mạnh phát triển công nghiệp thủy điện vì: Đây là vùng có tiềm năng thủy điện (các thác nước) lớn đặc biệt trên Sông Đà có các nhà máy thủy điện lớn nhất cả nước như: Hòa Bình, Sơn La.

Câu 5: (5 điểm)

a) Vẽ chính xác, đẹp (2 điểm).

- Vẽ hệ trục tọa độ.

Chung 1 trục thời gian

Các mốc thời gian xác định theo khoảng cách tỉ lệ.

2 trục đơn vị (nghìn ha, nghìn tấn).

- Cột biểu hiện diện tích, đường biểu hiện sản lượng.
- Ghi đầy đủ tên biểu đồ, số lượng, ghi chú
- Lưu ý: Thiếu mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm, sai thời gian trừ 0,5 điểm.

b) Tính năng xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Hồng (1 điểm).

Năm	1985	1995	1997	2000
Năng xuất (tấn/ha)	3,2	4,3	4,7	5,4

c) Nhận xét về tình hình sản xuất lúa ở Đồng Bằng Sông Hồng (2 điểm).

- Diện tích trồng lúa tăng liên tục nhưng rất chậm. Sau 15 năm chỉ tăng được 27,4 nghìn (0,5 điểm).
- Năng xuất lúa tăng nhanh, sau 15 năm năng xuất lúa tăng 2,2 tấn/ha.
- Càng về sau năng xuất lúa tăng càng nhanh (0,5 điểm).
- Sản lượng lúa tăng nhanh.

Sau 15 năm sản lượng tăng 1,7 lần (2,807,8 nghìn tấn) (0,5 điểm).

Sản lượng tăng nhanh theo thời gian (0,5 điểm).

ĐỀ SỐ 22

Câu 1 (2,0 điểm)

Trình bày đặc điểm chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất tạo ra những hệ quả gì?

Câu 2 (4,0 điểm)

Dựa vào Atlát Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trên lãnh thổ nước ta.

Câu 3 (5,0 điểm)

Cho bảng số liệu: Tỉ suất sinh và tỉ suất tử ở nước ta qua các năm (Đơn vị: ‰)

Năm	1979	1989	1999	2009	2012
Tỉ suất sinh	32,2	31,3	26,3	17,6	16,9
Tỉ suất tử	7,2	8,4	7,3	6,8	7,0

a. Từ bảng số liệu trên, tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta.

b. Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giai đoạn 1979-2012. Nhận xét và giải thích tình hình dân số nước ta.

Câu 4 (4,0 điểm)

a. Phân tích các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.

b. Tại sao công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng Đông Bắc, công nghiệp thủy điện là thế mạnh của vùng Tây Bắc?

Câu 5 (5,0 điểm)

Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

- Nêu sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở vùng Đông Nam Bộ.
- Cho biết, nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta?

Đáp án đề thi học sinh giỏi thành phố Hà Nội môn Địa lý lớp 9

Câu 1: Đặc điểm chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất tạo ra những hệ quả gì? (2,0đ)

Đặc điểm chuyển động:

- Hướng chuyển động: từ Tây sang Đông (0,25đ)
- Trong khi chuyển động, trục tưởng tượng của Trái Đất luôn nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc $66^{\circ}33'$. (0,25đ)
- Thời gian Trái Đất tự quay quanh trục một vòng hết 24h (một ngày đêm). (0,25đ)
- Vận tốc quay khác nhau: lớn nhất ở xích đạo, giảm dần về 2 cực. (0,25đ)

Hệ quả:

- Sự luân phiên ngày và đêm (0,25đ)
- Chuyển động biểu kiến hàng ngày của Mặt Trời và các thiên thể (0,25đ)
- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế (0,25đ)
- Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể trên bề mặt Trái Đất (0,25đ)

Câu 2: Nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trên lãnh thổ nước ta. (4,0đ)

- Lượng mưa trung bình năm khá lớn, TB 1500 mm-2000 mm do ảnh hưởng của biển, gió Tây nam ẩm ướt và bức chắn địa hình. (0,25đ)
- Lượng mưa phân hóa theo mùa với 1 mùa mưa và mùa khô rõ rệt trong năm do chịu sự chi phối của hoàn lưu gió mùa. (0,25đ)

Mùa khô từ tháng 11 - 4, mưa ít, lượng mưa thấp do tác động của gió mùa Đông Bắc lạnh khô và Tín phong khô nóng. (0,25đ)

Mùa mưa từ tháng 5-10, mưa nhiều, lượng mưa lớn do gió tây nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)

Thời gian mùa mưa và mùa khô khác nhau giữa các khu vực, các địa phương. (0,25đ)

- Miền Nam, miền Bắc và Tây Nguyên: mưa vào hạ-thu (tháng 5-10) do gió mùa Tây Nam ẩm ướt. (0,25đ)
- Duyên hải miền trung mùa hạ khô do nằm ở sườn khuất gió. Mưa vào thu-đông do chịu tác động của frông, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)

Lượng mưa phân hóa khác nhau giữa các vùng lãnh thổ, các địa phương (0,25đ)

- Những khu vực nhiều mưa, lượng mưa rất lớn (>2800 mm/năm): Huế-Đà Nẵng, Móng Cái, Hoàng Liên Sơn... do nằm ở sườn đón gió, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)
- Những khu vực ít mưa, lượng mưa rất thấp (<400 mm/năm): Lạng Sơn, cực nam Trung Bộ...đều nằm ở vùng khuất gió, địa hình thấp hoặc song song với các hướng gió... (0,25đ)
- Khu vực mưa trung bình, (1600-2000 mm/n) phân bố rộng khắp do nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, tác động của biển, độ ẩm cao. (0,25đ)

Câu 3: Biểu đồ (5,0đ)

a) Tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta: (0,5đ) **Gia tăng dân số tự nhiên nước ta (Đơn vị:%)**

Năm	1979	1989	1999	2009	2012
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên	2,5	2,3	1,6	1,1	0,99

b) Vẽ biểu đồ: (2,5đ)

Yêu cầu.

- Vẽ chính xác biểu đồ kết hợp đường và miền, các dạng biểu đồ khác không cho điểm(0,25đ)
- Có tỉ lệ, tên biểu đồ và chú thích (thiếu mỗi yếu tố trừ (0,25đ)

Nhận xét:

- Tỉ suất sinh thô và gia tăng dân số tự nhiên giảm nhanh và giảm liên tục (dc) (0,25đ)
- Tỉ suất tử thô giảm chậm, có biến động (dc) (0,25đ)

Giải thích:

- Thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình... (0,25đ)
- Chất lượng cuộc sống và nhận thức của người dân được nâng cao, những tiến bộ vượt bậc về y tế, giáo dục... (0,25đ)

Câu 4:

a) Phân tích các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp: (2,5đ)

Tài nguyên phong phú làm cơ sở để phát triển cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng (0,25đ)

Nhiều loại khoáng sản: năng lượng, kim loại, phi kim, vật liệu xây dựng phân bố rộng khắp, để phát triển nhiều ngành công nghiệp. (0,5đ)

Sự phân bố của tài nguyên, đặc biệt là khoáng sản không đồng đều tạo nên sự phân hóa sâu sắc trong phát triển và phân bố công nghiệp giữa các vùng. (0,25đ)

Một số tài nguyên có trữ lượng lớn để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm (0,25đ)

- Than: nhiều loại, trữ lượng lớn, chất lượng tốt, phân bố tập trung ở Quảng Ninh (0,25đ)
- Dầu mỏ, khí đốt tập trung trong các bể trầm tích thuộc vùng thềm lục địa (0,25đ)
- Trữ năng thủy điện lớn, phân bố trên các hệ thống sông thuộc vùng đồi núi để phát triển thủy điện (kể tên các nhà máy thủy điện). (0,25đ)
- Nguồn nước, khí hậu, đất trồng, tài nguyên biển...tạo thuận lợi cho phát triển nông-lâm-ngư nghiệp để cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến lương thực-thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng... (0,5đ)

b) Tại sao công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của Đông Bắc, thủy điện là thế mạnh của Tây Bắc? (1,5đ)

Khai thác khoáng sản là thế mạnh của Đông Bắc, vì:

- Tập trung nhiều loại khoáng sản nhất nước ta (0,25đ)

- Nhiều loại có trữ lượng lớn, phân bố tập trung: than (Quảng Ninh), thiếc (Cao Bằng)... (0,5đ)

Thủy điện là thế mạnh của Tây Bắc, vì:

- Có nguồn trữ năng thủy điện lớn nhất cả nước (0,25đ)
- Có các nhà máy thủy điện công suất lớn: Sơn La, Hòa Bình (0,5đ)

Câu 5: Sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ. Tại sao ĐNB là vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn nhất cả nước? (5,0đ)

a) Sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm

- Cao su: Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai (0,5đ)
- Cà phê: Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu (0,5đ)
- Hồ tiêu: Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai (0,5đ)
- Điều: Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương (0,5đ)

b) ĐNB là vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn nhất cả nước, vì có nhiều thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm:

- Địa hình, đất trồng: địa hình thấp, là các bán bình nguyên với đất badan màu mỡ và đất xám phù sa cổ thoát nước tốt... (0,5đ)
- Khí hậu: cận xích đạo, khá ổn định, ít thiên tai (0,5đ)
- Nguồn nước: khá dồi dào gồm nước ngầm, nước trên hệ thống sông Đồng Nai đảm bảo nước tưới cho cây công nghiệp. (0,5đ)
- Nguồn lao động đông, có kinh nghiệm, năng động với cơ chế thị trường... (0,5đ)
- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất-kỹ thuật thuộc loại tốt nhất cả nước, đáp ứng sự phát triển và chế biến cây công nghiệp. (0,5đ)
- Các yếu tố khác: khả năng thu hút đầu tư, thị trường tiêu thụ, đường lối chính sách... (0,5đ)

ĐỀ SỐ 23

KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC 2015 - 2016

ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề.

Câu I (2,0 điểm)

1. Nhà thơ Phạm Tiến Duật từng viết: "Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây bên nắng đốt, bên mưa quây". Hãy cho biết hiện tượng "nắng đốt" và "mưa quây" xảy ra ở sườn nào của dãy Trường Sơn và vào mùa nào? Giải thích hiện tượng trên.
2. Hãy nêu những thành tựu trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống ở nước ta.

Câu II (3,0 điểm)

1. Tại sao công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?
2. Phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn về tự nhiên đối với sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải nước ta.

Câu III (2,0 điểm)

1. Chứng minh rằng Đồng Bằng Sông Hồng có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch.
2. Hiện nay, Đồng bằng sông Cửu Long đang gặp phải vấn đề khó khăn lớn nào về tự nhiên? Giải thích nguyên nhân, nêu hậu quả của nó đến sản xuất và biện pháp khắc phục.

Câu IV (3,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu: Giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta giai đoạn 2000 - 2012. (Nghìn tỉ đồng)

Năm	2000	2005	2010	2012
Tổng số	129,1	183,3	540,2	746,5
Trồng trọt	101,0	134,8	396,7	533,2
Chăn nuôi	24,9	45,1	135,1	200,9
Dịch vụ nông nghiệp	3,2	3,4	8,4	12,4

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta giai đoạn từ 2000 đến 2012.
- Qua biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét và giải thích.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH MÔN ĐỊA LÝ LỚP 9

I. LƯU Ý CHUNG:

- Khi chấm bài, học sinh làm theo cách khác, nếu đúng và đủ ý thì vẫn cho điểm tối đa.
- Điểm toàn bài giữ nguyên (không làm tròn).

II. HƯỚNG DẪN CHẤM:**Câu I (2,0 điểm)**

1. Nhà thơ Phạm Tiến Duật từng viết: "Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây bên nắng đốt, bên mưa quây". Hãy cho biết hiện tượng "nắng đốt" và "mưa quây" xảy ra ở sườn nào của dãy Trường Sơn và vào mùa nào? Giải thích hiện tượng trên.

- Hiện tượng "nắng đốt" ở sườn Đông, "mưa quây" ở sườn Tây của dãy Trường Sơn.
- Thời gian vào mùa hạ (từ tháng 5 đến tháng 10).
- Giải thích: Vào mùa hạ gió mùa Tây Nam thổi tới gặp dãy Trường Sơn chắn gió, gây mưa nhiều ở sườn đón gió (sườn Tây của dãy Trường Sơn) và gây ra hiệu ứng fon khô nóng ở sườn khuất gió (sườn Đông của dãy Trường Sơn).

2. Hãy nêu những thành tựu trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống ở nước ta.

* Đời sống người dân đã và đang được cải thiện:

- Tỉ lệ người lớn biết chữ đạt trên 90%.
- Mức thu nhập bình quân đầu người tăng.
- Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.
- Tuổi thọ trung bình được nâng cao, tỉ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em ngày càng giảm, nhiều dịch bệnh được đẩy lùi.

Câu II (3,0 điểm)

1. Tại sao công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

* Khái niệm: Là ngành có thể mạnh lâu dài, đem lại hiệu quả kinh tế cao và có tác động đến các ngành kinh tế khác.

* Công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm vì:

- Thế mạnh lâu dài:

- Nguồn nhiên liệu phong phú: Than antraxít ở Quảng Ninh với trữ lượng hơn 3 tỷ tấn, than nâu, than bùn; dầu khí với trữ lượng vài tỷ tấn dầu, hàng trăm tỷ m³ khí; tiềm năng thủy điện lớn, khoảng 30 triệu KW,...
- Thị trường tiêu thụ rộng lớn, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.
- Mang lại hiệu quả cao:
 - Đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
 - Than, dầu thô còn phục vụ xuất khẩu thu ngoại tệ; nâng cao đời sống nhân dân, tạo điều kiện để công nghiệp hóa nông thôn.
- Tác động đến các ngành kinh tế khác: Phát triển năng lượng đi trước một bước nhằm tạo cơ sở thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển (dẫn chứng).

2. Phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn về tự nhiên đối với sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải nước ta.

*** Thuận lợi:**

- Tự nhiên nước ta có nhiều thuận lợi đối với sự phát triển và phân bố đầy đủ các loại hình vận tải.
- Nước ta có đường bờ biển dài 3.260km, ven biển có nhiều vũng, vịnh, nhiều hải cảng; nằm gần các tuyến đường biển quốc tế thuận lợi để phát triển giao thông đường biển.
- Lãnh thổ kéo dài theo hướng Bắc - Nam, có dải đồng bằng ven biển thuận lợi cho phát triển giao thông theo chiều Bắc - Nam.
- Mạng lưới sông ngòi dày đặc với nhiều hệ thống sông lớn, lượng nước dồi dào, thuận lợi cho giao thông đường sông phát triển.

*** Khó khăn:**

- Địa hình nhiều đồi, núi cao; hướng chính là Tây Bắc - Đông Nam, gây khó khăn cho giao thông theo hướng Đông - Tây
- Sông ngòi nước ta dày đặc, mưa bão, lũ lụt,... nên việc xây dựng và bảo vệ đường xá, cầu cống đòi hỏi tốn kém nhiều công sức và tiền của.

Câu III (2,0 điểm)

1. Chứng minh rằng Đồng Bằng Sông Hồng có nhiều thuận lợi để phát triển du lịch.

- Vị trí giao thông thuận lợi với các vùng trong nước, với nước ngoài,...
- Có tài nguyên du lịch phong phú:
 - + Tài nguyên du lịch tự nhiên: Thắng cảnh, bãi biển đẹp, vườn quốc gia,... (dẫn chứng).
 - + Tài nguyên du lịch nhân văn: Di tích văn hóa lịch sử, lễ hội, làng nghề,... (dẫn chứng).
- Cơ sở hạ tầng và mạng lưới đô thị phát triển, có các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng.

2. Hiện nay, Đồng bằng sông Cửu Long đang gặp phải vấn đề khó khăn lớn nào về tự nhiên? Giải thích nguyên nhân, nêu hậu quả của nó đến sản xuất và biện pháp khắc phục.

- Đồng bằng sông Cửu Long đang gặp phải vấn đề khó khăn về tự nhiên là: Xâm nhập mặn.

- Nguyên nhân: Hiện nay khí hậu của vùng đang là mùa khô nên thiếu nước ngọt, triều cường làm xâm nhập mặn rất nặng nề.
- Hậu quả: Gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, làm cho nhiều diện tích lúa bị chết,...
- Biện pháp khắc phục: Cần có nước ngọt để rửa mặn.

Câu IV (3,0 điểm)

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta giai đoạn từ 2000 đến 2012.

* Xử lý số liệu: Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp phân theo ngành của nước ta giai đoạn 2000 - 2012 (Đơn vị: %)

Năm	2000	2005	2010	2012
Tổng số	100	100	100	100
Trồng trọt	78,2	73,5	73,4	71,4
Chăn nuôi	19,3	24,6	25,0	26,9
Dịch vụ nông nghiệp	2,5	1,9	1,6	1,7

Lưu ý: Nếu thiếu, sai tên bảng số liệu cho 0,25 điểm.

* Vẽ biểu đồ: Biểu đồ miền. Vẽ biểu đồ khác không cho điểm.

- Yêu cầu:
 - Vẽ biểu đồ cần đảm bảo chính xác, khoa học; tính thẩm mỹ
 - Ghi đủ các nội dung: Tên biểu đồ, kí hiệu, chú giải, số liệu, đơn vị, năm.
 - Lưu ý: Nếu thiếu, sai mỗi lỗi trừ 0,25 điểm.

2. Qua biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét và giải thích.

* Nhận xét:

- Tỷ trọng giữa các ngành có sự chênh lệch (dẫn chứng).
- Tỷ trọng của các ngành có sự chuyển dịch từ 2000 đến 2012 (dẫn chứng).

* Giải thích:

- Tỷ trọng ngành trồng trọt cao và giảm do là ngành sản xuất truyền thống dựa trên nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.
- Tỷ trọng ngành chăn nuôi ngày càng tăng do có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển như: Cơ sở thức ăn, giống, nhu cầu của thị trường ngày càng tăng,...
- Tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp nhỏ và còn nhiều biến động do nước ta đang ở giai đoạn đầu, chuyển từ nông nghiệp cổ truyền sang nông nghiệp hàng hóa.

ĐỀ SỐ 24

**PHÒNG GD&ĐT BÌNH GIANG
TRƯỜNG THCS THÚC KHÁNG**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI
NĂM HỌC 2015- 2016
MÔN: ĐỊA LÍ 9
Thời gian làm bài 120 phút.
(Đề bài gồm 1 trang)**

Câu 1 (1 điểm): Giải thích hiện tượng các mùa trong năm trên Trái đất?

Câu 2 (2 điểm): Khí hậu nước ta có thuận lợi và khó khăn như thế nào đối với việc sản xuất Nông nghiệp?

Câu 3 (3 điểm): Hãy cho biết những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với ngành giao thông vận tải nước ta? Hãy cho biết tình trạng đường bộ nước ta hiện nay như thế nào?

Câu 4 (4 điểm): Cho bảng số liệu dưới đây:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO LOẠI HÌNH VẬN TẢI CỦA VIỆT NAM. (Nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Chia ra			
		Đường sắt	Đường bộ	Đường sông	Đường biển và đường hàng không
1990	53.885	2.341	31.765	16.295	3.484
1996	100.092	4.041	63.813	23.395	8.843

a) Từ bảng số liệu ở trên, hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo loại hình vận tải năm 1990 và năm 1996.

b) Nhận xét tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển của các loại hình vận tải ở nước ta qua các năm?

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9

Câu 1 (1 điểm):

- Trái đất quay quanh quỹ đạo mặt trời, lúc ngả nửa cầu bắc, lúc ngả nửa cầu nam về phía mặt trời. (0,5 điểm)

- Nửa cầu nào ngả về phía mặt trời nhận được lượng nhiệt nhiều nửa cầu đó là mùa hè, nửa cầu nào ít ngả về phía mặt trời nửa cầu đó là mùa đông. (0,5 điểm)

Câu 2 (2 điểm): Ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.

- Thuận lợi: (1,0 điểm)

+ Do các chỉ số nhiệt độ, độ ẩm và cường độ ánh sáng cao nên khí hậu nước ta đã tạo điều kiện cho cây trồng, vật nuôi sinh trưởng và phát triển quanh năm.

+ Khí hậu đã góp phần tạo nên khối sinh khí cao, cho phép xen canh gối vụ tăng vụ.

+ Khí hậu góp phần tạo ra một hệ thống mùa vụ phong phú, đa dạng, hiệu quả kinh tế cao.

+ Sự phân hóa khí hậu theo vĩ độ và theo độ cao đã đa dạng hóa cây trồng vật nuôi trên khắp các vùng lãnh thổ nước ta, tạo điều kiện sản xuất các sản phẩm nhiệt đới, á nhiệt đới và ôn đới. Sản xuất từ cây lương thực đến cây công nghiệp để đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp và nông phẩm cho xuất khẩu.

- Khó khăn: (1,0 điểm)

+ Khí hậu gió mùa đem lại tai biến. Hoạt động gió mùa đã làm cho khí hậu nước ta chia ra hai mùa: mùa khô hạn hán, mùa mưa lại mưa liên tục từ 4 đến 5 tháng xảy ra lũ lụt. Ở những vùng hay có bão, nguy cơ lũ lụt ngày càng tăng. Một số địa phương còn có các kiểu khí hậu thời tiết gây ra những khó khăn như: gió phơn Tây Nam gây khô hạn ở khu

Bốn cũ, gió mùa Đông Bắc đem theo khí hậu đột ngột ở các tỉnh Bắc Bộ. Thời tiết nóng ẩm làm cho sâu bệnh phát triển.

+ Nước ta có lượng mưa lớn, nhưng tập trung vào mùa mưa mà phần lớn đất đai ở nước ta có độ dốc lớn, nên hiện tượng rửa trôi, xói mòn, bạc màu phát triển mạnh, hiện tượng này xảy ra ngay cả ở những chân ruộng cao của miền địa hình đồng bằng.

+ Khí hậu nước ta biến đổi rất thất thường (Năm mưa muộn, năm mưa sớm, năm rét nhiều, năm rét ít) Vì vậy đối với sản xuất nông nghiệp phải xác định mùa vụ hợp lý nhất là ngành trồng trọt.

Câu 3 (3 điểm):

- Thuận lợi: (0,5 điểm)

+ Nước ta nằm trong vùng Đông Nam Á, giáp biển có điều kiện thuận lợi về giao thông đường biển trong nước và các nước trên thế giới.

+ Phần đất liền nước ta kéo dài theo hướng Bắc-Nam, có dải đồng bằng gần như liên tục ven biển và bờ biển dài trên 3260km nên việc giao thông giữa miền Bắc, Trung, Nam khá dễ dàng.

- Khó khăn: (1,0 điểm)

+ Hình thể nước ta hẹp ở miền Trung có nhiều đồi núi, cao nguyên chạy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam làm cho việc giao thông theo hướng Đông-Tây có phần trở ngại.

+ Sông ngòi nước ta dày đặc, khí hậu nhiều mưa bão, lũ lụt nên việc xây dựng và bảo vệ đường sá, cầu cống đòi hỏi tốn kém nhiều công sức và tiền của.

+ Cơ sở vật chất-kỹ thuật còn thấp, vốn đầu tư ít, phương tiện máy móc phải nhập từ nước ngoài tốn nhiều ngoại tệ.

- Tình trạng đường bộ nước ta hiện nay: (1,5 điểm)

+ Hiện nay nước ta có gần 205.000km đường bộ trong đó có hơn 15.000km quốc lộ.

+ Vận tải đường bộ chuyên chở nhiều hàng hóa, hành khách nhất và được đầu tư nhiều nhất trong những năm gần đây.

+ Các tuyến đường quan trọng đang được mở rộng, nâng cấp như quốc lộ 1A, quốc lộ 5, quốc lộ 18...

+ Dự án đường Hồ Chí Minh đã được hoàn thành.

+ Nhiều phà lớn được thay bằng cầu, nhiều cầu mới được xây dựng giúp giao thông được thông suốt mau chóng.

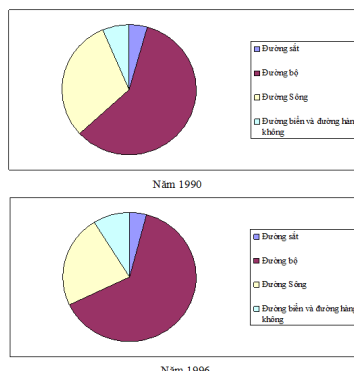
+ Các đường đèo cao, nguy hiểm trên quốc lộ 1 được làm thêm đường hầm xuyên núi như đường hầm Hải Vân, đường hầm Hoàng Sơn.

Câu 4 (4 điểm):

a) Xử lý số liệu đúng được. (1,0 điểm) (Đơn vị tính: %)

Năm	Tổng số	Chia ra			
		Đường sắt	Đường bộ	Đường sông	Đường biển và đường hàng không
1990	100.0	4.34	58,95	30.24	6.47
1996	100.0	4.04	63.76	23.37	8.83

Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo loại hình vận tải của Việt Nam.



Học sinh vẽ biểu đồ đúng, đẹp được 2 điểm

b) Nhận xét qua biểu đồ. (1 điểm)

- Nước ta có nhiều loại hình giao thông tham gia vận chuyển hàng hóa: đường sắt, đường bộ, đường sông, đường hàng không, đường bộ. (0,25 điểm)
- Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ chiếm tỉ trọng lớn nhất, sau đó đến đường sông. Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt, đường biển và đường hàng không trong 2 năm luôn chiếm tỉ trọng nhỏ. Điều này phản ánh sự mất cân đối trong việc phát triển các loại hình giao thông vận tải ở nước ta. (0,25 điểm)
- So với năm 1990, tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển năm 1996 bằng đường sắt, đường sông giảm xuống; tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không tăng lên. (0,25 điểm)
- Khối lượng hàng hóa vận chuyển của toàn ngành giao thông tăng lên 1,85 lần trong 6 năm qua (1990-1996). (0,25 điểm)

ĐỀ SỐ 25

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA

ĐỀ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH

NĂM HỌC 2016 - 2017

Môn: Địa lý 9 - Bài số 2

Câu 1 (2,0 điểm): Dựa vào các kiến thức về sự vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời, hãy cho biết:

- Trái Đất chuyển động quanh mặt trời theo hướng nào? Nhận xét về độ nghiêng, hướng nghiêng của trục Trái Đất.
- Nguyên nhân của hiện tượng mùa và sự hình thành các mùa trên Trái Đất.
- Vào ngày 21/3 và ngày 23/9 những địa phương nào trên Trái Đất có ngày và đêm bằng nhau? Tại sao?

Câu 2 (3,0 điểm). Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học về Địa lý tự nhiên. Em hãy:

- Chứng minh sông ngòi nước ta phản ánh cấu trúc địa hình và nhịp điệu mùa của khí hậu?

b. Thanh Hóa có những hệ thống sông lớn nào? Cho biết giá trị kinh tế của nó mang lại? Địa phương nơi em sống có sông gì? Sông đó thuộc hệ thống sông nào ở Thanh Hóa.

Câu 3 (2,0 điểm). Trình bày những thành tựu và hạn chế trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta hiện nay.

Câu 4 (3,0 điểm)

1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học về vùng Bắc Trung Bộ. Em hãy:

a. Kể tên các tỉnh của vùng. Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng.

b. Việc trồng rừng ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa như thế nào?

2. Trình bày hiểu biết của em về ngành lâm nghiệp của tỉnh Thanh Hóa.

Câu 5 (4,0 điểm). Cho bảng số liệu sau: Số dân, diện tích gieo trồng, sản lượng và bình quân lương thực có hạt theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng và cả nước trong giai đoạn 1995 – 2005

Các chỉ số	Đồng bằng sông Hồng		Cả nước	
	1995	2005	1995	2005
Số dân (nghìn người)	16137	18028	71996	83106
Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt (nghìn ha)	1117	1221	7322	8383
Sản lượng lương thực có hạt (nghìn tấn)	5340	6518	26141	39622
Bình quân lương thực có hạt (kg/người)	331	362	363	477

a. So sánh tốc độ tăng trưởng các chỉ số trên của Đồng bằng sông Hồng với cả nước.

b. Phân tích, giải thích mối quan hệ giữa dân số với việc sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng.

Câu 6 (6,0 điểm). Cho bảng số liệu sau:

Diện tích và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 1990 - 2003

Năm	Diện tích lúa cả năm (nghìn ha)	Sản lượng lúa (nghìn tấn)			
		Cả năm	Chia ra		
			Vụ đông xuân	Vụ hè thu	Vụ mùa
1990	6042,8	19225,1	7865,6	4090,5	7269,0
1995	6765,6	24963,7	10736,6	6500,8	7726,3
2000	7666,3	32529,5	15571,2	8625,0	8333,3
2003	7449,3	34518,6	16822,9	9390,0	8305,7

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình sản xuất lúa của nước ta trong thời gian trên.

b. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ hãy rút ra những nhận xét cần thiết và giải thích.

Đáp án đề thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp tỉnh môn Địa lý lớp 9

Câu 1

a. Nhận xét về độ nghiêng và hướng nghiêng:

+ Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng từ Tây sang Đông

+ Độ nghiêng và hướng nghiêng không đổi.

b. Nguyên nhân của hiện tượng mùa và sự hình thành các mùa:

+ Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trên quỹ đạo, nên có lúc Trái Đất ngả nửa Cầu Bắc, có lúc ngả nửa Cầu Nam về phía Mặt Trời nên sinh ra các mùa.

+ Nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời, góc chiếu lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt là mùa nóng ở nửa cầu đó.

+ Nửa cầu nào không ngả về phía Mặt Trời, góc chiếu nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt là mùa lạnh ở nửa cầu đó.

c. Ngày 21/3 và 23/9 tất cả các địa phương trên Trái Đất đều có ngày và đêm dài bằng nhau

Vì: Ngày 21/3 và 23/9 tia sáng Mặt Trời chiếu thẳng góc xuống xích đạo, đường phân chia sáng tối vuông góc với mặt phẳng xích đạo (hoặc đường phân chia sáng tối trùng với trục của Trái Đất).

Câu 2

a. Chứng minh:

• Mạng lưới sông ngòi phản ánh cấu trúc địa hình:

+ Địa hình $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi nên sông ngòi nước ta mang đặc điểm của sông ngòi miền núi: ngắn, dốc, nhiều thác ghềnh, lòng sông hẹp nước chảy xiết. Ở đồng bằng lòng sông mở rộng nước chảy êm đềm.

+ Hướng nghiêng địa hình cao ở Tây Bắc thấp dần về Đông Nam nên sông ngòi nước ta chủ yếu chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam: Sông Đà, sông Hồng, sông Mã, sông Tiền, sông Hậu... Ngoài ra địa hình nước ta có hướng vòng cung nên sông ngòi nước ta còn chảy theo hướng vòng cung: Sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam...

+ Ở miền Trung do địa hình cao ở phía Tây thấp dần về phía Tây nên sông ngòi chảy theo hướng Tây - Đông: Sông Bến Hải, sông Thu Bồn...

+ Địa hình nước ta bị chia cắt phức tạp, độ dốc lớn vì vậy tốc độ bào mòn nhanh làm cho sông ngòi nước ta bị chia cắt phức tạp, hàm lượng phù sa lớn.

• Mạng lưới sông ngòi phản ánh nhịp điệu mùa của khí hậu:

- Do mưa nhiều, mưa rào tập trung vào một thời gian ngắn làm xói mòn địa hình, tạo ra nhiều sông ngòi.

- Khí hậu chia làm hai mùa: mùa mưa và mùa khô, tuy mùa mưa dài ngắn khác nhau, có sự chênh lệch giữa miền này và miền khác, song mọi nơi đều có mùa lũ và mùa cạn tương phản rõ rệt. Mùa mưa nước sông lớn chiếm 78 - 80% lượng nước cả năm, mùa khô nước cạn chiếm 20 - 22% lượng nước cả năm.

- Thời gian mùa mưa giữa các miền trong cả nước có sự khác nhau, vì vậy mùa lũ trên các sông cũng có sự khác biệt. Ở miền Bắc lũ tới sớm từ tháng 6, 7, 8; miền Trung mưa vào cuối thu đầu đông nên mùa lũ đến muộn tháng 10, 11, 12; miền Nam lũ vào tháng 9, 10.

- Ở miền Bắc chế độ mưa thất thường, mùa hè mưa nhiều, mùa đông mưa ít nên chế độ nước sông thất thường. Ở miền Nam khí hậu cận xích đạo nên chế độ nước sông khá điều hòa.

b. Sông ở Thanh Hóa:

- Thanh Hóa có 4 hệ thống sông chính: Sông Mã, sông Lạch Bạng, sông Yên và sông Hoạt.

- Giá trị kinh tế do sông ngòi ở Thanh Hóa mang lại:

- Giá trị thủy điện: Cửa Đạt, Bàn Thạch...
- Thủy lợi: Cung cấp nước tưới, bồi đắp phù sa, mở rộng đồng bằng.
- Thủy sản: Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.
- Giao thông: Sông Mã, sông Chu, sông Bạng...
- Du lịch: Suối cá Cẩm Lương...
- Ở Tỉnh Gia có các sông: sông Lạch Bạng, sông Yên chảy qua.
 - Sông Lạch Bạng chảy qua vùng núi Tĩnh Gia, qua Khoa Trường rồi đổ ra cửa Bạng, sông dài 34,5 km. Thuộc hệ thống sông Lạch Bạng.
 - Sông Yên có chiều dài 94,2 km chảy qua Như Xuân, Nông Cống, Quảng Xương rồi đổ ra biển qua cửa Hải Ninh. Thuộc hệ thống sông Yên.

Câu 3

* Thành tựu: Trong những năm qua chất lượng cuộc sống của người dân đang từng bước được cải thiện, thành tựu đáng kể trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân là:

- Tỷ lệ người lớn biết chữ cao đạt 90,3% (năm 1999); Thu nhập bình quân đầu người tăng; Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.

- Tuổi thọ trung bình của người dân tăng lên đáng kể: Nam giới 67,4 và nữ giới 74 tuổi

- Tỷ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em ngày càng giảm; Nhiều dịch bệnh hiểm nghèo bị đẩy lùi.

* Hạn chế:

- Chất lượng cuộc sống của người dân còn chênh lệch giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội; Môi trường sống nhiều nơi đang bị ô nhiễm.

- Vì vậy nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên mọi miền đất nước là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển con người của thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Câu 4

1. Vùng Bắc Trung Bộ:

a.

- Gồm các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

- Dải đất hẹp kéo dài từ Tam Điệp tới Bạch Mã: là cầu nối giữa Bắc – Nam; cửa ngõ hành lang Đông – Tây của tiểu vùng sông Mê Công.
- b. Ý nghĩa của việc trồng rừng ở Bắc Trung Bộ:
 - Phòng chống lũ quét, hạn chế nạn cát bay, cát chảy, hạn chế tác hại của gió phơn tây nam, bão nhiệt đới...
 - Bảo vệ môi trường sinh thái...

2. Ngành lâm nghiệp của tỉnh Thanh Hóa:

- Thanh Hóa là tỉnh diện tích rừng trong cả nước. Năm 2010, diện tích đất có rừng là 545 nghìn ha, trong đó có 386 nghìn ha rừng tự nhiên.
- Hiện nay tỉnh đang rất chú trọng tới trồng mới, khoanh nuôi, chăm sóc và bảo vệ rừng, diện tích rừng trồng liên tục tăng và đạt 159 nghìn ha năm 2010. Xu thế khai thác gỗ rừng tự nhiên đã giảm, đây là việc làm đúng hướng, góp phần giữ cân bằng sinh thái.
- Việc quản lí vườn quốc gia Bến En, các khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, Xuân Liên, Pù Luông và rừng đầu nguồn rất được chú ý.
- Thanh Hóa đang tiến tới phát triển lâm nghiệp toàn diện về cả bảo vệ, khoanh nuôi, trồng mới rừng và khai thác hợp lí tài nguyên rừng.

Câu 5: * Xử lí số liệu (đơn vị %)

Các chỉ số	Đồng bằng sông Hồng		Cả nước	
	1995	2005	1995	2005
Số dân	100	111,7	100	115,4
Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	100	109,3	100	114,4
Sản lượng lương thực có hạt	100	122,1	100	151,6
Bình quân lương thực có hạt	100	109,4	100	131,4

a. Tốc độ tăng trưởng của các chỉ số:

- Các chỉ số của Đồng bằng sông Hồng đều có mức tăng trưởng chậm hơn so với mức tăng trưởng của cả nước, cụ thể như sau:

- Số dân của Đồng bằng sông Hồng tăng 11,7%, cả nước tăng 15,4%.
- Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt của Đồng bằng sông Hồng tăng 9,3%, cả nước tăng 14,4%.
- Sản lượng lương thực có hạt của Đồng bằng sông Hồng tăng 22%, cả nước tăng 51,5%.
- Bình quân lương thực có hạt của Đồng bằng sông Hồng tăng 9,4%, cả nước tăng 31,4%.

b. Phân tích và giải thích mối quan hệ giữa dân số với việc sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng.

- Do có những cố gắng trong việc thâm canh cây lương thực, nên mặc dù diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt tăng chậm, nhưng sản lượng lương thực vẫn tăng nhanh.
- Tuy nhiên do sức ép của vấn đề dân số (dân số đông, tăng nhanh) nên bình quân lương thực có hạt theo đầu người tăng chậm hơn so với cả nước.

Câu 6

* Vẽ biểu đồ

- Biểu đồ kết hợp đường (diện tích) và cột chồng (sản lượng). Các dạng biểu đồ khác không cho điểm.
- Biểu đồ phải đảm bảo tính chính xác, trực quan (chia khoảng cách năm 2000 - 2003 ngắn hơn), có ký hiệu, có chú thích, tên biểu đồ.

* Lưu ý: nếu thiếu một trong các yêu cầu trên thì trừ điểm (0,25 điểm)

* Nhận xét và giải thích:

Diện tích và sản lượng lúa nước ta thời kỳ 1990 - 2003 có xu hướng tăng: Diện tích lúa tăng nhưng không ổn định:

- Từ năm 1990 đến năm 2000 tăng (nêu d/c). Vì khai hoang phục hoá, mở rộng diện tích đất canh tác và do tăng vụ (chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long)

- Từ năm 2000 đến năm 2003 giảm (nêu d/c). Vì một phần đất nông nghiệp bị chuyển sang đất chuyên dùng, thổ cư (Đb sông Hồng)

- Sản lượng: Liên tục tăng (nêu d/c). Chủ yếu do thâm canh tăng vụ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Về mùa vụ:

- Vụ đông xuân đóng vai trò chủ đạo, liên tục tăng. Do năng suất cao nhất và trở thành vụ chính.
- Vụ hè thu liên tục tăng và được đưa vào trồng đại trà
- Vụ mùa: Có năng suất lúa thấp hơn so với 2 vụ trên.

ĐỀ 26

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Đề chính thức

KÌ THI HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ - LỚP

Năm học 2014 - 2015

Môn: Địa lý Ngày thi: 09/4/2015

Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1 (2,0 điểm)

Trình bày đặc điểm chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất tạo ra những hệ quả gì?

Câu 2 (4,0 điểm)

Dựa vào Atlát Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trên lãnh thổ nước ta.

Câu 3 (5,0 điểm)

Cho bảng số liệu: Tỉ suất sinh và tỉ suất tử ở nước ta qua các năm (Đơn vị: ‰)

Năm	1979	1989	1999	2009	2012
Tỉ suất sinh	32,2	31,3	26,3	17,6	16,9

Tỉ suất tử	7,2	8,4	7,3	6,8	7,0
------------	-----	-----	-----	-----	-----

- Từ bảng số liệu trên, tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta.
- Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giai đoạn 1979-2012. Nhận xét và giải thích tình hình dân số nước ta.

Câu 4 (4,0 điểm)

- Phân tích các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.
- Tại sao công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của vùng Đông Bắc, công nghiệp thủy điện là thế mạnh của vùng Tây Bắc?

Câu 5 (5,0 điểm)

Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

- Nêu sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở vùng Đông Nam Bộ.
- Cho biết, nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta?

Đáp án đề thi học sinh giỏi thành phố Hà Nội môn Địa lý lớp 9

Câu 1: Đặc điểm chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất tạo ra những hệ quả gì? (2,0đ)

Đặc điểm chuyển động:

- Hướng chuyển động: từ Tây sang Đông (0,25đ)
- Trong khi chuyển động, trục tưởng tượng của Trái Đất luôn nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc 66033'. (0,25đ)
- Thời gian Trái Đất tự quay quanh trục một vòng hết 24h (một ngày đêm). (0,25đ)
- Vận tốc quay khác nhau: lớn nhất ở xích đạo, giảm dần về 2 cực. (0,25đ)

Hệ quả:

- Sự luân phiên ngày và đêm (0,25đ)
- Chuyển động biểu kiến hàng ngày của Mặt Trời và các thiên thể (0,25đ)
- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế (0,25đ)
- Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể trên bề mặt Trái Đất (0,25đ)

Câu 2: Nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trên lãnh thổ nước ta. (4,0đ)

- Lượng mưa trung bình năm khá lớn, TB 1500 mm-2000 mm do ảnh hưởng của biển, gió Tây nam ẩm ướt và bức chắn địa hình. (0,25đ)
- Lượng mưa phân hóa theo mùa với 1 mùa mưa và mùa khô rõ rệt trong năm do chịu sự chi phối của hoàn lưu gió mùa. (0,25đ)
- Mùa khô từ tháng 11 - 4, mưa ít, lượng mưa thấp do tác động của gió mùa Đông Bắc lạnh khô và Tín phong khô nóng. (0,25đ)
- Mùa mưa từ tháng 5-10, mưa nhiều, lượng mưa lớn do gió tây nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)
- Thời gian mùa mưa và mùa khô khác nhau giữa các khu vực, các địa phương. (0,25đ)
- Miền Nam, miền Bắc và Tây Nguyên: mưa vào hạ-thu (tháng 5-10) do gió mùa Tây Nam ẩm ướt. (0,25đ)

- Duyên hải miền trung mùa hạ khô do nằm ở sườn khuất gió. Mưa vào thu-đông do chịu tác động của frông, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)
- Lượng mưa phân hóa khác nhau giữa các vùng lãnh thổ, các địa phương (0,25đ)
 - Những khu vực nhiều mưa, lượng mưa rất lớn (>2800 mm/năm): Huế-Đà Nẵng, Móng Cái, Hoàng Liên Sơn... do nằm ở sườn đón gió, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)
 - Những khu vực ít mưa, lượng mưa rất thấp (<400 mm/năm): Lạng Sơn, cực nam Trung Bộ...đều nằm ở vùng khuất gió, địa hình thấp hoặc song song với các hướng gió... (0,25đ)
 - Khu vực mưa trung bình, (1600-2000 mm/n) phân bố rộng khắp do nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, tác động của biển, độ ẩm cao. (0,25đ)

Câu 3: Biểu đồ (5,0đ)

a) Tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta: (0,5đ) **Gia tăng dân số tự nhiên nước ta (Đơn vị:%)**

Năm	1979	1989	1999	2009	2012
Tỉ lệ gia tăng tự nhiên	2,5	2,3	1,6	1,1	0,99

b) Vẽ biểu đồ: (2,5đ)

Yêu cầu.

- Vẽ chính xác biểu đồ kết hợp đường và miền, các dạng biểu đồ khác không cho điểm(0,25đ)
- Có tỉ lệ, tên biểu đồ và chú thích (thiếu mỗi yếu tố trừ (0,25đ)

Nhận xét:

- Tỉ suất sinh thô và gia tăng dân số tự nhiên giảm nhanh và giảm liên tục (dc) (0,25đ)
- Tỉ suất tử thô giảm chậm, có biến động (dc) (0,25đ)

Giải thích:

- + Thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình... (0,25đ)
- + Chất lượng cuộc sống và nhận thức của người dân được nâng cao, những tiến bộ vượt bậc về y tế, giáo dục... (0,25đ)

Câu 4:

a) Phân tích các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp: (2,5đ)

Tài nguyên phong phú làm cơ sở để phát triển cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng (0,25đ)

Nhiều loại khoáng sản: năng lượng, kim loại, phi kim, vật liệu xây dựng phân bố rộng khắp, để phát triển nhiều ngành công nghiệp. (0,5đ)

Sự phân bố của tài nguyên, đặc biệt là khoáng sản không đồng đều tạo nên sự phân hóa sâu sắc trong phát triển và phân bố công nghiệp giữa các vùng. (0,25đ)

Một số tài nguyên có trữ lượng lớn để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm (0,25đ)

- Than: nhiều loại, trữ lượng lớn, chất lượng tốt, phân bố tập trung ở Quảng Ninh (0,25đ)

- Dầu mỏ, khí đốt tập trung trong các bể trầm tích thuộc vùng thềm lục địa (0,25đ)
- Trữ năng thủy điện lớn, phân bố trên các hệ thống sông thuộc vùng đồi núi để phát triển thủy điện (kể tên các nhà máy thủy điện). (0,25đ)
- Nguồn nước, khí hậu, đất trồng, tài nguyên biển... tạo thuận lợi cho phát triển nông-lâm-ngư nghiệp để cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến lương thực-thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng... (0,5đ)

b) Tại sao công nghiệp khai thác khoáng sản là thế mạnh của Đông Bắc, thủy điện là thế mạnh của Tây Bắc? (1,5đ)

Khai thác khoáng sản là thế mạnh của Đông Bắc, vì:

- Tập trung nhiều loại khoáng sản nhất nước ta (0,25đ)
- Nhiều loại có trữ lượng lớn, phân bố tập trung: than (Quảng Ninh), thiếc (Cao Bằng)... (0,5đ)

Thủy điện là thế mạnh của Tây Bắc, vì:

- Có nguồn trữ năng thủy điện lớn nhất cả nước (0,25đ)
- Có các nhà máy thủy điện công suất lớn: Sơn La, Hòa Bình (0,5đ)

Câu 5: Sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm ở Đông Nam Bộ. Tại sao ĐNB là vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn nhất cả nước? (5,0đ)

a) Sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm

- Cao su: Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai (0,5đ)
- Cà phê: Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu (0,5đ)
- Hồ tiêu: Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai (0,5đ)
- Điều: Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương (0,5đ)

b) ĐNB là vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn nhất cả nước, vì có nhiều thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp lâu năm:

- Địa hình, đất trồng: địa hình thấp, là các bán bình nguyên với đất badan màu mỡ và đất xám phù sa cổ thoát nước tốt... (0,5đ)
- Khí hậu: cận xích đạo, khá ổn định, ít thiên tai (0,5đ)
- Nguồn nước: khá dồi dào gồm nước ngầm, nước trên hệ thống sông Đồng Nai đảm bảo nước tưới cho cây công nghiệp. (0,5đ)
- Nguồn lao động đông, có kinh nghiệm, năng động với cơ chế thị trường... (0,5đ)
- Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất-kỹ thuật thuộc loại tốt nhất cả nước, đáp ứng sự phát triển và chế biến cây công nghiệp. (0,5đ)
- Các yếu tố khác: khả năng thu hút đầu tư, thị trường tiêu thụ, đường lối chính sách... (0,5đ)

ĐỀ SỐ 27
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ THANH HÓA

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH
DỰ THI CẤP TỈNH CÁC MÔN VĂN HÓA
NĂM HỌC: 2014 – 2015
Môn: Địa Lí - Lớp 9

Bài 1 (2,0 điểm)

Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm? Sự thay đổi mùa có tác động như thế nào đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người?

Bài 2 (2,5 điểm)

Vì sao khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi đến sản xuất ở địa phương em như thế nào?

Bài 3 (2,5 điểm)

- Vì sao nước ta phải thực hiện chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng?
- Nêu ý nghĩa của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số ở nước ta? Địa phương em có những giải pháp cụ thể nào để giảm tỉ lệ tăng dân số?

Bài 4 (3,0 điểm)

- Trình bày về vai trò, tình hình sản xuất và phân bố cây lương thực chính ở nước ta?
- Chứng minh công nghiệp nước ta có cơ cấu ngành đa dạng. Kể tên một số ngành công nghiệp chủ yếu ở tỉnh Thanh Hóa?

Bài 5 (4,0 điểm)

- Tây Nguyên có những điều kiện tự nhiên nào thuận lợi để trở thành vùng trồng cà phê lớn nhất cả nước? Nêu những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên? Vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?
- Kể tên một số huyện trồng nhiều cây ngô ở tỉnh Thanh Hóa.

Bài 6 (6,0 điểm) Cho bảng số liệu sau: Diện tích và sản lượng lương thực có hạt của nước ta qua một số năm

Năm	1995	2000	2003	2005	2007
Diện tích (nghìn ha)	7324	8399	8367	8383	8270
Sản lượng (nghìn tấn)	26143	34539	37707	39622	39977
Trong đó: lúa	24964	32530	34569	35833	35868

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2008, NXB Thống kê, 2009, trang 232.

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động về diện tích và sản lượng lương thực của nước ta theo bảng số liệu trên.
- Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ và giải thích tình hình sản xuất lương thực ở nước ta trong giai đoạn 1995 – 2007

Đáp án đề thi chọn học sinh giỏi tỉnh môn Địa lý

Bài 1:

* Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm

- Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng khi chuyển động trên quỹ đạo, nên trong khi chuyển động, các bán cầu Bắc và Nam lần lượt hướng về phía Mặt Trời. Từ đó, thời gian chiếu sáng và sự thu nhận lượng bức xạ Mặt Trời ở mỗi bán cầu đều có sự thay đổi luân phiên trong năm, gây nên những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu trong từng thời kỳ của năm, tạo nên các mùa.

* Sự thay đổi mùa có tác động đến cảnh quan thiên nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người:

- Làm cho cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo từng mùa.
- Sản xuất theo thời vụ.
- Sự thay đổi của thời tiết và khí hậu ảnh hưởng đến sinh hoạt và sức khỏe con người.

Bài 2:

* Giải thích

- Tính chất nhiệt đới

Vị trí địa lí của nước ta: điểm cực Bắc gần chí tuyến Bắc ($23^{\circ}23'B$), điểm cực Nam nằm cách Xích đạo không xa ($8^{\circ}34'B$). Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nửa cầu Bắc nên nền nhiệt cao và lượng bức xạ lớn.

- Tính chất ẩm

- Nước ta nằm kề Biển Đông, đường bờ biển kéo dài, Biển Đông đã làm biến tính các khối khí thổi vào đất liền: tăng nhiệt ẩm cho khối khí từ phương bắc xuống, làm dịu mát các khối khí nóng từ phương nam lên.
- Hình dáng lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài theo chiều vĩ tuyến. Hướng nghiêng chung của địa hình là tây bắc - đông nam thấp dần ra biển đã tạo thuận lợi cho các luồng gió hướng đông nam từ biển thâm nhập sâu vào trong đất liền.
- Gió mùa kết hợp với tác động của Biển Đông đã mang đến cho nước ta lượng mưa lớn, độ ẩm cao.

- Tính chất gió mùa

- Nước ta nằm ở rìa đông của lục địa Á - Âu, trung tâm của khu vực gió mùa châu Á, nơi giao lưu của các khối khí hoạt động theo mùa.

* Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi đến sản xuất ở địa phương em như thế nào?

- Đối với sản xuất nông nghiệp (các sản phẩm đa dạng, ngoài cây trồng nhiệt đới còn có thể trồng được các loại cây cận nhiệt và ôn đới)
- Đối với các ngành kinh tế khác: giao thông, du lịch, công nghiệp, vv...

ĐỀ SỐ 28

**PHÒNG GD & ĐT THANH OAI
TRƯỜNG THCS HỒNG DƯƠNG**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9
NĂM HỌC 2015 - 2016
Môn: Địa Lý**

Câu 1: (3 điểm)

a. Ngày chuyển tiếp giữa mùa nóng và mùa lạnh của Trái Đất là ngày nào? Vì sao? (1 điểm)

b. Trái Đất có mấy chuyển động? Vì sao có hiện tượng các mùa nóng, lạnh khác nhau trên trái đất? (2 điểm)

Câu 2: (3 điểm)

Chứng minh sông ngòi nước ta phản ánh cấu trúc địa hình và nhịp điệu mùa của khí hậu?

Câu 3: (4 điểm)

Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 15 (Nhà xuất bản Giáo dục năm 2010) và những kiến thức đã học hãy:

- Trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta? Giải thích nguyên nhân làm cho đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước?
- Vì sao phải phân bố lại dân cư trong cả nước?

Câu 4: (5 điểm)

Cho bảng số liệu sau: Diện tích, năng suất và sản lượng lúa cả năm ở nước ta

Năm	1985	1990	1995	2000	2002	2005
Diện tích (nghìn ha)	5704	6043	6765	7666	7504	7329
Sản lượng (nghìn tấn)	15874	19225	24964	32529	34400	35833
Năng suất (tạ/ha)	27,8	31,8	36,9	42,4	45,8	48,9

- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng về diện tích, sản lượng, năng suất lúa cả năm ở nước ta trong thời kỳ 1985 – 2005.
- Nhận xét và giải thích sự tăng trưởng đó?

Câu 5 (5 điểm)

Nhờ điều kiện thuận lợi gì mà cây chè ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ chiếm tỷ trọng lớn về diện tích và sản lượng so với cả nước?

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9

Câu 1 (3 điểm)

- Ngày chuyển tiếp giữa mùa nóng và mùa lạnh của Trái Đất là ngày:
 - Ngày 21/3 – Xuân phân, ngày 23/9- Thu phân (0.5 điểm)
 - Hai nửa cầu đều hướng về phía mặt trời và đều nhận được lượng nhiệt, ánh sáng như nhau (0.5 điểm)
- Trái Đất có mấy chuyển động? Vì sao có hiện tượng các mùa nóng, lạnh khác nhau trên trái đất? (2 điểm)
 - Trái đất có hai chuyển động: Chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động trên quỹ đạo quanh Mặt Trời (1 điểm)
 - Khi chuyển động trên quỹ đạo trục Trái Đất có độ nghiêng không đổi và hướng về một phía nên hai nửa cầu Bắc và Nam luân phiên nhau ngả về phía mặt trời sinh ra các mùa (1 điểm)

Câu 2 (3 điểm)

+ Mạng lưới sông ngòi phản ánh cấu trúc địa hình:

- * Địa hình $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi nên sông ngòi nước ta mang đặc điểm của sông ngòi miền núi: ngắn, dốc, nhiều thác ghềnh, lòng sông hẹp nước chảy xiết. Ở đồng bằng lòng sông mở rộng nước chảy êm đềm. (0,5 điểm)
- * Hướng nghiêng địa hình cao ở Tây Bắc thấp dần về Đông Nam nên sông ngòi nước ta chủ yếu chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam: sông Đà, sông Hồng, sông Mã, sông Tiền, sông Hậu... Ngoài ra địa hình nước ta có hướng vòng cung nên sông ngòi nước ta

còn chảy theo hướng vòng cung: sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam... (0,5 điểm)

* Ở miền Trung do địa hình cao ở phía Tây thấp dần về phía Tây nên sông ngòi chảy theo hướng Tây- Đông: sông Bến Hải, sông Thu Bồn... (0,25 điểm)

* Địa hình nước ta bị chia cắt phức tạp, độ dốc lớn vì vậy tốc độ bào mòn nhanh làm cho sông ngòi nước ta bị chia cắt phức tạp, hàm lượng phù sa lớn. (0,25 điểm)

+ Mạng lưới sông ngòi phản ánh nhịp điệu mùa của khí hậu:

* Do mưa nhiều, mưa rào tập trung vào một thời gian ngắn làm xói mòn địa hình, tạo ra nhiều sông ngòi. (0,25 điểm)

* Khí hậu chia làm hai mùa: mùa mưa và mùa khô, tuy mùa mưa dài ngắn khác nhau, có sự chênh lệch giữa miền này và miền khác, song mọi nơi đều có mùa lũ và mùa cạn tương phản rõ rệt. Mùa mưa nước sông lớn chiếm 7880% lượng nước cả năm, mùa khô nước cạn chiếm 2022% lượng nước cả năm. (0,25 điểm)

* Thời gian mùa mưa giữa các miền trong cả nước có sự khác nhau, vì vậy mùa lũ trên các sông cũng có sự khác biệt. Ở miền Bắc lũ tới sớm từ tháng 6,7,8; miền Trung mưa vào cuối thu đầu đông nên mùa lũ đến muộn tháng 10,11,12; miền Nam lũ vào tháng 9, 10. (0,5 điểm)

* Ở miền Bắc chế độ mưa thất thường, mùa hè mưa nhiều, mùa đông mưa ít nên chế độ nước sông thất thường. Ở miền Nam khí hậu cận xích đạo nên chế độ nước sông khá điều hòa. (0,5 điểm)

Câu 3: (4 điểm)

a. Đặc điểm phân bố dân cư ở nước ta:

+ Dân cư nước ta phân bố không đều (1,0đ)

+ Dân cư tập trung đông đúc ở các đồng bằng, ven biển và các đô thị. Dân cư thưa thớt ở các vùng núi và cao nguyên (có dẫn chứng cụ thể).

+ Phân bố dân cư không đều giữa thành thị và nông thôn: Dân cư tập trung chủ yếu ở nông thôn: 74%, thành thị: 26% (2003).

+ Không đều ngay trong một vùng (dẫn chứng)

+ Nguyên nhân làm cho đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước: (1,5đ)

- Ngành nông nghiệp thâm canh lúa nước cần nhiều lao động.
- Có nhiều trung tâm công nghiệp.
- Tập trung nhiều trung tâm khoa học, kỹ thuật, các trường đại học, các trung tâm văn hóa...
- Có lịch sử khai thác lâu đời.
- Điều kiện tự nhiên thuận lợi, kinh tế phát triển

b. Phải phân bố lại dân cư trên cả nước vì: (1,5đ)

+ Dân cư phân bố không đều dẫn đến ở đồng bằng đất chật, người đông, thừa lao động, thiếu việc làm... gây sức ép cho xã hội.

+ Trong khi ở miền núi và cao nguyên giàu tài nguyên lại thiếu lao động. Do đó phân bố lại dân cư.

Câu 4: (5 điểm)

a. Vẽ biểu đồ

* Lập bảng số liệu về gia tăng diện tích, sản lượng, năng suất lúa cả năm (lấy năm 1985 = 100%) (1đ) Đơn vị: %

Năm	1985	1990	1995	2000	2002	2005
Diện tích (nghìn ha)	5704	6043	6765	7666	7504	7329
Sản lượng (nghìn tấn)	15874	19225	24964	32529	34400	35833
Năng suất (tạ/ha)	27,8	31,8	36,9	42,4	45,8	48,9

* Vẽ biểu đồ đường (1,5đ)

- Vẽ 3 đường thể hiện sự gia tăng diện tích, sản lượng và năng suất lúa cả năm trong thời gian 1985 – 2005.
- Đảm bảo chính xác, có tên và ký hiệu rõ ràng.

b. Nhận xét

+ Diện tích gieo trồng lúa có sự thay đổi

- Giai đoạn 1985 – 2000 có xu hướng tăng (d/c) (0,25đ)
- Giai đoạn 2000 – 2005 có xu hướng giảm (d/c) (0,25đ)

+ Nguyên nhân:

- Diện tích gieo trồng lúa tăng là do khai hoang, phục hoá mở rộng diện tích đất canh tác và do tăng vụ mở rộng diện tích gieo trồng... (0,25đ)
- Diện tích gieo trồng lúa giảm là do sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quá trình công nghiệp hoá. (0,25đ)

+ Năng suất lúa tăng mạnh (0,75đ)

- Nguyên nhân: là kết quả áp dụng các biện pháp thâm canh (thuỷ lợi, phân bón...) trong đó nổi bật là việc đưa vào các giống mới và thay đổi cơ cấu mùa vụ.

+ Sản lượng lúa cũng tăng nhanh, đặc biệt trong thời kỳ 1990 – 2005 (0,75đ)

- Nguyên nhân là kết quả của việc mở rộng diện tích gieo trồng và thâm canh tăng năng suất thì trong đó việc đẩy mạnh thâm canh có ý nghĩa quan trọng nhất.

Câu 5 (5 điểm):

Trung du và miền núi Bắc Bộ có rất nhiều thuận lợi để trồng chè:

- Diện tích trồng chè chiếm 68,8% diện tích chè cả nước, chiếm 62,1% sản lượng chè cả nước. (0,5đ)
- Có nhiều thương hiệu chè nổi tiếng như chè Mộc Châu, chè Tuyết, chè Tân Cương (Thái Nguyên), chè San (Hà Giang)...(0,5đ)
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm có mùa đông lạnh thích hợp cho cây chè (Khí hậu cận nhiệt). (0,5đ)
- Đất feralit diện tích rộng. (0,5đ)
- Sinh vật: có nhiều chè như chè san, chè đắng, chè tuyết.... (0,5đ)
- Dân cư: có nhiều kinh nghiệm trồng và thu hoạch chế biến chè. (0,5đ)
- Cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ chế biến chè ngày càng hiện đại. (0,5đ)
- Nhà nước quan tâm khuyến khích trồng chè đặc biệt là khuyến khích đồng bào dân tộc ít người nhằm tạo nguồn thu nhập. (0,5đ)

- Thị trường tiêu thụ rộng lớn: (1đ)
- + Trong nước: là thức uống truyền thống
- + Thế giới: chè là thức uống ưa chuộng của nhiều nước như Nhật Bản, các nước Tây Nam Á, các nước liên minh châu Âu (EU)

ĐỀ SỐ 29

PHÒNG GD&ĐT TP HẢI DƯƠNG

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 - VÒNG 1
NĂM HỌC 2016 - 2017
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1 (2,0 điểm)

- a. Hãy vẽ hình thể hiện sự vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các mùa ở Bắc bán cầu.
- b. Trình bày nguồn gốc hình thành và tính chất của các khối khí trên bề mặt Trái Đất.

Câu 2 (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

- a. Trình bày đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- b. Tại sao miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ lại có mùa đông đến sớm và kết thúc muộn?

Câu 3 (1,0 điểm)

Phân tích ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.

Câu 4 (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu sản lượng ngành công nghiệp khai thác than và điện của nước ta:

Năm	1995	2000	2005	2010	2014
Ngành					
Khai thác than (triệu tấn)	8,4	11,6	34,1	39,8	36,6
Điện (tỉ KWh)	14,7	26,7	52,1	84,6	151,2

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015

- a. Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện sản lượng khai thác than và điện của nước ta thời kỳ 1995 - 2014.
- b. Hãy nhận xét và giải thích sự thay đổi sản lượng của ngành khai thác than và điện ở nước ta trong thời kì trên.

Câu 5 (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

- a. Phân tích những điều kiện thuận lợi, khó khăn trong việc phát triển ngành công nghiệp năng lượng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- b. Kể tên các nhà máy điện của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

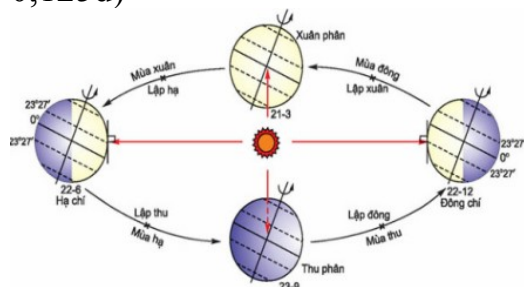
Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9

Câu 1

a. Vẽ hình thể hiện sự vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các mùa ở Bắc bán cầu:

+ Vẽ như hình dưới đây; đảm bảo sự chính xác, thẩm mỹ...

+ Lưu ý: Có tên hình, hướng chuyển động, có ghi các mùa, các ngày; trục nghiêng của Trái Đất, các chí tuyến vòng cực, tia sáng Mặt Trời, kí hiệu sáng tối. (thiếu mỗi ý trừ 0,125đ)



Hình 23. Sự vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các mùa ở Bắc bán cầu

b. Nguồn gốc hình thành và tính chất của các khối khí trên bề mặt Trái Đất:

- Khối khí nóng hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, nhiệt độ tương đối cao.
- Khối khí lạnh hình thành trên các vùng vĩ độ cao, nhiệt độ tương đối thấp.
- Khối khí đại dương hình thành trên các vùng biển, đại dương, có độ ẩm lớn.
- Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô.

Câu 2

a. Đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ:

- Địa hình gồm 2 bộ phận: Đồi núi và đồng bằng.
- Hướng nghiêng: Hướng Tây Bắc - Đông Nam.

* Đồi núi:

+ Đồi núi chiếm 2/3 diện tích toàn miền, phân bố chủ yếu ở phía Bắc, phần lớn là đồi núi thấp và trung bình ...

+ Hướng núi: Có hai hướng chính:

- Hướng vòng cung: Có các cánh cung (sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) mở rộng về phía Bắc và quy tụ ở Tam Đảo.

- Hướng Tây Bắc - Đông Nam: Dãy Con Voi, Tam Đảo.

+ Các khối núi trong miền có đỉnh tròn, sườn thoải, địa hình lòng chảo, cánh đồng giữa núi... Địa hình cacxtơ phổ biến.

* Đồng bằng:

- Chiếm 1/3 diện tích, phân bố chủ yếu ở phía Nam và Đông Nam, hình dạng tam giác châu, hình thành do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp ...

- Có hệ thống đê, có một số ô trũng, núi sót; hướng mở rộng ra biển về phía Đông Nam ...

b. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ lại có mùa đông đến sớm và kết thúc muộn do:

+ Vị trí: Nằm ở vĩ độ cao nhất cả nước, giáp với vùng Hoa Nam Trung Quốc, nơi đón gió mùa Đông Bắc sớm nhất và kết thúc cũng muộn nhất.

+ Địa hình đồi núi thấp, các dãy núi có hướng cánh cung mở rộng về phía Bắc và quy tụ ở Tam Đảo nên tạo địa hình hút gió, các đợt không khí lạnh tràn vào dễ dàng.

Câu 3. Phân tích ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay:

* Ảnh hưởng tích cực:

- Đóng góp phần lớn GDP vào ngân sách, là khu vực sử dụng nhiều lao động, tạo việc làm, thu nhập cao cho người lao động ...

- Là thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo sức hút đối với đầu tư, tạo động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế

* Ảnh hưởng tiêu cực:

- Quá trình đô thị hóa không gắn liền với công nghiệp hóa sẽ nảy sinh các vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường.

- Gây sức ép đến vấn đề việc làm, các vấn đề an ninh - trật tự xã hội ...

Câu 4

a. Vẽ biểu đồ kết hợp (cột và đường) thể hiện sản lượng khai thác than và điện của nước ta thời kỳ 1995 - 2014.

+ Vẽ đúng dạng, chính xác, đảm bảo tính thẩm mỹ.

+ Lưu ý: Có tên biểu đồ, chú giải, hai trục tung chia đúng tỉ lệ có dấu mũi tên, chia đúng mốc năm, ghi đơn vị các trục, ghi đúng số liệu vào biểu đồ. (thiếu hoặc sai mỗi ý trừ 0,25đ)

b. Nhận xét và giải thích sự thay đổi sản lượng của ngành khai thác than và điện ở nước ta trong thời kì trên:

* Nhận xét:

- Sản lượng khai thác than, điện của nước ta thời kỳ trên đều tăng ...

- Sản lượng than tăng...(dẫn chứng)

- Sản lượng điện tăng rất nhanh...(dẫn chứng)

* Giải thích:

+ Sản lượng than, điện đều tăng do là sản phẩm của ngành công nghiệp trọng điểm, được nhà nước đầu tư và nhu cầu thị trường ngày càng lớn

+ Sản lượng than tăng nhưng đang có xu hướng giảm vì nguồn than đang bị khai thác quá mức, trong khi không có nguồn khai thác mới ...

+ Sản lượng điện tăng rất nhanh do đưa vào khai thác, vận hành hàng loạt các nhà máy điện mới với công suất lớn ...

Câu 5

a. Những điều kiện thuận lợi, khó khăn trong việc phát triển ngành công nghiệp năng lượng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

* Thuận lợi:

- Khoáng sản: Có nguồn than tập trung lớn nhất cả nước với chất lượng tốt, tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc (Quảng Ninh)...

- Thủy năng: Trữ năng thủy điện lớn nhất cả nước, riêng hệ thống sông Hồng đã chiếm 1/3 (hoặc 37%) trữ năng thủy điện cả nước...

- Nhà nước có chính sách đầu tư rất lớn trong việc xây dựng các nhà máy điện của vùng...

- CSVN kĩ thuật được nâng cao, nhu cầu thị trường lớn ...

* Khó khăn:

- Nguồn nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện đang có nguy cơ suy giảm, đặc biệt là than...

- Các nhà máy thủy điện phụ thuộc vào chế độ nước tự nhiên nên cũng có tính thất thường...

b. Các nhà máy điện của vùng: Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà, Uông Bí, Nậm Mu, Na Dương. (xác định được 5 nhà máy trở lên được 0,5đ; từ 2 - 4 nhà máy được 0,25đ)

ĐỀ SỐ 30

PHÒNG GD&ĐT CAM LỘ ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

NĂM HỌC: 2016 - 2017

MÔN: ĐỊA LÍ

Khóa ngày 21 tháng 10 năm 2016

Thời gian: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (4,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13 và kiến thức đã học. Hãy phân tích lát cắt địa hình từ C Ʊ D, theo các yêu cầu sau:

a/ Tính chiều dài thực tế lát cắt C Ʊ D?

b/ Xác định hướng của lát cắt C Ʊ D?

c/ Trình bày đặc điểm địa hình và thủy văn của lát cắt C Ʊ D?

Câu 2: (6,0 điểm)

a/ Hãy xác định tọa độ địa lí và tên địa danh thuộc chủ quyền nước ta. Biết rằng độ cao của Mặt Trời lúc giữa trưa vào ngày 22/6 là $76^{\circ}11'30''$ và địa danh này có giờ sớm hơn giờ GMT là 7h27'44,7".

b/ Biển Đông ảnh hưởng như thế nào đến thiên nhiên Việt Nam?

Câu 3 : (4,0 điểm)

Trên đường qua đèo Hải Vân, nhà thơ Tản Đà đã viết:

*"Hải Vân đèo lớn vừa qua
Mưa xuân ai bỗng đổi ra nắng hè."*

a/ Hãy xác định hướng đi và nơi nhà thơ đang đến?

b/ Bằng kiến thức địa lí hãy phân tích và giải thích hiện tượng thời tiết trên? Nêu vai trò các đèo đối với khí hậu và đời sống, hãy kể tên các đèo trên Quốc lộ 1A.

Câu 4: (4,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy:

a/ Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa ở nước ta.

b/ Làm rõ địa hình đồi núi nước ta tác động đến sự phân hóa đất như thế nào?

Câu 5: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau

Dân số và sản lượng lương thực của nước ta giai đoạn 1990- 2010

Năm	1990	1995	2000	2005	2010
Dân số (Nghìn người)	66.016,7	71.995,5	77.630,9	82.392,1	86.932,5
Sản lượng lương thực có hạt (Nghìn tấn)	19.897,7	26.142,5	34.538,9	39.621,6	44.632,5

a/ Tính lương thực bình quân theo đầu người của nước ta qua các năm từ 1990-2010.

b/ Hãy nhận xét về tình hình dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người của nước ta giai đoạn 1990-2010.

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9

Câu 1:

a, Độ dài thực tế của lát cắt C --> D:

$$12\text{cm} : 1/3.000.000 = 36.000.000\text{cm} = 360 \text{ km}$$

b, Hướng của lát cắt: Tây Bắc – Đông Nam

c, Đặc điểm địa hình và thủy văn:

* Địa hình:

- Bị cắt xẻ khá mạnh, tạo nhiều thung lũng sâu chia cắt địa hình.
- Lát cắt chạy qua các dạng địa hình: Núi cao (Phanxipăng trên dãy Hoàng Liên Sơn, núi Phu Luông), cao nguyên Mộc Châu, núi thấp Phu Pha Phong và đồng bằng Thanh Hóa.
- Hướng nghiêng chung của địa hình là Tây Bắc – Đông Nam, từ trên 3000m xuống dưới 200m.

* Thủy văn:

- Lát cắt chạy qua các sông lớn: S.Đà, S.Mã, S.Chu
- Sông chủ yếu chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam (hướng nghiêng của địa hình)
- S.Đà có giá trị rất lớn về thủy điện.

Câu 2:

a, Tìm tọa độ đại lí:

* Tìm vĩ độ:

Vào ngày 22/6, lúc giữa trưa Mặt trời chiếu vuông góc vào chí tuyến Bắc ($23^{\circ}27'N$).

Địa danh có góc nhập xạ lớn nhất lúc giữa trưa là $76^{\circ}11'30''$ thuộc chủ quyền nước ta nên nằm trong vùng nội chí tuyến sẽ có vĩ độ là: $76^{\circ}11'30'' + 23^{\circ}27' - 90^{\circ} = 8^{\circ}38'30''N$

* Tìm kinh độ:

Giờ của địa danh này sớm hơn giờ GMT là $7\text{h}27'44,7''$ địa danh này ở Bán cầu Đông.

Kinh độ của địa danh này là: $(360^{\circ} : 24\text{h}) \times 7\text{h}27'44,7'' = 111^{\circ}55'55''E$.

=> Tọa độ địa lí của địa danh này là: ($111^{\circ}55'55''E$; $8^{\circ}38'30''N$)

* Địa danh này là Cột mốc Trường Sa, thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.

b) Ảnh hưởng của Biển đông đến thiên nhiên nước ta:

* Ảnh hưởng đến khí hậu

- Làm tăng ẩm làm độ ẩm tương đối của không khí đạt cao trên 80%, làm giảm tính lục địa của bộ phận lãnh thổ phía Tây đất nước.
- Biển Đông mang đến lượng mưa, làm ẩm khối khí hậu lạnh mùa đông và làm mát khối khí nóng mùa hè.

Do đó, mặc dù nước ta nằm sát đường Chí tuyến Bắc mà quá trình hoang mạc hóa không xảy ra

* Ảnh hưởng đến địa hình: Địa hình ven biển đa dạng do có sự tác động của quá trình xâm thực, bồi tụ diễn ra trong quá trình tương tác giữa biển và lục địa. Tạo nên các vịnh, đầm phá, đảo ven biển, rạn san hô, bờ biển mài mòn, các tam giác châu thổ...

* Ảnh hưởng đến sinh vật:

- Tăng nguồn ẩm do sự trao đổi nhiệt-ẩm diễn ra hàng ngày cùng khí hậu nóng đã hình thành cảnh quan rừng nhiệt đới tiêu biểu thay thế cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc như các khu vực Tây Nam Á, Bắc Phi cùng 1 vĩ độ.
- Biển còn là yếu tố góp phần hình thành rừng ngập mặn một cảnh quan độc đáo, giàu năng suất sinh học.

* Biển Đông là nơi giàu về khoáng sản và hải sản (dẫn chứng: kho muối vô tận, mỏ dầu và khí đốt ở thềm lục địa trữ lượng lớn, cát, Titan, hàng ngàn loài hải sản, rong biển, ...)

* Biển Đông cũng là nơi xuất hiện nhiều cơn bão làm ảnh hưởng đến các yếu tố tự nhiên khác ở nước ta. Hiện tượng triều cường làm tăng cường các vùng đất ngập mặn.

Câu 3:

a) Nhà thơ đang di chuyển từ Bắc vào Nam (hoặc từ Thừa Thiên Huế vào TP. Đà Nẵng) Đây là Đèo Hải Vân thuộc vùng núi Bạch Mã, nơi chuyển tiếp của vùng khí hậu Miền Bắc và khí hậu Miền Nam.

b) * Hiện tượng thời tiết:

- Phía Bắc đèo Hải Vân có hiện tượng mưa phùn, gió bắc
- Phía Nam đèo Hải Vân thời tiết nắng nóng

* Giải thích:

Dãy Bạch Mã như một bức tường thành không những phân chia ranh giới hành chính của Thừa Thiên Huế với Quảng Nam và TP. Đà Nẵng mà nó còn là ranh giới phân chia thành 2 miền khí hậu khác nhau của nước ta.

- Phía Bắc đèo Hải Vân đón gió mùa Đông Bắc gây mưa nên có cảm giác mưa xuân.
- Phía Nam đèo Hải Vân do địa hình nên hầu như không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên nóng quanh năm.

Vai trò của đèo:

- Đối với khí hậu: Là hàng rào ranh giới giữa hai tiểu vành đai khí hậu;
- Đối với đời sống: Là chỗ dốc, cao thấp trên núi, thường là đường đi thuận tiện nhất qua một dãy núi.

Các đèo trên Quốc Lộ 1A từ Bắc vào Nam là: Sài Hồ (Lạng Sơn); Tam Điệp (Giữa Ninh Bình - Thanh Hóa); Đèo Ngang (giữa Hà Tĩnh - Quảng Bình); Hải Vân (giữa Thừa Thiên - Huế và Đà Nẵng), Cù Mông (giữa Bình Định - Phú Yên), Đèo Cả (giữa Phú Yên - Khánh Hòa)

Câu 4: Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa ở nước ta.

* Những nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa ở nước ta là: vị trí địa lí, địa hình kết hợp với hoàn lưu khí quyển (gió mùa, bão, hội tụ nhiệt đới).

* Cụ thể là:

Vị trí địa lí: nước ta tiếp giáp với Biển Đông và chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển Đông làm cho nước ta có lượng mưa lớn.

Địa hình:

- Độ cao địa hình: cùng một sườn núi, càng lên cao lượng mưa càng tăng nhưng đến một độ cao nhất định do độ ẩm không khí giảm sẽ không có mưa (dãy Hoàng Liên Sơn).
- Cùng một dãy núi thì sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió thường ít mưa, khô ráo; Hướng địa hình song song với hướng gió lượng mưa thấp. Ví dụ ở Phan Rang (Ninh Thuận) mặc dù giáp biển nhưng hướng gió Đông bắc hoặc Tây nam song song với dãy núi chạy ven biển nên khó gây mưa.

Hoàn lưu khí quyển

- Gió mùa: gió mùa mùa đông thường ít mưa (nửa đầu mùa đông ít mưa, nửa sau mùa đông có mưa phùn), gió mùa mùa hạ (gió mùa Tây Nam) thường gây mưa nhiều, nhất là các vùng đón gió.
- Mưa do frông và dải hội tụ nhiệt đới thể hiện rõ ở Duyên hải miền Trung Vào Thu-Đông do hoạt động của 2 yếu tố trên nên gây mưa lớn.
- Mưa do bão thổi từ Biển Đông vào (Trung bộ và Bắc bộ), Mưa ở vùng ven biển do gió ở vùng ven biển.

Mùa mưa ở Bắc Bộ do áp thấp Bắc Bộ hút gió nên mưa dài ngày (tháng 5 đến tháng 8)

Địa hình đồi núi nước ta tác động đến sự phân hóa đất được thể hiện:

- Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi làm cho đất có sự phân hóa theo độ cao, từ thấp lên cao có các loại đất khác nhau.
- Ở vùng đồi núi thấp quá trình xói mòn, rửa trôi diễn ra mạnh, nên đất feralít là loại đất chủ yếu ở vùng đồi núi nước ta.
- Từ 500m - 600m đến 1600m - 1700m nhiệt độ giảm, lượng mưa tăng quá trình feralít (quá trình tích tụ ô-xít sắt nhôm) yếu đi, tích lũy mùn tăng hình thành feralít có mùn.
- Từ 1600m - 1700m trở lên, khí hậu mang tính chất ôn đới quá trình feralít ngừng trệ - hình thành đất mùn alít núi cao (mùn thô).

Câu 5:

a, Tính:

Sản lượng lương thực bình quân theo đầu người

Năm	1990	1995	2000	2005	2010
Bình quân lương thực (kg/người)	301,4	365,0	444,9	480,9	513,4

b, Nhận xét

- Dân số, sản lượng lương thực, bình quân lương thực đầu người của nước ta từ năm 1990 đến 2010 đều tăng.

- Về dân số: Trong vòng 20 năm từ năm 1990 – 2010 dân số nước ta tăng thêm 20.9 triệu người, bình quân 1 năm tăng thêm hơn 1 triệu người.
- Về sản lượng lương thực: tăng thêm 2,2 lần, tăng 24743,8 nghìn tấn
- Về bình quân lương thực theo đầu người tăng từ 301.4 kg/người đến 513.4 kg/người. Tuy nhiên, do dân số đông nên bình quân lương thực tăng còn chậm.

ĐỀ SỐ 31

SỞ GD&ĐT QUẢNG BÌNH
ĐỀ THI CHÍNH THỨC

KỲ THI CHỌN HSG TỈNH NĂM HỌC
Môn: ĐỊA LÍ, LỚP 9 THCS
Khóa ngày 22/3/2017

Câu 1 (2,0 điểm)

- Vào ngày 21/3 và 23/9 tất cả mọi nơi trên Trái Đất có số giờ chiếu sáng và lượng nhiệt nhận được như nhau không? Vì sao?
- Phân tích mối quan hệ giữa đất và sinh vật.

Câu 2 (2,0 điểm) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

- Nhận xét và giải thích ảnh hưởng của gió mùa mùa đông đến chế độ nhiệt của nước ta.
- Trình bày, giải thích sự khác biệt về khí hậu giữa hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc.

Câu 3 (1,5 điểm)

- Tại sao hiện nay tốc độ gia tăng dân số đã giảm nhưng quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng?
- Giải thích về sự khác nhau giữa mật độ dân số của Tây Nguyên và Đồng bằng sông Hồng.

Câu 4 (2,5 điểm)

- So sánh tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, thủy điện giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với vùng Tây Nguyên.
- Vì sao vùng Bắc Trung Bộ cần phải sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên vùng biển, đảo. Liên hệ Quảng Bình?

Câu 5 (2,0 điểm) Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÂY CÔNG NGHIỆP XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Mặt hàng	2010	2012	2014	2015
Hạt tiêu	117,0	117,8	155,0	131,5
Cà phê	1218,0	1735,5	1691,1	1341,2
Cao su	779,0	1023,5	1071,7	1137,4

- Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm cây công nghiệp xuất khẩu chủ yếu của nước ta giai đoạn 2010 - 2015.

b. Nhận xét tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm cây công nghiệp xuất khẩu trên và giải thích.

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9

Câu 1

a. Vào ngày 21/3 và 23/9 tất cả mọi nơi trên Trái Đất có số giờ chiếu sáng và lượng nhiệt nhận được như nhau không? Vì sao?

* Giờ chiếu sáng

- Vào ngày 21/3 và 23/9, tất cả mọi nơi trên Trái Đất có số giờ chiếu sáng bằng nhau.
- Nguyên nhân: Mặt Trời lên thiên đỉnh ở xích đạo, đường phân chia sáng tối đi qua hai cực của Trái Đất.

* Lượng nhiệt nhận được

- Vào ngày 21/3 và 23/9, lượng nhiệt khác nhau, có xu hướng giảm dần từ Xích đạo về hai cực.
- Nguyên nhân: Lượng nhiệt nhận được trên Trái Đất không chỉ phụ thuộc vào số giờ chiếu sáng mà còn phụ thuộc vào các yếu tố: góc chiếu sáng, tính chất bề mặt đệm, các nhân tố khác (lượng mây...)

b. Phân tích mối quan hệ giữa đất và sinh vật.

+ Giữa sinh vật và đất: mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại. Sinh vật có vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất.

+ Sinh vật cung cấp chất hữu cơ, rễ thực vật phá hủy đá, động vật sống trong đất thay đổi tính chất lí, hóa của đất, vi sinh vật phân giải hữu cơ và tổng hợp mùn...

+ Thực vật còn có vai trò hạn chế sự xói mòn của nước, bảo vệ đất, điều hòa nhiệt độ không khí sát mặt đất.

+ Giữa đất và sinh vật: đất là địa bàn sinh sống của nhiều loài sinh vật. Đặc tính lí hóa, độ phì của đất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố thực vật.

Câu 2

a. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích ảnh hưởng của gió mùa mùa đông đến chế độ nhiệt của nước ta.

* Ảnh hưởng

- Gió mùa mùa đông làm cho nền nhiệt độ nước ta bị hạ thấp trong mùa đông. (diễn giải)
- Gió mùa mùa đông làm cho nhiệt độ miền Bắc thấp hơn miền Nam, tăng dần từ Bắc vào Nam.
- Gió mùa mùa đông góp phần làm biên độ nhiệt ở nước ta lớn và có xu hướng tăng dần từ Nam ra Bắc.
- Gió mùa mùa đông làm cho chế độ nhiệt ở nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian.

* Giải thích

- Do lãnh thổ kéo dài nên càng vào Nam gió mùa Đông Bắc càng suy yếu.
- Do địa hình (hướng và độ cao) đã ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa xuống phía Nam và sang phía Tây.

b. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam kết hợp với kiến thức đã học, hãy trình bày, giải thích khác biệt về khí hậu giữa hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc

* Sự khác biệt:

- Tiểu vùng Đông Bắc:

- Mùa đông dài và lạnh nhất cả nước, mùa đông đến sớm và kết thúc muộn.

Vì: chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc: địa hình đồi núi thấp, các cánh cung có dạng nan quạt đón gió tạo điều kiện cho các đợt không khí lạnh dễ dàng tràn sâu vào vùng.

- Mùa hạ nóng ẩm (nhiệt độ tháng 7 từ 24°C đến 28°C), mưa nhiều.

Vì: chịu ảnh hưởng của gió đông nam từ biển Đông thổi vào mang theo nhiều hơi nước gây mưa lớn.

- Tiểu vùng Tây Bắc:

- Mùa đông đến muộn và kết thúc khá sớm, ảnh hưởng của gió mùa ĐB suy giảm (ngay ở miền núi cũng chỉ có ba tháng lạnh với nhiệt độ trung bình dưới 18°C).

Vì: dãy Hoàng Liên Sơn cao trên 2000m chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam chắn gió mùa đông bắc, chỉ có những đợt gió mùa đông bắc với cường độ mạnh vào giữa đông mới vượt qua dãy núi cao này để tràn vào vùng.

- Mùa hạ đến sớm, chịu ảnh hưởng của gió tây khô nóng.

Vì: gió tây nam từ vịnh Ben - gan tới vượt qua các dải núi phía tây trên biên giới Việt - Lào bị biến tính.

Câu 3

a. Tại sao hiện nay tốc độ gia tăng dân số đã giảm nhưng quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng?

- Hiện nay tốc độ tăng dân số đã giảm chỉ còn khoảng trên 1%/năm nhưng mỗi năm dân số vẫn tăng thêm gần 1 triệu người.

- Nguyên nhân:

- Do quy mô dân số nước ta lớn năm 2007 trên 85 triệu người
- Cơ cấu dân số trẻ đã để lại số người trong độ tuổi sinh đẻ lớn

b. Giải thích về sự khác nhau giữa mật độ dân số của Tây Nguyên và Đồng bằng sông Hồng.

- Tây Nguyên:

+ MĐDS thấp (dẫn chứng)

+ Nguyên nhân: Vị trí địa lí không thuận lợi, điều kiện tự nhiên khó khăn hơn, kinh tế chậm phát triển, sx cây công nghiệp, nghề rừng là chủ yếu, tập trung nhiều dân tộc ít người, lịch sử khai thác lãnh thổ muộn.

- ĐB sông Hồng:

+ MĐDS cao nhất nước (dẫn chứng)

+ Nguyên nhân: Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên thuận lợi, lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, kinh tế phát triển, nền nông nghiệp lúa nước đòi hỏi nhiều lao động.

Câu 4

a. So sánh tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, thủy điện giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với vùng Tây Nguyên.

* Giống nhau:

- Cả hai vùng đều có những loại tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn: Trung du miền núi Bắc Bộ có than, Tây Nguyên có bôxít.
- Đều có tiềm năng lớn về thủy điện.

* Khác nhau:

- Trung du và miền núi Bắc Bộ: là vùng giàu tài nguyên khoáng sản nhất nước, nhiều loại có trữ lượng lớn:
 - Than đá: tập trung ở Quảng Ninh (chiếm 90% trữ lượng cả nước), ngoài ra còn có ở Na Dương (Lạng Sơn)...
 - Kim loại, phi kim: thiếc (Cao Bằng), sắt (Thái Nguyên, Yên Bái), chì, kẽm (Tuyên Quang); đồng, apatít (Lào Cai); sét cao lanh, đá vôi phân bố ở nhiều nơi...
 - Thủy năng: là vùng có tiềm năng thủy điện lớn nhất nước ta tập trung chủ yếu ở hệ thống sông Hồng (chiếm 37% trữ năng thủy điện của cả nước); có nhiều nhà máy thủy điện lớn như Hòa Bình, Sơn La...
- Tây Nguyên:
 - + Khoáng sản ít loại hơn, chủ yếu là bôxít với trữ lượng hàng tỉ tấn phân bố ở hầu khắp các tỉnh trong vùng.
 - + Thủy năng: đứng thứ hai sau Trung du và miền núi Bắc Bộ với các nhà máy như: Y-a-ly, Buôn Kuốp, Xê Xan...có công suất nhỏ hơn TDMNBB

b. Vì sao vùng Bắc Trung Bộ cần phải sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên vùng biển, đảo. Liên hệ Quảng Bình?

- Biển - đảo có tiềm năng lớn, mang lại nhiều giá trị kinh tế: thủy sản, khoáng sản, du lịch, GTVT..
- Môi trường biển - đảo đang có nguy cơ bị ô nhiễm nặng do chất thải công nghiệp và sinh hoạt chưa qua xử lý.
- Tài nguyên biển bị suy giảm do đánh bắt quá mức, chủ yếu đánh bắt gần bờ làm hủy diệt nguồn lợi ven bờ.
- Môi trường biển bị ô nhiễm, tài nguyên biển cạn kiệt làm suy giảm nguồn lợi hải sản, hủy diệt sinh vật biển, mất cân bằng và phá hủy nhiều môi trường sinh thái biển và ven bờ. Ảnh hưởng đến nhiều ngành kinh tế biển và đời sống nhân dân toàn vùng.

* Liên hệ ở Quảng Bình

Môi trường biển QB đang bị ô nhiễm do chất thải công nghiệp Vũng Áng, các hoạt động kinh tế như nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch và các hoạt động kinh tế khác bị ngưng trệ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần phải có kế hoạch nghiên cứu kỹ càng trong việc quy hoạch, phát triển các khu công nghiệp và kinh tế ven biển.

Câu 5

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm cây công nghiệp xuất khẩu chủ yếu của nước ta giai đoạn 2010 - 2015.

• Xử lý số liệu:

Mặt hàng	2010	2012	2014	2015
Hạt tiêu	100	100,7	132,5	112,4

Cà phê	100	142,5	138,8	110,1
Cao su	100	131,4	137,6	146

- Vẽ biểu đồ: Biểu đồ đường (các dạng biểu đồ khác không cho điểm)
- Yêu cầu: Chính xác, có tên biểu đồ, chú giải, tỷ lệ. Thiếu mỗi ý trừ 0,25 đ

Nhận xét tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm cây công nghiệp xuất khẩu trên và giải thích.

* Nhận xét:

- Giai đoạn 2010 - 2015, các sản phẩm cây công nghiệp xuất khẩu đều tăng, tuy nhiên tốc độ tăng không giống nhau (DC).
- Cao su có tốc độ tăng nhanh nhất, tiếp đến là hạt tiêu và chè (DC)

* Giải thích:

- Các sp cây công nghiệp xuất khẩu đều tăng, sp cao su tăng nhanh nhất do nước ta tăng cường hội nhập, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để sx cây công nghiệp nhiệt đới, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, chính sách của nhà nước...

ĐỀ SỐ 32

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 – VÒNG 2 NĂM HỌC: 2016 - 2017

Môn: Địa Lý Thời gian làm bài 150 phút

Câu 1 (2.0 điểm)

Vẽ hình thể hiện sự phân bố các đai khí áp trên Trái Đất.

Giải thích nguyên nhân thay đổi khí áp trên Trái Đất.

Câu 2 (2.0 điểm)

Trình bày đặc điểm vị trí địa lý của nước ta, giải thích tại sao thiên nhiên nước ta khác hẳn với thiên nhiên một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á, Bắc Phi?

Câu 3 (1.0 điểm)

Trình bày những thế mạnh, hạn chế của nguồn lao động nước ta.

Câu 4 (3.0 điểm) Cho bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế của nước ta.

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Ngành Năm	Tổng số	Nông - Lâm - Ngư nghiệp	Công nghiệp - Xây dựng	Dịch vụ
2000	441,7	108,4	162,2	171,1
2015	2.545,9	462,5	982,4	1.101,2

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015

- Vẽ biểu đồ thể hiện quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2015.

- Nhận xét và giải thích sự thay đổi quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế từ năm 2000 - 2015 ở nước ta.

Câu 5 (2,0 điểm)

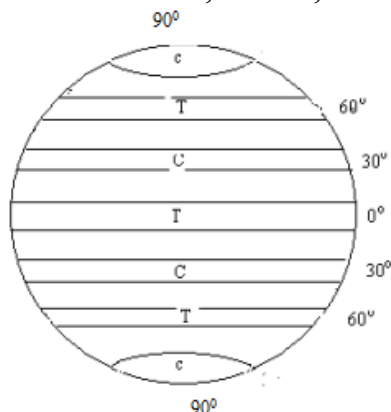
Phân tích những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ.

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9

Câu 1.

1. Vẽ hình thể hiện sự phân bố các đai khí áp trên Trái Đất.

- Vẽ chính xác, có tên, chú thích đầy đủ sự phân bố các đai khí áp trên Trái Đất



Chú thích: C: áp cao

T: áp thấp

(hoặc ghi tên đai khí áp trên hình vẽ)

2. Giải thích nguyên nhân thay đổi khí áp trên Trái Đất

- Khí áp thay đổi theo độ cao: càng lên cao không khí càng loãng nên sức nén giảm, khí áp giảm.

- Khí áp thay đổi theo nhiệt độ:

+ Nhiệt độ tăng làm không khí nở ra, tỉ trọng giảm, khí áp giảm. (Hoặc ở xích đạo (0°) nhiệt độ cao không khí nóng nở ra bốc lên cao sức ép không khí nhẹ, khí áp giảm)

+ Nhiệt độ giảm làm không khí co lại, tỉ trọng tăng, khí áp tăng. (Hoặc 2 cực nhiệt độ không khí thấp (lạnh) không khí co lại, sức ép lớn khí áp tăng).

- Thay đổi theo độ ẩm: Không khí chứa hơi nước nhẹ hơn không khí khô, vì thế không khí nhiều hơi nước khí áp giảm. Nhiệt độ cao, hơi nước bốc lên nhiều làm khí áp giảm.

Câu 2

1. Đặc điểm vị trí địa lý của nước ta

+ Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

+ Tọa độ địa lý: cực Bắc: $23^{\circ}23'B$ (Lũng Cú - Đồng Văn - Hà Giang).

+ Cực Nam: $8^{\circ}34'B$, (Đất Mũi - Ngọc Hiển - Cà Mau); cực Đông: $109^{\circ}24'D$, (Vạn Thạnh - Vạn Ninh - Khánh Hòa); cực Tây: $102^{\circ}09'D$, (Sín Thầu - Mường Nhé - Điện Biên). Vậy nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến ở Bắc Bán Cầu.

+ Ngoài khơi các đảo của nước ta còn kéo dài đến khoảng vĩ độ $6^{\circ}50'B$ và từ $101^{\circ}Đ$ đến khoảng $117^{\circ}20'D$ trên Biển Đông.

2. Giải thích tại sao thiên nhiên nước ta khác hẳn với thiên nhiên một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á, Bắc Phi?

- Vị trí địa lý nước ta quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Nước ta luôn chịu tác động bởi các loại gió mùa điển hình trên thế giới, nên khí hậu nước ta có hai mùa rõ rệt.
- Tác động của các khối khí khi di chuyển qua biển kết hợp với vai trò của Biển Đông.
- Nguồn dự trữ nhiệt, ẩm dồi dào đã làm cho thiên nhiên nước ta giàu sức sống, thảm thực vật bốn mùa xanh tốt khác hẳn với một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Nam Á, Bắc Phi.

Câu 3. Trình bày những thế mạnh, hạn chế của nguồn lao động nước ta.

* Thế mạnh:

- Nguồn lao động dồi dào, gia tăng nhanh, mỗi năm trung bình tăng khoảng 1 triệu lao động.
- Người lao động nước ta cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm trong sản xuất, có khả năng ứng dụng nhanh khoa học kỹ thuật.
- Chất lượng lao động ngày càng tăng lên.

* Hạn chế: thể lực và trình độ chuyên môn còn thấp (hoặc tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm tỉ lệ lớn); ý thức kỷ luật lao động của một bộ phận lao động chưa cao...

Câu 4.

1. Vẽ biểu đồ thể hiện quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2015

Ngàn h Năm	Tổng số	Nông - Lâm - Ngư nghiệp	Công nghiệp - Xây dựng	Dịch vụ
2000	100	24,6	36,7	38,7
2015	100	18,2	38,6	43,2

- Xử lý số liệu: Bảng số liệu thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế của nước ta (%)

+ Vẽ hai biểu đồ hình tròn có bán kính khác nhau, R năm 2015 > 2000. Có tên biểu đồ, chú giải, số liệu...

2. Nhận xét và giải thích sự thay đổi quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế từ năm 2000 – 2015 ở nước ta.

+ Nhận xét:

- Quy mô tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế tăng nhanh, tăng 2.104,2 nghìn tỉ đồng gấp hơn 5,7 lần.
- Cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành có sự thay đổi khá mạnh: các ngành nông – lâm – ngư nghiệp giảm 6,4%; các ngành công nghiệp – xây dựng tăng chậm 1,9%, dịch vụ tăng 4,5%.

+ Giải thích: Trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2015 có sự thay đổi về quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành kinh tế là do đất nước ta bước vào công cuộc đổi mới, kinh tế ngày càng phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 5

Phân tích những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ.

* Thuận lợi:

- Vị trí địa lý, lãnh thổ kéo dài, tất cả các tỉnh đều giáp biển phía đông, phía tây giáp Lào, là cầu nối giữa hai miền Bắc - Nam, là cửa ngõ thông ra biển của Lào và các nước tiểu vùng sông Mê - Kông, thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế.
- Tài nguyên đất, có đất cát pha, feralit...thuận lợi phát triển các cây công nghiệp hàng năm, cây công nghiệp lâu năm, đồng cỏ chăn nuôi...
- Tài nguyên khoáng sản có một số loại giá trị cao như: sắt, thiếc, crôm, vật liệu xây dựng...để phát triển công nghiệp.
- + Rừng có diện tích khá lớn khoảng 2,5 triệu ha, có nhiều gỗ, lâm sản có giá trị.
- + Các sông có trữ năng thủy điện khá lớn: hệ thống sông Cả, sông Mã...
- + Bờ biển dài, nhiều đầm phá, có nhiều bãi tôm bãi cá, bãi tắm, đảo... tạo thuận lợi cho đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch biển, giao thông vận tải biển...

* Khó khăn:

- + Mùa hạ hiện tượng gió phơn thổi mạnh, thời tiết nóng khô...
- + Các hiện tượng thời tiết thất thường như hạn hán, bão, lũ lụt, triều cường gây khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt...

ĐỀ SỐ 33

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 THCS CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2016 – 2017

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 ĐIỂM)

Hãy chọn phương án đúng nhất (Làm vào giấy thi)

Câu 1. Điểm cực Bắc của nước ta nằm ở:

- A. Xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang B. Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
- C. Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa D. Xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

Câu 2. Biên giới trên đất liền nước ta không tiếp giáp với quốc gia nào sau đây:

- A. Trung Quốc B. Thái Lan C. Lào D. Cam - pu - chia

Câu 3. Nội thủy là:

- A. Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
- B. Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở.
- C. Vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.
- D. Vùng biển rộng 24 hải lý tính từ đường cơ sở.

Câu 4. Trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước thì lực lượng lao động trong các khu vực kinh tế ở nước ta sẽ chuyển dịch theo hướng:

- A. Tăng dần tỉ trọng lao động trong khu vực sản xuất công nghiệp, xây dựng.
- B. Giảm dần tỉ trọng lao động trong khu vực dịch vụ.
- C. Tăng dần tỉ trọng lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp
- D. Tăng dần tỉ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Câu 5. Khó khăn lớn nhất đối với ngành khai thác thủy sản của nước ta là:

- A. Nguồn tài nguyên thủy sản nước ta đang ngày càng suy giảm
- B. Nguồn lao động có trình độ còn ít
- C. Thiếu các loại tàu thuyền công suất lớn và thiết bị đánh bắt hiện đại
- D. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các vùng biển ngày càng gia tăng

Câu 6. Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về:

- A. Nhiệt điện, điện gió.
- B. Thủy điện, điện gió.
- C. Nhiệt điện, thủy điện.
- D. Thủy điện, điện nguyên tử

Câu 7. Khó khăn thường xuyên đối với giao lưu kinh tế ở vùng miền núi nước ta là:

- A. Động đất.
- B. Khan hiếm nước.
- C. Địa hình bị chia cắt mạnh, sườn dốc.
- D. Thiên tai (lũ quét, xói mòn, trượt lở đất).

Câu 8. Việc hình thành cơ cấu nông lâm ngư nghiệp vùng Bắc Trung Bộ tạo ra ý nghĩa lớn nhất là:

- A. Tạo nên thế liên hoàn trong phát triển kinh tế
- B. Giải quyết việc làm cho người lao động
- C. Hình thành nên các sản phẩm thế mạnh của vùng
- D. Giúp hình thành các mô hình sản xuất mới

Câu 9. Để nâng cao hiệu quả sản xuất cây công nghiệp lâu năm vùng Tây Nguyên cần:

- A. Mở rộng diện tích trồng các loại cây công nghiệp
- B. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm cây công nghiệp
- C. Mở rộng mạng lưới giao thông giúp vận chuyển sản phẩm dễ dàng
- D. Hỗ trợ nguồn vốn cho người dân phát triển sản xuất

Câu 10. Đi từ Bắc vào Nam trên lãnh thổ nước ta, lần lượt qua các đèo:

- A. Đèo Ngang, đèo Hải Vân, đèo Cả, đèo Cù Mông
- B. Đèo Ngang, đèo Cù Mông, đèo Cả, đèo Hải Vân
- C. Đèo Ngang, đèo Hải Vân, đèo Cù Mông, đèo Cả
- D. Đèo Ngang, đèo Cù Mông, đèo Hải Vân, đèo Cả

Câu 11. Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là:

- A. Gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. Có 4 cánh cung lớn.
- C. Địa hình cao và đồ sộ nhất nước ta.
- D. Địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 12. Đất Feralit phát triển trên đá ba dan (đất đỏ ba dan) tập trung nhiều nhất ở vùng nào của nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Đông Nam Bộ

Câu 13. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam (trang 25), hãy cho biết các trung tâm du lịch có ý nghĩa quốc gia của nước ta là:

- A. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh
- B. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh

C. Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang, Thành phố Hồ Chí Minh D. Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ

Câu 14. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam (trang 26), hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây không thuộc vùng đồng bằng sông Hồng: A. Hà Nội B. Hải Phòng C. Bắc Ninh D. Bắc Giang

Câu 15. Ngành nào sau đây không được xem là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

A. Năng lượng. B. Chế biến lương thực, thực phẩm. C. Dệt - may. D. Luyện kim.

Câu 16. Từ vĩ tuyến 16°B trở vào, gió thịnh hành vào mùa đông là:

A. Gió Đông Bắc thổi từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Bắc. B. Gió Tây Nam thổi từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu nam.

C. Gió mùa Đông Bắc thổi từ áp cao cận cực
Ấn Độ Dương.

D. Gió Tây Nam thổi từ cao áp ở

Câu 17. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, các trung tâm du lịch có ý nghĩa vùng của Trung du và miền núi Bắc Bộ là: A. Hạ Long, Thái Nguyên. B. Hạ Long, Điện Biên Phủ. C. Hạ Long, Lạng Sơn. D. Thái Nguyên, Việt Trì.

Câu 18. Mùa khô ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ rất sâu sắc vì?

A. Gió Mậu Dịch nửa cầu Bắc thống trị. B. Gió Mậu Dịch nửa cầu Nam thống trị.

C. Gió Tây Nam vịnh Bengan thống trị. D. Gió Đông Bắc hoàn toàn không ảnh hưởng

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào dưới đây không thuộc Bắc Trung Bộ? A. Vũng Áng. B. Nghi Sơn C. Hòn La. D. Chu Lai.

Câu 20. Lãnh thổ Việt Nam nằm gần trung tâm của khu vực châu Á gió mùa, là nơi:

A. Các khối khí hoạt động tuần hoàn, nhịp nhàng. B. Gió mùa mùa hạ hoạt động quanh năm.

C. Gió mùa mùa đông hoạt động quanh năm.

D. Giao tranh của các khối khí hoạt động theo mùa.

II. PHẦN TỰ LUẬN (12,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học.

a. Hãy cho biết những biểu hiện nào phản ánh quá trình đô thị hoá ở nước ta đang diễn ra với tốc độ cao nhưng trình độ đô thị hoá vẫn còn thấp.

b. Giải thích vì sao đô thị là nơi dân cư tập trung đông đúc?

Câu 2 (3,0 điểm)

a. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích sự phân bố trâu, bò, lợn ở nước ta.

b. Phân tích những điều kiện thuận lợi về tự nhiên để phát triển ngành công nghiệp điện lực của nước ta.

Câu 3 (3,5 điểm)

Căn cứ vào bảng số liệu sau:

Sản lượng thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2010
(Đơn vị: tấn)

Hoạt động	Vùng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ
Nuôi trồng		97.122	77.850
Khai thác		252.678	684.974

- a. So sánh tình hình phát triển ngành thủy sản của vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
b. Vì sao có sự chênh lệch về sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác giữa hai vùng.

Câu 4 (3,5 điểm)

Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 2005 - 2012

Năm	2005	2007	2010	2012
Diện tích (nghìn ha)	7329,2	7207,4	7489,4	7761,2
Trong đó: Diện tích lúa mùa (nghìn ha)	2037,8	2015,5	1967,5	1977,8
Sản lượng (nghìn tấn)	35832,9	35942,7	40005,6	43737,8

- a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 2005 - 2012.
b. Nhận xét và giải thích tình hình sản xuất lúa của nước ta trong giai đoạn trên.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN ĐỊA LÝ LỚP 9

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm). Mỗi câu trả lời đúng cho 0,4 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	A	D	C	C	C	A	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	B	B	D	D	A	C	A	D	D

II. PHẦN TỰ LUẬN (12,0 điểm)

Câu 1

a. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15 và kiến thức đã học: Những biểu hiện phản ánh quá trình đô thị hoá ở nước ta đang diễn ra với tốc độ cao nhưng trình độ đô thị hoá vẫn còn thấp là:

- Tốc độ đô thị hoá cao:
- Tỷ lệ dân thành thị nước ta tăng khá nhanh: Năm 1960 là 15,7% đến năm 2007 là 27,4%.
- Mạng lưới đô thị phát triển cả về số lượng và quy mô các thành phố

- Trình độ đô thị hoá thấp
- Tỷ lệ dân thành thị của nước ta còn thấp so với các nước trong khu vực.
- Quy mô các đô thị phần lớn là vừa và nhỏ. Số lượng các đô thị trên 1 triệu dân không nhiều.
- Cơ sở hạ tầng của các đô thị (hệ thống giao thông, điện, nước, các công trình phúc lợi xã hội...) vẫn còn ở mức thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- b, Đô thị là nơi dân cư tập trung đông đúc vì:
 - + Đô thị là nơi tập trung các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Có khả năng tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động.
 - + Chất lượng cuộc sống cao, tâm lý dân cư thích sống ở đô thị.
 - + Có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại, có sức hút đối với nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Câu 2

a, Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18,19 và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố trâu, bò, lợn ở nước ta.

- * Trâu, bò, lợn được nuôi ở khắp các vùng trong cả nước.
- * Nguyên nhân: Trâu, bò, lợn là vật nuôi phổ biến ở các vùng nước ta từ lâu đời. Hầu hết các địa phương đều có điều kiện để chăn nuôi

- Trâu:

- + Tập trung nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; các vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long số lượng ít
- + Nguyên nhân: Trâu được nuôi để lấy thịt, sức kéo...; trâu khoẻ hơn bò, ưa ẩm, chịu rét giỏi hơn bò, dễ thích nghi với điều kiện chăn thả trong rừng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

- Bò:

- + Được nuôi nhiều ở Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên, ít ở đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng Sông Cửu Long; riêng ven Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có chăn nuôi bò sữa.
- + Nguyên nhân: Bò được nuôi để lấy thịt, sữa là chủ yếu. Bò thích nghi với nơi ẩm, khô, giàu thức ăn.

- Lợn:

- + Được nuôi nhiều ở các tỉnh đồng bằng, tập trung nhiều nhất ở đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng Sông Cửu Long, Trung du và miền núi Bắc Bộ
- + Nguyên nhân: Lợn được nuôi để lấy thịt, tận dụng phân bón ruộng..., thức ăn chủ yếu là tinh bột, thực phẩm từ các nhà máy chế biến công nghiệp.

b, Những điều kiện thuận lợi về tự nhiên để phát triển ngành công nghiệp điện lực của nước ta.

- + Than Antraxit tập trung chủ yếu ở Quảng Ninh, trữ lượng hơn 3 tỷ tấn, ngoài ra còn có than bùn, than nâu. Đây là cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện sử dụng than
- + Dầu khí của nước ta tập trung chủ yếu ở thềm lục địa phía Nam (Bà Rịa – Vũng Tàu), trữ lượng vài tỷ tấn dầu và hàng trăm tỷ m³ khí. Đây là cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy điện sử dụng dầu mỏ, khí đốt.

+ Thủy năng: Tiềm năng rất lớn, tập trung chủ yếu ở hệ thống Sông Hồng (37%), hệ thống sông Đồng Nai (19%).

+ Các nguồn năng lượng khác như: Sức gió, năng lượng mặt trời, thủy triều, địa nhiệt... ở nước ta dồi dào

Câu 3

a. Dựa vào bảng số liệu so sánh tình hình phát triển thủy hải sản của vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ năm 2010.

+ Giống nhau: Cả hai vùng đều phát triển mạnh về khai thác, nuôi trồng chiếm sản lượng nhỏ hơn. (dẫn chứng)

+ Khác nhau:

- Tổng sản lượng thủy sản của Duyên Hải Nam Trung Bộ lớn hơn Bắc Trung Bộ (gấp 2,2 lần).

- Sản lượng khai thác của Duyên Hải Nam Trung Bộ lớn hơn so với Bắc Trung Bộ (gấp 2,7 lần).

- Sản lượng nuôi trồng của Bắc Trung Bộ cao hơn Duyên Hải Nam Trung Bộ (gấp 1,2 lần).

- Sự chênh lệch về sản lượng thủy hải sản giữa nuôi trồng và khai thác ở Duyên Hải Nam Trung Bộ cao hơn Bắc Trung Bộ.

- Duyên hải Nam Trung Bộ, khai thác gấp 8,8 lần nuôi trồng.

- Bắc Trung Bộ, khai thác gấp 2,6 lần nuôi trồng).

b. có sự chênh lệch về sản lượng thủy hải sản nuôi trồng và khai thác giữa hai vùng chủ yếu do

+ Bắc Trung Bộ có lợi thế hơn Duyên Hải Nam Trung Bộ về diện tích mặt nước có thể khai thác để nuôi trồng thủy sản, bờ biển có nhiều đầm phá nông, nhiều bãi triều, nhiều diện tích mặt nước, biển nông...

+ Duyên Hải Nam Trung Bộ có nhiều bãi cá bãi tôm lớn. Có hai ngư trường trọng điểm là Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu và ngư trường Hoàng Sa - Trường Sa.....

Câu 4

a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 2005 - 2012.

* Yêu cầu: (Mỗi sai sót trừ 0,25 điểm)

• Biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ kết hợp cột chồng và đường, Các dạng khác không cho điểm.

• Vẽ chính xác theo số liệu đã cho.

• Đúng khoảng cách: Có chú giải và tên biểu đồ

b. Nhận xét và giải thích tình hình sản xuất lúa của nước ta trong giai đoạn trên.

* Nhận xét:

• Diện tích lúa có biến động theo từng giai đoạn (dẫn chứng).

• Diện tích lúa mùa có xu hướng giảm (dẫn chứng).

• Sản lượng lúa của nước ta tăng liên tục qua các năm (dẫn chứng).

* Giải thích:

- Diện tích giảm là do một phần diện tích đất nông nghiệp chuyển thành đất ở, và chính sách chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Nhưng giai đoạn 2007 - 2012 tăng là do mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.....
- Diện tích lúa mùa giảm là do thiên tai, sâu bệnh....
- Sản lượng lúa tăng là do thâm canh, mở rộng diện tích đất.

ĐỀ SỐ 34

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH NĂM HỌC 2015 – 2016 MÔN: ĐỊA LÝ LỚP

Câu 1. (4,0 điểm)

Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, em hãy:

1. Nhận xét sự phân bố dân cư và đô thị của vùng Đồng bằng sông Hồng.
2. Tại sao vùng Đồng bằng sông Hồng tập trung đông dân cư nhất cả nước?

Câu 2. (5,0 điểm)

1. Ý nghĩa của việc phát triển cây công nghiệp? Trình bày sự phát triển và phân bố cây công nghiệp nước ta.
2. Giải thích sự phân bố của cây chè và cây cao su.

Câu 3. (5,5 điểm)

1. Đông Nam Bộ có những điều kiện thuận lợi gì để phát triển các ngành dịch vụ?
2. *"Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long riêng cái tên cũng đã có một mãnh lực lôi cuốn sự chú ý thực sự. Có lẽ từ khi ông cha ta, trên bước tiến ngàn dặm của mình, lần đầu tiên đến đây cũng phải ngất ngưởng như chúng ta ngày nay lúc đột nhiên nhìn thấy một đồng bằng mênh mông xúng với cái tên của nó, những dòng sông có bờ xa tít tắp ngày đêm mài miết vận chuyển những lượng phù sa lớn ra biển khơi, những đồng bằng nhiệt đới rộng một cách kỳ lạ, những vùng nửa đất, nửa nước biểu thị sự tranh chấp đang còn tiếp diễn giữa đất liền và biển cả... Sau hơn ba trăm năm bị con người chinh phục, lãnh thổ này vẫn còn giữ được sức quyến rũ của một miền đất mới..."*

(Thiên nhiên Việt Nam - Lê Bá Thảo – NXBGD,

2006)

Từ thông tin trên kết hợp với hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu về du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long với du khách trong và ngoài nước nhân năm du lịch quốc gia 2016 với chủ đề: "Khám phá Đất Phương Nam".

Câu 4. (5,5 điểm)

1. Cho bảng số liệu: Giá trị sản xuất của một số ngành công nghiệp trọng điểm (Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Nghành	Năm	2004	2006	2009	2011	2013
Công nghiệp khai thác nhiên liệu		93,4	111,9	181,2	246,8	366,7
Công nghiệp dệt may		107,4	155,3	259,1	426,9	555,4
Công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm		134,6	264,1	428,5	640,6	1 012,4

(Nguồn: Website Tổng cục thống kê Việt Nam-www.gso.gov.vn)

- Vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành công nghiệp trên giai đoạn 2004 - 2013.
 - Nêu nhận xét và giải thích.
2. Chứng minh ngành công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH MÔN ĐỊA LÝ LỚP 9

Câu 1

1. Nhận xét sự phân bố dân cư, đô thị ở Đồng bằng Sông Hồng: 2,5 đ

* Về dân cư:

- Đồng bằng sông Hồng tập trung đông dân cư nhất cả nước (dẫn chứng), các tỉnh đều có mật độ dân số cao (dẫn chứng). 0,5 đ
- Dân cư Đồng bằng sông Hồng phân bố không đồng đều: 0,5 đ
- + Các tỉnh thành thuộc khu vực trung tâm châu thổ như: Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình... có mật độ dân số rất cao, từ 1000 - 2000 người/km². 0,25 đ
- + Mật độ thấp hơn trên, từ 500 - 1000 người/km² nhưng vẫn cao so với trung bình cả nước là các tỉnh tiếp giáp vùng trung du và phía nam như Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình... 0,25 đ

* Về đô thị:

- Đồng bằng sông Hồng có nhiều đô thị, tập trung mật độ đô thị cao. 0,25 đ
- Có đô thị lớn nhất đạt quy mô trên 1 triệu người là Hà Nội, (đô thị đặc biệt); Hải Phòng là đô thị loại 1 (thành phố trực thuộc Trung ương) 0,25 đ
- Đô thị loại 2 quy mô trên 500 - 1.000.000 người (dẫn chứng). 0,25 đ
- Đô thị loại 3 và cấp nhỏ hơn (dẫn chứng). 0,25 đ

2. Đồng bằng sông Hồng tập trung đông dân cư vì: 1,5 đ

- Đồng bằng sông Hồng có điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu...), vị trí địa lý thuận lợi cho việc cư trú của dân cư. (0,5đ)
- Đồng bằng sông Hồng có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, nghề trồng lúa nước, nghề thủ công truyền thống cần nhiều lao động. (0,5 đ)
- Các điều kiện kinh tế - xã hội, mức độ tập trung công nghiệp, dịch vụ vào loại cao nhất cả nước thu hút lượng người nhập cư lớn. (0,5 đ)

Câu 2

1. Ý nghĩa của phát triển cây công nghiệp: 1,0 đ

- + Đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu có giá trị cao, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng.
- + Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường nhất là ở vùng trung du, miền núi.
- + Tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân.

+ Góp phần phân bố lại dân cư, lao động giữa các vùng và phát triển kinh tế- xã hội ở vùng trung du và miền núi.

* Sự phát triển và phân bố cây công nghiệp nước ta: 3,5 đ

- Cơ cấu cây công nghiệp nước ta đa dạng, gồm: 0,25 đ

+ Cây công nghiệp hàng năm: Lạc, đậu tương, mía, dâu tằm, bông, thuốc lá. 0,25 đ

+ Cây công nghiệp lâu năm: Cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, chè, dừa. 0,25 đ

- Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngày càng mở rộng trong đó diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh hơn (dẫn chứng). 0,5 đ

- Giá trị sản xuất cây công nghiệp tăng nhanh (dẫn chứng). 0,5 đ

- Tỷ trọng giá trị sản xuất cây công nghiệp trong tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt tăng (dẫn chứng). 0,25 đ

- Phân bố:

+ Cây công nghiệp nước ta phân bố rộng khắp; cây công nghiệp hàng năm phân bố chủ yếu ở đồng bằng. Cây công nghiệp lâu năm phân bố ở trung du, miền núi. 0,5 đ

+ Các vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất là Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Trung du và Miền núi Bắc Bộ. Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước. 0,5 đ

+ Các sản phẩm cây công nghiệp không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu với giá trị cao, một số sản phẩm chiếm giữ vị trí quan trọng như điều, cao su, cà phê.... 0,5 đ

2. Giải thích sự phân bố: 1,5 đ

* Cây chè:

- Chè là cây công nghiệp cận nhiệt đới, thích hợp với đất feralit. 0,25 đ

- Trung du và Miền núi Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới gió mùa, Tây Nguyên có khí hậu nhiệt đới núi cao mát mẻ thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển cho cây chè nên đây là 2 vùng trồng chè lớn nhất cả nước. 0,5 đ

* Cây Cao su:

- Cao su là cây công nghiệp nhiệt đới, thích hợp với khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều, ít gió mạnh, đất badan hoặc đất xám. 0,25 đ

- Đông Nam Bộ và Tây Nguyên có khí hậu nhiệt đới cận xích đạo nóng, ẩm, mưa theo mùa, ít gió mạnh nên cây cao su sinh trưởng, phát triển tốt. Hai vùng này trở thành vùng trồng cao su lớn nhất cả nước. 0,5 đ

Câu 3

1. Vùng Đông Nam Bộ có những điều kiện thuận lợi để phát triển dịch vụ: 2,5 đ

+ Ưu thế về vị trí địa lý rất thuận lợi nằm ở trung tâm của các vùng phía Nam... 0,5 đ

+ Dân số đông, nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao, mạng lưới đô thị phát triển, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và cơ cấu dịch vụ của vùng. 0,5 đ

+ Đây là vùng có trình độ phát triển kinh tế nhất cả nước, mức sống và thu nhập của người dân cao ảnh hưởng đến sức mua và nhu cầu dịch vụ, hoạt động ngoại thương nên dẫn đầu cả nước về nhiều chỉ tiêu dịch vụ. 0,5 đ

- + Tài nguyên thiên nhiên khá phong phú, di sản văn hóa, lịch sử, cơ sở hạ tầng du lịch hoàn chỉnh nhất cả nước. Có đầu mối giao thông quan trọng với đầy đủ các loại hình giao thông vận tải và mạng lưới giao thông, thông tin liên lạc rất phát triển. 0,5 đ
- + Tất cả những ưu thế trên cũng tạo điều kiện quan trọng để vùng dẫn đầu cả nước thu hút đầu tư, riêng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài chiếm hơn 50% cả nước. 0,5 đ

2. Bài viết phải đảm bảo những ý chính sau: 3,0 đ

- Đây là vùng giàu tiềm năng để phát triển du lịch: 0,5 đ
- Vị trí thuận lợi dễ dàng kết nối với các tuyến du lịch trong và ngoài nước, đặc điểm dân cư, giá trị văn hóa... 0,5 đ
- Địa hình độc đáo, sinh vật phong phú nhất là hệ sinh thái ngập mặn, tài nguyên biển, đảo nổi tiếng là đảo ngọc - Phú Quốc. 0,5 đ
- Nhiều sản phẩm du lịch độc đáo: Sông nước, miệt vườn, du lịch sinh thái, các lễ hội mang đậm chất phương Nam như lễ hội trái cây, đua thuyền, đàn ca tài tử... 0,5 đ
- Năm du lịch quốc gia với chủ đề khám phá Đất Phương Nam diễn ra từ tháng 4/2016 có 65 sự kiện được tổ chức nhằm góp phần phát triển du lịch gắn với bảo vệ tài nguyên biển đảo, quảng bá những giá trị to lớn về du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long... 0,5 đ
- Yêu cầu về diễn đạt: Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng yêu cầu bài viết gọn, giàu cảm xúc, thể hiện được năng lực hiểu biết thực tiễn gắn với kiến thức của học sinh. 0,5 đ

Câu 4:

1. Xử lý số liệu TỐC ĐỘ TĂNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP (Đơn vị: %)

Ngành	Năm	2004	2006	2009	2011	2013
Công nghiệp khai thác nhiên liệu	100	119,8	194,0	264,2	392,6	
Công nghiệp dệt may	100	144,6	241,2	397,5	517,1	
Công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm	100	196,2	318,4	475,9	752,2	

- Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng đầy đủ các yêu cầu. 1,5 đ
- Nhận xét và giải thích: 1,5 đ
 - Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng các ngành công nghiệp trọng điểm trên liên tục tăng nhanh nhưng không đều giữa các ngành. 0,5 đ
 - Công nghiệp khai thác nhiên liệu tăng do đẩy mạnh khai thác dầu thô, than, đổi mới công nghệ khai thác... (Dẫn chứng...) 0,25 đ
 - Công nghiệp dệt may tăng nhanh do thị trường xuất khẩu mở rộng (nước ta gia nhập WTO...), đổi mới công nghệ, nâng cao sản lượng... (Dẫn chứng...) 0,25 đ

- Công nghiệp chế biến lương thực-thực phẩm tăng nhanh do nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định, thị trường đầu ra mở rộng, đổi mới công nghệ, thu hút đầu tư mở rộng sản xuất... (Dẫn chứng...) 0,5 đ

2. Công nghiệp năng lượng là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta, vì: 2,0 đ

- Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp (dẫn chứng). 0,5 đ
- Được phát triển dựa trên thế mạnh lâu dài về tài nguyên thiên nhiên: nguồn khoáng sản than, dầu khí dồi dào, thủy năng và các nguồn năng lượng khác. (Dẫn chứng). 0,5 đ
- Đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước: than, dầu khí, điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt; công nghiệp hoá, hiện đại hoá... Dầu thô, than đều là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn của nước ta. 0,5 đ
- Góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Sự phát triển của công nghiệp năng lượng thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế khác về các mặt: Quy mô ngành, kĩ thuật - công nghệ, chất lượng sản phẩm, đồng thời thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. 0,5 đ

ĐỀ SỐ 35

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÙ NINH

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC 2015-2016

Câu 1 (4,0 điểm): Dựa vào Atlát Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trên lãnh thổ nước ta.

Câu 2 (2,0 điểm): Chứng minh Việt Nam là nước đông dân, cơ cấu dân số trẻ, mật độ dân số cao. Vì sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh?

Câu 3 (5,0 điểm): Phân tích các nhân tố tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta.

Câu 4 (5,0 điểm): Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

1. Hãy phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội của vùng Đồng bằng Sông Hồng?

2. Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng Nông Lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 5 (4,0 điểm) Cho bảng số liệu sau: **Diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 2010** (Đơn vị: nghìn ha)

Năm	1990	1995	2000	2007	2010
Cây công nghiệp hàng năm	542,0	716,7	778,1	864,0	797,6
Cây công nghiệp lâu năm	657,3	902,3	1.451,3	1.821,0	2.010,5
Tổng số	1.199,3	1.619,0	2.229,4	2.685,0	2.808,1

Em hãy:

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 1990 2010.

2. Nhận xét về tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 1990-2010 và giải thích vì sao diện tích cây công nghiệp lâu năm liên tục tăng?

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9

Câu 1 (4,0 điểm): Dựa vào Atlát Địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trên lãnh thổ nước ta.

- Lượng mưa trung bình năm khá lớn, TB 1500mm - 2000mm do ảnh hưởng của biển, gió Tây nam ẩm ướt và bức chắn địa hình. (0,5đ)
 - Lượng mưa phân hóa theo mùa với 1 mùa mưa và mùa khô rõ rệt trong năm do chịu sự chi phối của hoàn lưu gió mùa. (0,5đ)
 - Mùa khô từ tháng 11 - 4, mưa ít, lượng mưa thấp do tác động của gió mùa Đông Bắc lạnh khô và Tín phong khô nóng. (0,25đ)
 - Mùa mưa từ tháng 5 - 10, mưa nhiều, lượng mưa lớn do gió tây nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)
 - Thời gian mùa mưa và mùa khô khác nhau giữa các khu vực, các địa phương. (0,25đ)
- Miền Nam, miền Bắc và Tây Nguyên: mưa vào hạ - thu (tháng 5 - 10) do gió mùa Tây Nam ẩm ướt. (0,25đ)

Duyên hải miền trung mùa hạ khô do nằm ở sườn khuất gió. Mưa vào thu-đông do chịu tác động của frông, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,25đ)

* Lượng mưa phân hóa khác nhau giữa các vùng lãnh thổ, các địa phương (0,25đ)

- Những khu vực nhiều mưa, lượng mưa rất lớn (>2800 mm/năm): Huế - Đà Nẵng, Móng Cái, Hoàng Liên Sơn... do nằm ở sườn đón gió, dải hội tụ nhiệt đới, bão... (0,5đ)
- Những khu vực ít mưa, lượng mưa rất thấp (<400 mm/năm): Lạng Sơn, cực nam Trung Bộ... đều nằm ở vùng khuất gió, địa hình thấp hoặc song song với các hướng gió... (0,5đ)
- Khu vực mưa trung bình, (1600-2000 mm/n) phân bố rộng khắp do nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, tác động của biển, độ ẩm cao. (0,5đ)

Câu 2: Chứng minh Việt Nam là nước đông dân, cơ cấu dân số trẻ, mật độ dân số cao.

* Việt Nam là nước đông dân: (0,5đ)

- Năm 2002, số dân nước ta là 79,7 triệu người (sách giáo khoa địa lí 9) (HS có thể lấy số liệu Atlát Địa lí Việt Nam hoặc số liệu ngày 1/11/2013 là 90 triệu người)

- Với số dân này nước ta đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á, thứ 13 trên thế giới trong khi diện tích nước ta đứng thứ 58 trên thế giới.

* Cơ cấu dân số trẻ: (0,5đ)

Số người dưới và trong độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ cao, trên độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ thấp

Năm 1999:

- Nhóm 0 – 14 tuổi (dưới tuổi lao động): 33,5%
- Nhóm 15 – 59 tuổi (trong tuổi lao động): 58,4%
- Nhóm 60 tuổi trở lên (trên tuổi lao động): 8,1%

* Mật độ dân số cao:

Năm 2003: 246 người/km² (mật độ dân số thế giới 47 người/km²) (0,25đ)

Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh vì: (0,75đ)

- Nước ta có dân số đông, quy mô dân số lớn
- Nước ta có cơ cấu dân số trẻ, số phụ nữ bước vào độ tuổi sinh đẻ cao
- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng vẫn thuộc loại cao trên thế giới

Câu 3: Phân tích các nhân tố tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta.

1. Các nhân tố tự nhiên: (2,5 điểm)

+ Nước ta có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng tạo cơ sở về nguyên, nhiên liệu và năng lượng để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành. Các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm. (0,5đ)

+ Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú: Nhiên liệu (than, dầu, khí); kim loại (sắt, mangan, crôm, đồng, thiếc, chì kẽm,...); phi kim (apatit, pirit, photphorit,...); vật liệu xây dựng (sét, đá vôi,...) tạo cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, luyện kim, hoá chất, vật liệu xây dựng... (0,5đ)

+ Nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều sông có giá trị lớn về thủy năng tạo điều kiện phát triển công nghiệp năng lượng (thủy điện). (0,5đ)

+ Tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, nguồn lợi sinh vật biển nước ta rất đa dạng. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. (0,5đ)

+ Sự phân bố tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ tạo ra các thế mạnh khác nhau của các vùng. (0,5đ)

2. Các nhân tố kinh tế xã hội: (2,5 điểm)

* Dân cư và lao động: (0,5đ)

+ Nước ta có số dân đông, sức mua đang tăng lên, tạo nên thị trường trong nước rộng lớn.

+ Nguồn lao động dồi dào và có khả năng tiếp thu khoa học – kĩ thuật, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp cần nhiều lao động và cả một số ngành công nghệ cao. Đây là một điều kiện hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp.

* Cơ sở vật chất – kĩ thuật trong công nghiệp và hạ tầng cơ sở: (0,75đ)

- Cơ sở vật chất chưa đồng bộ và chỉ phân bố tập trung ở một số vùng. Trình độ công nghệ của nhiều ngành công nghiệp nước ta còn thấp, hiệu quả sử dụng thiết bị chưa cao, mức tiêu hao năng lượng và nguyên vật liệu còn lớn.

- Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, nước,... đang từng bước được cải thiện, nhất là các vùng kinh tế trọng điểm.

* Chính sách phát triển công nghiệp: (0,5đ)

+ Chính sách công nghiệp hoá và chính sách đầu tư phát triển công nghiệp.

+ Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, khuyến khích đầu tư nước ngoài và trong nước, đổi mới cơ chế quản lí kinh tế và đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại.

* Thị trường: (0,75đ)

+ Hàng công nghiệp nước ta có thị trường trong nước rộng lớn, nhưng đang bị cạnh tranh quyết liệt bởi hàng ngoại nhập.

+ Hàng công nghiệp nước ta có lợi thế nhất định trong xuất khẩu sang các nước công nghiệp phát triển, nhưng còn hạn chế về mẫu mã, chất lượng,... Sức ép của thị trường đã và đang làm cho cơ cấu công nghiệp nước ta trở nên đa dạng, linh hoạt hơn.

Câu 4:

Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang (...) (Nếu thiếu trừ 0,25 điểm)

1. Những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng Đồng Bằng Sông Hồng (4,0đ)

* Thuận lợi: (3,0)

- Điều kiện tự nhiên:

+ Có vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế xã hội với các vùng trong cả nước. (0,25đ)

+ Địa hình tương đối bằng phẳng. (0,25đ)

+ Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, có một mùa đông lạnh là điều kiện thuận lợi để đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính. (0,25đ)

+ Hệ thống sông ngòi dày đặc (lớn nhất là sông Hồng, sông Thái Bình) có lượng nước dồi dào quanh năm, thuận lợi cho tưới tiêu. (0,25đ)

+ Đất phù sa sông Hồng rất màu mỡ thích hợp cho thâm canh lúa nước. (0,25đ)

+ Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú là cơ sở để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp năng lượng. (0,25đ)

+ Tài nguyên biển phong phú thuận lợi cho khai thác, nuôi trồng thủy sản (0,25đ)

* Điều kiện dân cư xã hội: (1,25đ)

• Là vùng dân cư đông đúc nhất nước ta, nguồn lao động dồi dào, mật độ dân trí cao. (0,25đ)

• Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước. (0,25đ)

• Cơ sở vật chất – kỹ thuật ngày càng hoàn thiện (0,25đ)

• Tập trung nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống..... (0,25đ)

• Một số đô thị được hình thành từ lâu đời (Thành phố Hà Nội, Hải Phòng). (0,25đ)

* Khó khăn: (1,0)

• Mùa đông khí hậu lạnh, ẩm, nấm mốc sâu bệnh dễ phát triển ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp. (0,25đ)

• Mật độ dân số cao, kinh tế chuyển dịch chậm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. (0,25đ)

• Diện tích đất phèn, đất lầy thụt lớn cần được cải tạo. (0,25đ)

• Mùa lũ nước sông Hồng dâng cao gây ngập lụt, khó khăn cho sản xuất nông nghiệp. (0,25đ)

2. Ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (1,0đ)

- Tăng độ che phủ rừng. Hạn chế lũ quét, xói mòn đất. (0,25đ)

- Cải thiện điều kiện sinh thủy cho các dòng sông, điều tiết nước cho các hồ thủy điện và thủy lợi. (0,25đ)

- Là cơ sở nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất giấy. (0,25đ)

- Góp phần sử dụng lao động nhân rỗi trong nông nghiệp, tăng thu nhập, cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc. (0,25đ)

Câu 5:

1. Vẽ biểu đồ (2,0đ)

Vẽ biểu đồ cột chồng giá trị tuyệt đối.

Yêu cầu: đúng dạng biểu đồ, chính xác, có tên biểu đồ, đơn vị, chú giải, số liệu ghi trên biểu đồ.

Lưu ý:

- Vẽ biểu đồ khác: không cho điểm.

- Nếu thiếu 1 trong các yêu cầu trên thì trừ 0,25 điểm/yêu cầu. 2,0

2. Nhận xét về tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp và giải thích vì sao diện tích cây công nghiệp lâu năm ở nước ta liên tục tăng

a) Nhận xét (1,5 đ)

- Trong giai đoạn 1990 - 2010, tổng diện tích cây công nghiệp, cây công nghiệp lâu năm và cây công nghiệp hàng năm đều tăng. (0,25đ) - Trong đó:

+ Tổng diện tích cây công nghiệp tăng nhanh từ 1.199,3 nghìn ha lên 2.808,1 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 1.608,8 nghìn ha, tăng gấp 2,34 lần. (0,25đ)

+ Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng rất nhanh từ 657,3 nghìn ha lên 2.010,5 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 1.353,2 nghìn ha, tăng gấp 3,1 lần. (0,25đ)

+ Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng chậm từ 542,0 nghìn ha lên 797,6 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 255,6 nghìn ha, tăng gấp 1,5 lần. (0,25đ)

- Cơ cấu diện tích cây công nghiệp có sự thay đổi:

- Cây công nghiệp lâu năm chiếm ưu thế và đang có xu hướng tăng dần tỉ trọng từ 54,8% lên 71,6%. (0,25đ)

- Cây công nghiệp hàng năm giảm dần tỉ trọng từ 45,2% xuống 28,4%. (0,25đ)

b) Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng là do (0,5 đ)

- Nước ta có điều kiện tự nhiên (đất, khí hậu...) thuận lợi cho sản xuất cây công nghiệp.

- Thị trường mở rộng, nhất là thị trường xuất khẩu. (0,25đ)

- Chính sách phát triển cây công nghiệp của nhà nước.

- Các điều kiện khác: công nghiệp chế biến, lao động, cơ sở vật chất... (0,25đ)

ĐỀ SỐ 36

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÚ THỌ**

**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9
THCS CẤP TỈNH NĂM HỌC 2016 - 2017**

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8,0 điểm)

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho tài nguyên sinh vật nước ta phong phú?

A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. B. Nằm ở nơi tiếp xúc của các luồng gió mùa.

C. Lãnh thổ kéo dài khoảng 15 vĩ độ. D. Nằm ở vị trí tiếp xúc của các luồng sinh vật.

Câu 2. Nhận định nào sau đây thể hiện sự ảnh hưởng của hình dáng lãnh thổ đến khí hậu nước ta?

A. Khí hậu phân hóa theo chiều Bắc - Nam. B. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới gió mùa.

C. Khí hậu chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. D. Khí hậu phân hóa theo đai cao.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây là tính chất chủ yếu của thiên nhiên nước ta?

A. Tính chất bán đảo. B. Đa dạng, phức tạp. C. Nhiệt đới ẩm gió mùa. D. Biển động, nhiều thiên tai.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Hồng (trạm Hà Nội) lớn nhất vào tháng nào trong năm? A. Tháng 6. B. Tháng 7. C. Tháng 8. D. Tháng 9.

Câu 5. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi ở Tây nguyên và Nam Bộ có lưu lượng dòng chảy kiệt nhỏ?

A. Sông ngòi ngắn, độ dốc lớn. B. Mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao.
C. Nhận ít nước từ bên ngoài lãnh thổ. D. Lớp phủ thực vật suy giảm nhanh.

Câu 6. Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm vị trí địa lí của nước ta?

A. Nằm trong vùng nội chí tuyến. B. Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển.
C. Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa. D. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.

Câu 7. Sự phân chia khí hậu thành mùa mưa và mùa khô ở phần lãnh thổ phía Nam nước ta đặc biệt rõ nét từ vĩ độ

A. 16°B trở vào. B. $16^{\circ}\text{B} - 14^{\circ}\text{B}$. C. 14°B trở vào. D. 12°B trở vào.

Câu 8. Địa hình làm cho khí hậu vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Mùa đông lạnh nhất cả nước. B. Mùa hạ đến sớm và kết thúc muộn.
C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. D. Khí hậu có đủ ba đai cao.

Câu 9. Vùng tiếp giáp lãnh hải của nước ta là vùng

A. rộng 12 hải lí tính từ lãnh hải ra phía biển. B. rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra biển.

C. nước tiếp giáp đất liền phía trong đường cơ sở. D. rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển.

Câu 10. Gió mùa mùa hạ chính thức ở nước ta xuất phát từ

A. áp cao chí tuyến bán cầu Bắc. B. áp cao ở lục địa phương Bắc.
C. áp cao vịnh Ben - gan. D. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 11. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết vùng nào sau đây có nhiều khu kinh tế cửa khẩu nhất cả nước? A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 12. Ý nào sau đây là khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay?

A. Khả năng mở rộng diện tích hạn chế. B. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn lạc hậu.
C. Thị trường thế giới có nhiều biến động. D. Công nghệ chế biến chưa phát triển.

Câu 13. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có ý nghĩa quốc gia?

A. Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Huế. B. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.
C. Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, TP. Hồ Chí Minh, D. Vinh, Huế, TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.

Câu 14. Nguyên liệu chủ yếu nào sau đây được sử dụng làm nước mắm truyền thống ở nước ta?

A. Cá ba sa. B. Cá biển. C. Tôm hùm. D. Tôm sú.

Câu 15. Hoạt động nào sau đây thuộc lĩnh vực dịch vụ tiêu dùng ở nước ta?

A. Dịch vụ cá nhân, giáo dục và khách sạn. B. Kinh doanh tài sản, tư vấn và tín dụng.
C. Thương nghiệp, khách sạn và nhà hàng. D. Giao thông vận tải, bảo hiểm và đoàn thể.

Câu 16. Ngành nào sau đây là ngành công nghiệp trọng điểm của Đồng Bằng sông Hồng?

A. Luyện kim màu và cơ khí chế tạo. B. Hóa chất và sản xuất hàng tiêu dùng.
C. Khai thác khí đốt và công nghiệp cơ khí. D. Sản xuất hàng tiêu dùng và vật liệu xây dựng.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây không đúng với Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Nhiều vũng vịnh sâu, kín gió. B. Nhiều bãi biển, thắng cảnh đẹp.
C. Sông ngòi dày đặc, tiềm năng thủy điện lớn. D. Khoáng sản ti tan, cát thủy tinh có trữ lượng lớn.

Câu 18. Sản xuất công nghiệp của Đông Nam Bộ đang gặp những khó khăn nào sau đây?

A. Cơ sở năng lượng không đảm bảo. B. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu.
C. Cơ cấu ngành sản xuất mất cân đối. D. Chất lượng môi trường đang bị suy giảm.

Câu 19. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho dải đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh trở thành nơi sản xuất lúa chủ yếu của Bắc Trung Bộ?

A. Khai hoang, mở rộng diện tích. B. Đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất.
C. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng. D. Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.

Câu 20. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho thủy sản chết hàng loạt ở ven biển miền Trung nước ta năm 2016?

A. Đánh bắt hủy diệt. B. Chất thải công nghiệp. C. Biến đổi khí hậu. D. Thiên tai xảy ra liên tiếp.

II. PHẦN TỰ LUẬN (12,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

- Nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư ở Tây nguyên.
- Nêu hậu quả của sự phân bố dân cư không đều ở nước ta.

Câu 2 (3,0 điểm)

a) Phân tích vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển các ngành công nghiệp nước ta. Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta hiện nay, ngành nào chiếm tỉ trọng lớn nhất?

Vì sao?

b) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy so sánh hai trung tâm công nghiệp Việt Trì và Hải Phòng.

Câu 3 (3,5 điểm)

a) Phân tích những khó khăn về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

b) Kể tên một số thương hiệu chè của Trung du và miền núi Bắc Bộ được nhiều nước ưa chuộng. Tại sao Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên là hai vùng trồng nhiều chè nhất nước ta?

c) Hiện nay, những ngành công nghiệp nào được phát triển mạnh ở Tây Nguyên? Tại sao?

Câu 4 (3,5 điểm)

Cho bảng số liệu: GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2014 (tỉ USD)

Năm	Tổng số	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000		14,5	15,6
2005		32,4	36,8
2010	157,0		84,8
2012	228,3		113,8
2014	298,0	150,2	

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2010, 2015; Nhà xuất bản Thống kê, 2010 và 2016)

a) Hoàn thiện bảng số liệu thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2014. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2014.

b) Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét về cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta.

c) Hiện nay, nước ta nhập khẩu hàng hóa nhiều nhất từ quốc gia nào?

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Địa lý lớp 9

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8,0 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	11	A
2	A, C	12	C
3	C	13	B
4	C	14	B
5	B	15	C
6	D	16	D

7	C	17	C
8	A, C	18	B, D
9	A	19	B
10	D	20	B

II. PHẦN TỰ LUẬN (12,0 điểm)

Câu 1

a) Nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư ở Tây nguyên.

- Là vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta (dẫn chứng). Vì điều kiện tự nhiên khó khăn, kinh tế còn kém phát triển...

- Dân cư phân bố không đều:

+ Tập trung chủ yếu ở đô thị và ven các trục đường giao thông (dẫn chứng). Vì đây là những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của các tỉnh.

+ Thưa thớt ở các vùng còn lại (50 người/km²). Vì đây là những vùng núi cao, kinh tế khó khăn.

b) Nêu hậu quả của sự phân bố dân cư không đều ở nước ta.

- Dân cư phân bố không đều gây khó khăn cho:

+ Sử dụng lao động;

+ Khai thác tài nguyên.

Câu 2

a). Phân tích vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển các ngành công nghiệp nước ta. Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta hiện nay, ngành nào chiếm tỉ trọng lớn nhất? Vì sao?

+ Phân tích vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển các ngành công nghiệp nước ta.

+ Tài nguyên thiên nhiên đa dạng tạo cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành.

+ Các nguồn tài nguyên thiên nhiên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

+ Sự phân bố tài nguyên thiên nhiên trên lãnh thổ tạo các thế mạnh khác nhau của các vùng.

+ Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta hiện nay ngành chiếm tỉ trọng cao nhất là công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

* Giải thích:

+ Nguồn nguyên liệu phong phú, lấy từ trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản

+ Vốn đầu tư không lớn; nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ.

b) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy so sánh hai trung tâm công nghiệp Việt Trì và Hải Phòng.

* Giống nhau:

- Đều là những trung tâm công nghiệp có cơ cấu ngành tương đối đa dạng

- Đều có ngành chuyên môn hóa chế biến nông sản, SX vật liệu xây dựng.

* Khác nhau:

- + Quy mô: Hải Phòng lớn hơn Việt Trì (dẫn chứng)
- + Số lượng ngành: Hải Phòng có nhiều ngành hơn Việt Trì (dẫn chứng)
- + Ngành chuyên môn hóa: Việt Trì có ngành hóa chất, phân bón và sản xuất gỗ giấy, xenlulô; Hải Phòng có ngành luyện kim đen, cơ khí, đóng tàu, điện tử và dệt may.
- + Phân bố: Việt Trì thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ, Hải Phòng thuộc Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3

a) Phân tích những khó khăn về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Địa hình bị chia cắt mạnh gây trở ngại cho hoạt động giao thông vận tải.
- Khoáng sản trữ lượng nhỏ, điều kiện khai thác phức tạp.
- Thời tiết diễn biến thất thường gây khó khăn cho tổ chức sản xuất và đời sống.
- Thiên tai thường xuyên xảy ra như xói mòn, sạt lở đất, lũ quét... làm cho chất lượng môi trường bị giảm sút nghiêm trọng.

b) Kể tên một số thương hiệu chè được nhiều nước ưu chuộng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. Tại sao Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên là hai vùng trồng nhiều chè nhất nước ta?

- Thương hiệu chè: Mộc Châu, Sơn, Tân Cương.

- Giải thích:

+ Trung du và miền núi Bắc Bộ: khí hậu lạnh nhất cả nước, đất feralit phân bố trên địa hình đồi và cao nguyên thuận lợi phát triển cây chè.

+ Tây Nguyên: cao nguyên cao có khí hậu mát mẻ, đất feralit thích hợp với điều kiện sinh thái của cây chè.

Chú ý: Nếu có những nhân tố khác phù hợp, cộng thêm 0,25đ nhưng không vượt quá tổng điểm của câu 3b.

c) Hiện nay, những ngành công nghiệp nào được phát triển mạnh ở Tây Nguyên? Tại sao?

- Các ngành chế biến nông, lâm sản phát triển khá nhanh; Do vùng có nguồn nguyên liệu dồi dào.

- Công nghiệp thủy điện với một số dự án lớn đã và đang được triển khai; Do vùng có trữ năng thủy điện lớn.

Năm	Tổng số	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000	30,1	14,5	15,6
2005	69,2	32,4	36,8
2010	157,0	72,2	84,8
2012	228,3	114,5	113,8
2014	298,0	150,2	147,8

Câu 4

a) Hoàn thiện bảng số liệu thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2014. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2014.

- Hoàn thiện bảng số liệu: GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2014 (tỉ USD)

- Xử lý số liệu:

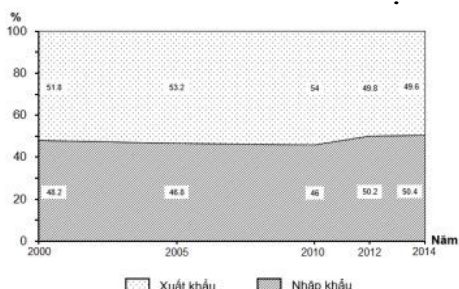
CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2014. (Đơn vị: %)

Năm	Tổng số	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000	100	48,2	51,8
2005	100	46,8	53,2
2010	100	46,0	54,0
2012	100	50,2	49,8
2014	100	50,4	49,6

Chú ý:

- Nếu sai số liệu trừ 0,25đ
- Thiếu tên bảng, đơn vị trừ 0,25đ.
- Vẽ biểu đồ miền:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA



Chú ý:

- Vẽ biểu đồ khác không cho điểm

- Vẽ sai một giá trị trừ 0,25đ
- Thiếu tên biểu đồ, chú giải, số liệu, năm, khoảng cách năm không đúng, trừ 0,25đ/1 lỗi.

b). Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét về cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta.

Cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta có thay đổi tích cực:

+ 2000 - 2010: tỉ trọng nhập khẩu tăng, xuất khẩu giảm (dẫn chứng); nhập siêu (dẫn chứng)

+ 2010 - 2014: tỉ trọng nhập khẩu giảm, xuất khẩu tăng (dẫn chứng); xuất siêu (dẫn chứng)

Chú ý: Nếu diễn đạt cách khác mà vẫn đúng, đủ dẫn chứng vẫn cho điểm tối đa.

c). Hiện nay, nước ta nhập khẩu hàng hóa nhiều nhất từ quốc gia nào?

- Việt Nam nhập khẩu hàng hóa nhiều nhất từ Trung Quốc.

ĐỀ SỐ 37

ĐỀ KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI THI TỈNH

NĂM HỌC 2015-2016 MÔN: ĐỊA LÍ 9

(Thời gian làm bài 150 phút, không kể giao đề)

Câu I (2,5 điểm). Cho đoạn thông tin sau:

"Tài nguyên thiên nhiên của nước ta đa dạng, tạo cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành. Các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm... Sự phân bố tài nguyên trên lãnh thổ tạo các thế mạnh khác nhau của các vùng".

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 9 – Nhà xuất bản Giáo dục năm 2012)

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy chứng minh nhận định trên.

Câu II (2,0 điểm).

1. Nêu các thế mạnh kinh tế chủ yếu của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?
2. Nhờ những điều kiện thuận lợi gì mà cây chè ở Trung du miền núi Bắc Bộ chiếm tỉ trọng lớn về diện tích và sản lượng so với cả nước?

Câu III (2,5 điểm). Dựa vào Át lát địa lý Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh:

1. Việt Nam là một nước đông dân. Dân số nước ta liên tục tăng nhưng đang có xu hướng giảm về tỷ lệ gia tăng.
2. Mật độ dân số cao ở Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế xã hội. Theo em cần phải làm gì để giải quyết những khó khăn đó?

Câu IV (3,0 điểm). Cho bảng số liệu sau:

Diện tích và giá trị sản xuất của ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta

Năm	Diện tích trồng cây công nghiệp (nghìn ha)			Giá trị sản xuất (nghìn tỷ đồng)
	Tổng diện tích	Trong đó chia ra		
		Cây công nghiệp hàng năm	Cây công nghiệp lâu năm	
2005	2496	862	1634	79
2007	2668	846	1822	91
2010	2809	798	2011	105
2012	2953	730	2223	116

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2013, Nhà xuất bản Thống kê, 2014)

1. Lựa chọn và vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích và giá trị sản xuất của ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta trong giai đoạn 2005 - 2012.
2. Từ biểu đồ đã vẽ nhận xét tình hình phát triển của ngành trồng cây công nghiệp nước ta và giải thích.

Đáp án đề thi học sinh giỏi cấp tỉnh môn Địa lý lớp 9

Câu I:

* Tài nguyên thiên nhiên của nước ta đa dạng, tạo cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành:

Khoáng sản: (0,5đ)

- Khoáng sản nhiên liệu: Than, dầu khí cơ sở phát triển ngành công nghiệp năng lượng, hóa chất.
- Khoáng sản kim loại: sắt, mangan, crôm, thiếc, chì... cơ sở phát triển công nghiệp luyện kim đen, luyện kim màu.
- Khoáng sản phi kim loại; apatit, pirit, photphorit... cơ sở phát triển công nghiệp hóa chất.
- Vật liệu xây dựng: sét, đá vôi... cơ sở phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng.

Thủy năng của sông suối: cơ sở phát triển công nghiệp năng lượng (thủy điện). (0,25đ)

Tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, nguồn lợi sinh vật biển... là cơ sở phát triển ngành nông, lâm, ngư nghiệp từ đó tạo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

* Những nơi tập trung nguồn tài nguyên với trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm. Thể hiện:

+ Công nghiệp khai thác nhiên liệu phát triển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (than), ở Đông Nam Bộ (dầu, khí). ((0,25đ)

+ Công nghiệp điện phát triển ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên (có nhiều than, dầu khí và nguồn thủy năng của sông suối) (0,25đ)

+ Công nghiệp hóa chất phát triển ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (sản xuất phân bón, hóa chất cơ bản), ở Đông Nam Bộ (sản xuất phân bón, hóa dầu). (0,25đ)

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng phát triển ở nhiều địa phương đặc biệt ở đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ... (0,25đ)

* Sự phân bố tài nguyên trên lãnh thổ tạo các thế mạnh khác nhau của các vùng: (0,5đ)

+ Trung du và miền núi Bắc bộ có thế mạnh nổi bật về công nghiệp khai khoáng, công nghiệp năng lượng (than, thủy điện, nhiệt điện)

+ Bắc Trung Bộ thế mạnh về công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng (xi măng,...)

+ Đông Nam Bộ có thế mạnh về công nghiệp năng lượng (dầu khí, thủy điện, nhiệt điện), công nghiệp khai khoáng

+ Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh về công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm,....

(Lưu ý học sinh lấy ví dụ từ 3 vùng trở lên có thể cho điểm tối đa)

Câu II:

1. Thế mạnh kinh tế chủ yếu của Trung du miền núi Bắc Bộ

a. Thế mạnh về khoáng sản và thủy năng:

- Là vùng có hầu hết các loại khoáng sản của nước ta, nhiều loại có trữ lượng lớn và có giá trị như: than, sắt, đồng, thiếc, niken, boxit, vàng... (0,25đ)

- Tiềm năng lớn về thủy điện: Với hệ thống sông Hồng có trữ lượng thủy năng chiếm 37% cả nước (11 triệu kw). Phần lớn các sông trong vùng đều có giá trị thủy điện. (0,25đ)

Nhiều nhà máy đã và đang xây dựng như: Hòa Bình, Thác Bà, Đại Thi, Na Hang, Sơn La... (0,25đ)

b. Thế mạnh về cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt đới và ôn đới.

+ Có diện tích đất feralit lớn và đất phù sa cổ ở trung du. (0,25đ)

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với chế độ nhiệt ẩm cao, có mùa đông lạnh, có sự phân hóa theo độ cao và theo mùa nên thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt đới và ôn đới: chè, tam thất...; mận, đào, lê... (0,25đ)

c. Thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn: Vùng có nhiều đồng cỏ (chủ yếu trên các cao nguyên). Khí hậu thích hợp với việc chăn nuôi gia súc lớn như trâu, bò, dê, ngựa, đặc biệt là trâu. (0,25đ)

d. Thế mạnh về kinh tế biển và du lịch: Vùng giáp với vịnh Bắc Bộ, giàu tiềm năng về nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản; về giao thông biển và du lịch biển đảo, hang động... (0,25đ)

2. Những điều kiện thuận lợi để cây chè chiếm diện tích, sản lượng lớn

- Diện tích vùng trung du rộng, đất feralit chiếm diện tích lớn, phân bố tập trung. Diên biến khí hậu có mùa đông lạnh, có tính chất cận nhiệt phù hợp với cây chè (0,25đ)

- Thị trường tiêu thụ rộng: trong nước chè là đồ uống truyền thống, cũng là đồ uống ưa thích của nhiều nước. Nhiều thương hiệu chè nổi tiếng (Dẫn chứng) (0,25đ)

Câu III:

1. a. Nước ta là 1 nước đông dân:

- Năm 2002 dân số nước ta là 79,7 triệu người, năm 2007 là 85,17 triệu người. Dân số nước ta đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á (Sau Ấn Độ và Philip pin), đứng thứ 8 của Châu Á (0,25đ)

- Về diện tích lãnh thổ nước ta đứng thứ 58 trên thế giới (chiếm khoảng 0,2% diện tích trên thế giới) nhưng dân số lại đứng thứ 14 trên tổng số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ hiện nay. (0,25đ)

b. Dân số nước ta liên tục tăng nhưng đang có xu hướng giảm về tỷ lệ gia tăng

* Dân số nước ta liên tục tăng, mức tăng tương đối nhanh (0,25đ)

- Năm 1960 dân số là 30,17 triệu người

- Năm 1979 dân số là 52,46 triệu người

- Năm 1989 dân số là 64,41 triệu người

- Năm 1999 dân số là 76,6 triệu người

- Năm 2000 dân số là 77,63 triệu người

- Năm 2007 dân số là 85,17 triệu người

Mỗi năm dân số nước ta tăng thêm khoảng trên 1 triệu người (gần bằng dân số 1 tỉnh ở Tây Bắc).

* Tỷ lệ gia tăng dân số nước ta hiện nay đang có xu hướng giảm xuống. Hiện nay tỉ suất sinh tương đối thấp. (0,25đ)

Năm 1960 tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta là xấp xỉ 4%, đến năm 1979 tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giảm xuống còn 2,5%, năm 1989 là 2.1%, năm 1999 là 1.43% đến năm 2003 tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giảm xuống chỉ còn 1,3%.

* Tỷ lệ gia tăng dân số của nước ta tuy giảm nhưng vẫn ở mức cao vì vậy dân số hàng năm vẫn tăng nhanh.

2. Mật độ dân số cao ở Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn cho sự phát triển kinh tế xã hội:

a. Thuận lợi: (0,5đ)

- Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn. Người dân có trình độ thâm canh nông nghiệp lúa nước, giỏi nghề thủ công.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo tương đối cao. Đội ngũ tri thức và kỹ thuật, công nghệ đồng đảo.

b. Khó khăn: (0,5đ)

- Dân số đông nên bình quân diện tích đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa) hiện ở mức thấp nhất trong cả nước (0,05 ha/người).

- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn mức trung bình toàn quốc.

- Nhu cầu về việc làm, văn hóa, y tế, giáo dục ngày càng cao, đòi hỏi đầu tư lớn.

- Tạo sức ép dân số lên tài nguyên môi trường, sự phát triển KTXH, thu nhập bình quân đầu người/ tháng là 280,3 nghìn đồng (1999) thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (295 nghìn đồng)

c. Phương hướng: (0,5đ)

- Thực hiện tốt chính sách dân số KHHGD, giảm mức gia tăng dân số.

- Thực hiện chính sách di dân đi phát triển các vùng khác.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, đa dạng hóa cơ cấu kinh tế với việc đẩy mạnh công nghiệp, dịch vụ giảm sức ép dân số lên đất đai và tạo công ăn việc làm cho người dân lao động

Câu IV:

1. Biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ kết hợp không xử lý số liệu (Cột chồng + đường) (1,0đ)

- Cột chồng thể hiện diện tích trồng cây công nghiệp

- Đường biểu diễn thể hiện giá trị sản xuất

(Học sinh vẽ biểu đồ khác hoặc xử lý số liệu đều không cho điểm)

* Yêu cầu: vẽ bằng bút mực, vẽ chính xác số liệu, đúng khoảng cách năm, trình bày sạch đẹp, rõ ràng. Ghi đủ các nội dung: số liệu, kí hiệu, chú giải, tên biểu đồ, năm, đơn vị.

(Nếu thiếu, sai mỗi lỗi trừ 0,25 điểm)

2. Nhận xét:

Nhìn chung ngành trồng cây công nghiệp luôn phát triển từ 2005 – 2012. Tổng diện tích từ 2005 – 2012 tăng 457 nghìn ha tăng gấp 1,18 lần, nhưng có sự tăng giảm khác nhau giữa cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm (0,5đ)

- Cây công nghiệp hàng năm từ năm 2005 – 2012 diện tích giảm 132 nghìn ha, giảm đi 1,18 lần.
- Cây công nghiệp lâu năm từ 2005 – 2012 diện tích tăng 589 nghìn ha, tăng gấp 1,36 lần.

Diện tích của cây công nghiệp lâu năm chiếm nhiều hơn diện tích cây công nghiệp hàng năm. (0,25đ)

Giá trị sản xuất ngành trồng cây công nghiệp từ 2005 – 2012 tăng mạnh, tăng 37 nghìn tỉ đồng, tăng gấp 1,47 lần (0,25đ)

3. Giải thích:

Ngành trồng cây công nghiệp nước ta phát triển mạnh vì: (0,5đ)

- Nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây công nghiệp: đất trồng (với nhiều loại đất feralit, tốt nhất là đất đỏ badan, đất xám phù sa cổ, đất phù sa), nguồn nước dồi dào, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa phù hợp với nhiều cây công nghiệp nhiệt đới, cây công nghiệp cận nhiệt đới.

- Lao động đông có nhiều kinh nghiệm trồng và chế biến sản phẩm cây công nghiệp.

- Chủ trương của nhà nước đẩy mạnh việc trồng cây công nghiệp (đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp).

- Thị trường tiêu thụ mở rộng trong nước và nhất là thị trường xuất khẩu.

Diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm ở nước ta tăng mạnh vì nhiều sản phẩm công nghiệp lâu năm của nước ta là mặt hàng xuất khẩu có giá trị (chè, cà phê, cao su...). (0,25đ)

Giá trị sản xuất tăng cao vì công nghiệp chế biến phát triển, chất lượng sản phẩm công nghiệp được nâng cao. (0,25đ)

ĐỀ SỐ 38

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KÌ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THANH HOÁ TỈNH

Năm học: 2013 2014

Môn thi: Địa lí

ĐỀ CHÍNH THỨC

Lớp 9 THCS

Ngày thi: 21/03/2014

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian phát đề)

Câu I (4,0 điểm):

1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc? Trình bày tình hình phân bố của các dân tộc ở nước ta.

2. Cơ cấu lao động nước ta phân theo ngành kinh tế và thành phần kinh tế đang thay đổi theo chiều hướng tích cực. Hãy trình bày và giải thích sự thay đổi đó.

Câu II (5,0 điểm):

1. Trình bày tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản của nước ta.

2. Phân tích tác động của các nhân tố tự nhiên đối với cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.

Câu III (5,0 điểm):

1. Chứng minh Đông Nam Bộ có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển.

2. Dựa trên những cơ sở nào để khẳng định Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất nước ta ?

Câu IV (6,0 điểm):

Cho bảng số liệu sau:

Diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 1990 - 2010

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	1990	1995	2000	2007	2010
Cây công nghiệp hàng năm	542,0	716,7	778,1	864,0	797,6
Cây công nghiệp lâu năm	657,3	902,3	1.451,3	1.821,0	2.010,5
Tổng số	1.199,3	1.619,0	2.229,4	2.685,0	2.808,1

Em hãy:

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 1990 - 2010.

2. Nhận xét về tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 1990 - 2010 và giải thích vì sao diện tích cây công nghiệp lâu năm liên tục tăng?

Hướng dẫn chấm

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I			4,0
	1	Số dân tộc và sự phân bố các dân tộc ở nước ta:	2,0
		* Việt Nam có 54 dân tộc cùng chung sống gắn bó với nhau trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.	0,25
		* Sự phân bố các dân tộc:	
		- Người Việt phân bố rộng khắp trong cả nước song tập trung hơn ở các vùng đồng bằng, trung du và duyên hải.	0,25
		- Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du.	0,25
		* Có sự khác nhau về dân tộc và phân bố dân tộc giữa:	
		- Trung du và miền núi Bắc Bộ :	0,25
		+ Là địa bàn cư trú đan xen của trên 30 dân tộc.	
		+ Ở vùng thấp người Tày, Nùng sống tập trung ở tả ngạn sông Hồng; người Thái, Mường phân bố từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả. Người Dao sinh sống chủ yếu ở các sườn núi từ 700 -1000 m.	0,25
		Trên các vùng núi cao là địa bàn cư trú của người Mông.	0,25
		- Khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên :	0,25

		<ul style="list-style-type: none"> + Có trên 20 dân tộc ít người. + Các dân tộc ở đây cư trú thành từng vùng khá rõ rệt: người Ê-đê ở Đăk Lăk; người Gia-rai ở Kon Tum và Gia Lai; người Cơ-Ho chủ yếu ở Lâm Đồng) - Các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ : Có các dân tộc Chăm, Khơ me cư trú thành từng dải hoặc xen kẽ với người Việt. Người Hoa chủ yếu tập trung ở các đô thị, nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh. 	0,25
	2		2,0
		<p>* Cơ cấu lao động nước ta phân theo ngành kinh tế và thành phần kinh tế đang thay đổi theo chiều hướng tích cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế đang thay đổi theo hướng: <ul style="list-style-type: none"> + Giảm tỉ lệ lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp: giai đoạn 2000 - 2005 giảm từ 65,1% xuống còn 57,3%. Tuy nhiên, lao động trong khu vực này vẫn còn chiếm tỉ lệ cao. + Tăng tỉ lệ lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ: giai đoạn 2000 - 2005 tỉ lệ lao động khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 13,1% lên 18,2%; tỉ lệ lao động ngành dịch vụ tăng từ 21,8% lên 24,5%. - Theo thành phần kinh tế: <ul style="list-style-type: none"> + Giảm tỉ lệ lao động trong khu vực nhà nước. + Tăng tỉ lệ lao động trong các khu vực kinh tế khác (dẫn chứng). <p>* Cơ cấu lao động ở nước ta có sự chuyển dịch là do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. - Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. - Chính sách mở cửa; luật đầu tư... 	0,5 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
II			5,0
	1	Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản	2,5
		<ul style="list-style-type: none"> - Do thị trường mở rộng mà hoạt động của ngành thủy sản trở nên sôi động. - Gần một nửa số tỉnh nước ta giáp biển, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản đang được đẩy mạnh. Nghề cá ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ phát triển mạnh. - Khai thác hải sản: <ul style="list-style-type: none"> + Sản lượng khai thác tăng khá nhanh, chủ yếu do tăng số lượng tàu thuyền và tăng công suất tàu. + Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác là Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận. - Nuôi trồng thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> + Nuôi trồng thủy sản gần đây phát triển nhanh, đặc biệt là nuôi tôm, cá. + Các tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất là Cà Mau, An 	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

		<p>Giang và Bến Tre.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng sản lượng thủy sản ở nước ta năm 2002 là 2.647,4 nghìn tấn, trong đó sản lượng khai thác là 1802,6 nghìn tấn và nuôi trồng là 844,8 nghìn tấn. - Xuất khẩu thủy sản đã có bước phát triển vượt bậc. Giá trị xuất khẩu năm 2002 đạt 2.014 triệu USD (đứng thứ ba sau dầu khí và may mặc). Xuất khẩu thủy sản đã là đòn bẩy tác động đến toàn bộ các khâu khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. - Hiện nay sản lượng khai thác vẫn chiếm tỉ trọng lớn, sản lượng nuôi trồng tuy chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng đang có tốc độ tăng nhanh. 	<p>0,5 0,25</p>
	2		2,5
		<ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên thiên nhiên của nước ta phong phú, tạo cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng cho phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành. - Các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm. - Tài nguyên khoáng sản đa dạng, được chia thành 4 nhóm <ul style="list-style-type: none"> + Khoáng sản nhiên liệu: Than, dầu, khí là cơ sở phát triển công nghiệp năng lượng, hóa chất. + Khoáng sản kim loại: sắt, man gan, crôm, thiếc, chì, kẽm) nguyên liệu cho ngành luyện kim đen, luyện kim màu. + Phi kim loại: apatit, pirit) là cơ sở phát triển ngành công nghiệp hóa chất. + Khoáng sản vật liệu xây dựng: sét, đá vôi) phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng. - Thủy năng của sông suối là điều kiện cho phát triển thủy điện. - Tài nguyên đất, nước, khí hậu, rừng, biển là điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành nông - lâm - ngư nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và sản xuất hàng tiêu dùng. 	<p>0, 25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,5</p>
III			5,0
	1	<i>Đông Nam Bộ có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển.</i>	2,0
		<ul style="list-style-type: none"> - Có vùng biển ấm, ngư trường rộng, nguồn hải sản phong phú tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động đánh bắt hải sản. - Thềm lục địa nông, rộng, giàu tiềm năng dầu khí thuận lợi để phát triển công nghiệp khai thác dầu khí ở vùng thềm lục địa. - Vùng biển rộng, gần đường hàng hải quốc tế thuận lợi để phát triển dịch vụ và giao thông vận tải biển. - Khí hậu cận xích đạo ổn định và nóng ẩm quanh năm, có bãi tắm đẹp, nhiều đảo và quần đảo thuận lợi cho phát triển du lịch, nghỉ dưỡng. 	<p>0,5 0,5 0,5 0,5</p>

	2	<i>Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất nước ta:</i>	3,0
		- Diện tích lúa chiếm 51,1%, sản lượng lúa chiếm 51,5% của cả nước. Lúa được trồng ở tất cả các tỉnh của đồng bằng.	0,5
		- Bình quân lương thực trên đầu người của vùng đứng đầu cả nước (đạt hơn 1000kg/ người).	0,25
		- Là vùng xuất khẩu lúa gạo chủ lực của nước ta.	0,25
		- Đồng bằng sông Cửu Long còn là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước với nhiều loại hoa quả nhiệt đới (xoài, dừa, cam, bưởi).	0,5
		- Nghề chăn nuôi vịt được phát triển mạnh. Vịt được nuôi nhiều ở các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh.	0,5
		- Tổng sản lượng thủy sản của vùng chiếm hơn 50% cả nước, các tỉnh nuôi nhiều là Kiên Giang, Cà Mau.	0,5
		- Nghề nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nghề nuôi tôm, cá xuất khẩu đang phát triển mạnh.	0,5
IV			6,0
	1	<i>* Vẽ biểu đồ</i> - Vẽ biểu đồ cột chồng giá trị tuyệt đối. - Yêu cầu: đúng dạng biểu đồ, chính xác, có tên biểu đồ, đơn vị, chú giải, số liệu ghi trên biểu đồ. - Lưu ý: + <i>Vẽ biểu đồ khác: không cho điểm.</i> + <i>Nếu thiếu 1 trong các yêu cầu trên thì trừ 0,25 điểm/yêu cầu.</i>	3,0
	2	<i>Nhận xét về tình hình phát triển diện tích cây công nghiệp và giải thích vì sao diện tích cây công nghiệp lâu năm ở nước ta liên tục tăng.</i>	
	a	<i>Nhận xét</i>	2,0
		Trong giai đoạn 1990 - 2010, tổng diện tích cây công nghiệp, cây công nghiệp lâu năm và cây công nghiệp hàng năm đều tăng. Trong đó:	0,25
		- Tổng diện tích cây công nghiệp tăng nhanh từ 1.199,3 nghìn ha lên 2.808,1 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 1.608,8 nghìn ha, tăng gấp 2,34 lần.	0,25
		+ Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng rất nhanh từ 657,3 nghìn ha lên 2.010,5 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 1.353,2 nghìn ha, tăng gấp 3,1 lần.	0,25
		+ Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng chậm từ 542,0 nghìn ha lên 797,6 nghìn ha, trong vòng 20 năm tăng thêm 255,6 nghìn ha, tăng gấp 1,5 lần.	0,25
		- Cơ cấu diện tích cây công nghiệp có sự thay đổi: + Cây công nghiệp lâu năm chiếm ưu thế và đang có xu hướng tăng dần tỉ trọng từ 54,8 % lên 71,6%.	0,5

		+ Cây công nghiệp hàng năm giảm dần tỉ trọng từ 45,2% xuống 28,4%.	
	b	<i>Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng là do:</i>	<i>1,0</i>
		- Nước ta có điều kiện tự nhiên (đất , khí hậu...) thuận lợi cho sản xuất cây công nghiệp.	0,25
		- Thị trường mở rộng, nhất là thị trường xuất khẩu.	0,25
		- Chính sách phát triển cây công nghiệp của nhà nước.	0,25
		- Các điều kiện khác: công nghiệp chế biến, lao động, cơ sở vật chất...	
Tổng	Câu I + Câu II + Câu III + Câu IV		20,0